

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2017/QĐ-UBND

*Lạng Sơn, ngày 15 tháng 12 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị  
thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 374/BC-SXD ngày 28/11/2017,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** UBND thành phố Lạng Sơn, UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố Lạng Sơn tổ chức công bố công khai Quy chế này theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2017.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn, Chủ tịch UBND các phường, xã thuộc thành phố Lạng Sơn, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Thuởng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 62 /2017/QĐ-UBND  
ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định quản lý theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Lạng Sơn đến năm 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 05/08/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn) gồm những quy định về quản lý quy hoạch và không gian trên phạm vi toàn thành phố; quản lý về không gian, kiến trúc đối với các công trình xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Lạng Sơn áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các chủ đầu tư khu đô thị mới, khu dân cư, khu tái định cư..... có hoạt động liên quan đến thực hiện quy hoạch, kiến trúc và không gian cảnh quan trong phạm vi địa giới hành chính Thành phố Lạng Sơn.

### **Điều 2. Mục tiêu và yêu cầu quản lý**

Quy chế này là cơ sở để: lập nhiệm vụ cho các đồ án quy hoạch và thiết kế đô thị; lập ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc các khu vực: trung tâm đô thị, các khu vực đặc thù, các phường, xã trong thành phố; tổ chức thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thành phố và Quy định quản lý, nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu quản lý sau đây:

#### 1. Mục tiêu quản lý

a) Quản lý về thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố và Quy định quản lý; kiểm soát theo định hướng quy hoạch và không gian, kiến trúc, bảo vệ cảnh quan trên phạm vi toàn thành phố Lạng Sơn;

b) Kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị;

c) Đảm bảo các chỉ tiêu khống chế về đất đai và dân số theo Quy hoạch chung xây dựng thành phố, Quy định quản lý đã được phê duyệt;

d) Bảo tồn, phát huy giá trị đô thị lịch sử gắn với việc xây dựng, phát triển các khu đô thị mới để giảm áp lực về dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực nội thị;

e) Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với không gian, kiến trúc, cảnh quan trên địa bàn thành phố Lạng Sơn;

## 2. Yêu cầu quản lý

a) Kiểm soát được quá trình phát triển đô thị theo giai đoạn, tốc độ phát triển về: chức năng sử dụng, quy mô đất đai, dân số và phân bố dân cư theo quy hoạch, trình tự, cách thức thực hiện;

b) Kiểm soát được quá trình cải tạo, chỉnh trang khu vực đô thị cũ gắn với quá trình xây dựng phát triển các khu đô thị mới đảm bảo sự phát triển đồng bộ, hài hòa; giảm áp lực quá tải về dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực nội thị;

c) Kiểm soát việc điều chỉnh chức năng sử dụng đất tại khu đất sau di dời các cơ sở công nghiệp, đào tạo, y tế, cơ quan theo hướng bố trí đủ quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ trực tiếp cho các khu vực và Thành phố;

d) Kiểm soát được sự phát triển và kết nối của hệ thống không gian xây dựng ngầm đô thị;

e) Kiểm soát được sự phát triển, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ;

f) Xây dựng tuyến phố văn minh, hiện đại thông qua quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng đối với tuyến phố tại khu vực đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng của các lô đất trong đô thị trung tâm;

## Điều 3. Biện pháp quản lý

Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Quy chế này bằng các biện pháp quản lý sau:

1. Phân vùng phát triển không gian và quy định khu vực, tốc độ, giai đoạn phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị của thành phố Lạng Sơn.

2. Hạn chế tăng dân số, mật độ người làm việc, quy định khống chế điều kiện nhà ở mới, hạn chế phát triển nhà cao tầng trong khu vực nội thị, hoặc cho phép có điều kiện đối với một số hoạt động xây dựng, công trình xây dựng đảm bảo phù hợp với không gian, kiến trúc cảnh quan thành phố và khu vực.

3. Từng bước di dời cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và cơ sở đào tạo, y tế, cơ quan không phù hợp quy hoạch ra khỏi khu vực nội thị, đồng thời với việc bổ sung, tăng cường các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các khu đất sau khi di dời.

4. Quản lý phát triển và kết nối hệ thống không gian ngầm trong khu vực đô thị trung tâm; thực hiện hạ ngầm đường dây đi nổi theo các tuyến phố trong khu vực đô thị.

5. Bảo tồn các công trình di sản, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, tôn giáo - tín ngưỡng, gìn giữ và phát huy giá trị di sản, các hình thái cấu trúc đô thị, không gian cảnh quan, tuyến phố và các đặc trưng văn hóa của thành phố.

6. Gìn giữ, phát triển hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước, cây xanh đường phố, nghiêm cấm việc san lấp lấn chiếm mặt nước ao, hồ... thuộc hệ thống thoát nước.

7. Quản lý về không gian, kiến trúc đối với: hệ thống biển hiệu, quảng cáo tầm lớn; hệ thống các trạm xăng dầu, trạm thu phát sóng di động (BTS).

8. Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch xây dựng và quy hoạch chuyên ngành.

9. Từng bước di dời các nghĩa trang hiện có không phù hợp quy hoạch đến khu nghĩa trang tập trung của thành phố.

10. Phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật đối các hành vi vi phạm, công trình vi phạm, hành vi buông lỏng quản lý liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kiến trúc và không gian cảnh quan trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố.

11. Các biện pháp quản lý khác theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Công cụ quản lý**

1. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, phối hợp hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các biện pháp quản lý quy định tại Điều 3 và nội dung các Chương II, III và IV của Quy chế này, để quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, như sau:

a) Chương trình phát triển đô thị, kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

b) Các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cấp dưới, thiết kế đô thị riêng đối với tuyến phố tại khu vực đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng của các lô đất trong đô thị trung tâm.

c) Kế hoạch di dời cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và cơ sở đào tạo, y tế, cơ quan không phù hợp quy hoạch ra khỏi khu vực nội thị, khu vực phát triển đô thị gắn với nghiên cứu quy hoạch để bổ sung, điều chỉnh chức năng sử dụng đất tại khu đất sau di dời.

d) Một số quy định về các biện pháp khuyến khích, hạn chế hoặc cấp phép xây dựng có điều kiện đối với các công trình xây dựng tại một số vị trí trong khu vực nội thị; Quy định về một số biện pháp cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp.

e) Quy định hệ thống không gian ngầm trong khu vực đô thị trung tâm; Một số quy định về cấm đường dây đi nổi theo các tuyến phố trong khu vực nội thị, về cơ chế khuyến khích bổ sung bãi đỗ xe, xây dựng điểm đỗ xe ngầm tại khu vực nội thị; Kế hoạch hạ ngầm hệ thống cáp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc hiện có trong khu vực nội thị.

f) Danh mục và kế hoạch bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử; Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản, cảnh quan đô thị gắn với việc khai thác phục vụ các hoạt động du lịch và quảng bá văn hóa.

g) Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa của thành phố.

h) Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố; Quy hoạch hệ thống xăng dầu trên địa bàn Thành phố; Quy định quản lý, cấp phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS).

i) Kế hoạch di dời các nghĩa trang hiện có đến khu nghĩa trang tập trung của Thành phố theo quy hoạch.

k) Các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác và quy hoạch nông thôn mới.

l) Các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quản lý để giám sát hoạt động xây dựng (từ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đến cấp phép xây dựng, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng) theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

### **Điều 5. Nguyên tắc áp dụng**

1. Quy hoạch chung xây dựng Thành phố, Quy định quản lý và Quy chế này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý thực hiện, giám sát hoạt động xây dựng có liên quan đến quy hoạch, không gian, kiến trúc, cảnh quan trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

2. Khi ban hành các văn bản quản lý trong lĩnh vực xây dựng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tuân thủ và cụ thể hóa tại các nội dung quy định tại các Chương II, III và IV của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có những nội dung khác quy định tại Quy chế này, phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố trước khi ban hành.

Tùy theo quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, tên gọi, phạm vi điều chỉnh của các văn bản quản lý quy định tại Điều 4 của Quy chế này có thể thay đổi nhưng phải tuân thủ Quy hoạch chung, Quy định quản lý và Quy chế này, đồng thời phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản và đạt được yêu cầu quản lý quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

3. Đối với một số khu vực đô thị trung tâm của thành phố hoặc một số nội dung của Quy hoạch chung thành phố có Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc riêng nhưng phải đảm bảo phù hợp với nội dung của Quy chế này.

4. Đối với những khu vực đã có quy hoạch, thiết kế đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc được duyệt trước khi ban hành Quy chế này thì tổ chức quản lý quy hoạch, kiến trúc theo quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đã được duyệt nhưng phải tuân thủ giai đoạn, tốc độ phát triển đô thị được quy định trong Chương trình phát triển đô thị, kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

Trường hợp quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc được duyệt không có những nội dung được quy định cụ thể tại Chương II, III và IV của Quy chế này thì áp dụng quy định cụ thể của Quy chế này để tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động có liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

Trường hợp cần thiết, phải xây dựng kế hoạch để điều chỉnh quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đã được duyệt cho phù hợp với Quy chế này và Chương trình phát triển đô thị, kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, kế hoạch sử dụng đất của thành phố.

### **Điều 6. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

### **1. Quy hoạch chi tiết**

Là việc phân chia và xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, yêu cầu quản lý kiến trúc, cảnh quan của từng lô đất; bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội nhằm cụ thể hóa nội dung của quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung (theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị).

### **2. Không gian đô thị**

Là không gian bao gồm các vật thể kiến trúc đô thị, cây xanh, mặt nước trong đô thị có ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan đô thị (theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị).

### **3. Kiến trúc đô thị**

Là tổ hợp các vật thể trong đô thị, bao gồm các công trình kiến trúc, kỹ thuật, nghệ thuật, quảng cáo mà sự tồn tại, hình ảnh, kiểu dáng của chúng chi phối hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan đô thị (theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị).

### **4. Cảnh quan đô thị**

Là không gian cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong đô thị như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong đô thị và không gian sử dụng chung thuộc đô thị (theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị).

### **5. Công trình xây dựng**

Là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước, phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế. Công trình xây dựng bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

### **6. Nhà ở riêng lẻ**

Là công trình được xây dựng trong khuôn viên đất ở thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

### **7. Nhà ở liên kế**

Là loại nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân được xây dựng liền nhau, thông nhiều tầng được xây dựng sát nhau thành dãy trong những lô đất nằm liền nhau và có chiều rộng nhỏ hơn so với chiều sâu (chiều dài) của nhà, cùng sử dụng chung một hệ thống hạ tầng của khu vực đô thị (Theo Tiêu chuẩn thiết kế Nhà ở liên kế - TCVN 9411:2012).

### **8. Nhà ở liên kế mặt phố (nhà phố)**

Là loại nhà ở liên kế, được xây dựng trên các trục đường phố, khu vực thương mại, dịch vụ theo quy hoạch đã được duyệt (theo Tiêu chuẩn thiết kế Nhà ở liên kế - TCVN 9411:2012).

### **9. Biệt thự, nhà vườn**

Là nhà ở riêng lẻ có sân vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa), có tường rào và lối ra vào riêng biệt (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **10. Nhà chung cư**

Là nhà ở hai tầng trở lên có lối đi, cầu thang và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho nhiều căn hộ gia đình, cá nhân (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **11. Công trình đa năng (tổ hợp đa năng)**

Là công trình được bố trí trong cùng một tòa nhà có các nhóm phòng hoặc tầng nhà có công năng sử dụng khác nhau (văn phòng, các gian phòng khán giả, dịch vụ ăn uống, thương mại, các phòng ở và các phòng có chức năng khác) (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **12. Lộ giới (chỉ giới đường đỏ)**

Là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình kỹ thuật hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

#### **13. Chỉ giới xây dựng**

Là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình chính trên thửa đất (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

#### **14. Khoảng lùi**

Là khoảng cách giữa chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng (theo QCVN 01:2008/BXD).

#### **15. Chiều cao nhà**

Là chiều cao tính từ cao độ mặt đất đặt công trình theo quy hoạch được duyệt tới điểm cao nhất của tòa nhà, kể cả mái tum hoặc mái dốc. Đối với công trình có các cao độ mặt đất khác nhau thì chiều cao tính từ cao độ mặt đất thấp nhất theo quy hoạch được duyệt. (Các thiết bị kỹ thuật trên mái: cột ăng ten, cột thu sét, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, bể nước kim loại, không tính vào chiều cao nhà) (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **16. Số tầng nhà (tầng cao)**

Là số tầng của tòa nhà bao gồm toàn bộ các tầng trên mặt đất (kể cả tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum) và tầng nửa hầm (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **17. Tầng hầm**

Là tầng mà quá một nửa chiều cao của nó nằm dưới cao độ mặt đất đặt công trình theo quy hoạch được duyệt (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **18. Tầng nửa hầm**

Là tầng mà một nửa chiều cao của nó nằm trên hoặc ngang cao độ mặt đất đặt công trình theo quy hoạch được duyệt (theo QCVN 03:2012/BXD).

#### **19. Tầng kỹ thuật**

Là tầng bố trí các thiết bị kỹ thuật của tòa nhà. Tầng kỹ thuật có thể là tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng áp mái hoặc tầng thuộc phần giữa của tòa nhà (theo QCVN

03:2012/BXD).

### **20. Tầng áp mái**

Là tầng nằm bên trong không gian của mái dốc mà toàn bộ hoặc một phần mặt đứng của nó được tạo bởi bề mặt mái nghiêng hoặc mái gấp, trong đó tường đứng (nếu có) không cao quá mặt sàn 1,5 m (theo QCVN 03:2012/BXD).

### **21. Mái đua**

Là mái che vươn ra từ công trình, phần mái vươn ra có thể nằm trên phần không gian vỉa hè và ngoài chỉ giới xây dựng công trình.

### **22. Khu đô thị mới**

Là một khu vực trong đô thị, được đầu tư xây dựng mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở, được xác định trong quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được duyệt (theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị).

### **23. Di tích lịch sử văn hóa**

Là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học (theo Điều 4 Luật Di sản văn hóa).

### **24. Danh lam thắng cảnh**

Là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học (theo Điều 4 Luật Di sản văn hóa).

### **25. Khu vực đầu nối hạ tầng kỹ thuật**

Là khu vực quy hoạch để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật chính cấp đô thị, bao gồm các trục giao thông, tuyến truyền tải năng lượng, tuyến truyền dẫn cấp nước, tuyến cống thoát nước, tuyến thông tin viễn thông và các công trình đầu mối kỹ thuật.

### **26. Hoạt động xây dựng**

Bao gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

### **27. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật**

Bao gồm công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn nghĩa trang và các công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

### **28. Hệ thống công trình hạ tầng xã hội**

Bao gồm các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên, và các công trình khác (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

### **29. Phần ngầm, công trình ngầm**

Là phần dưới mặt đất của nhà, của công trình xây dựng.

**30. Mật độ xây dựng thuần (net-tô)**

Là tỷ lệ diện tích chiếm đất của các công trình kiến trúc xây dựng trên tổng diện tích lô đất (không bao gồm diện tích chiếm đất của các công trình như: các tiểu cảnh trang trí, bể bơi, sân thể thao ngoài trời, bể cảnh...) (trừ sân ten - nis và sân thể thao được xây dựng cố định và chiếm khối tích không gian trên mặt đất); (Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01: 2008/BXD).

**31. Quản lý hạ tầng kỹ thuật**

Là quản lý quá trình thi công xây dựng, sử dụng, khai thác và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**32. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện**

Là khoảng không gian lưu không về chiều rộng, chiều dài và chiều cao chạy dọc theo công trình đường dây tải điện hoặc bao quanh trạm điện.

**33. Cốt xây dựng**

Là cao độ xây dựng tối thiểu hoặc tối đa bắt buộc phải tuân thủ được chọn phù hợp với quy hoạch về cao độ nền và thoát nước mưa (theo Điều 3 Luật Xây dựng).

**Điều 7. Các hành vi cấm trong hoạt động xây dựng**

Các hành vi bị cấm trong hoạt động xây dựng:

1. Xây dựng công trình sai quy hoạch, vi phạm chỉ giới, chiều cao xây dựng, không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng công trình không đúng với giấy phép được cấp.
2. Xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và các khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật.
3. Xây dựng công trình trên đất không được Cấp phép xây dựng.
4. Vi phạm các quy định về an toàn tính mạng con người, tài sản và vệ sinh môi trường trong xây dựng.
5. Các hoạt động xây dựng làm cản trở công tác phòng cháy chữa cháy.
6. Sao chép, mô phỏng, chấp vá các dạng, các trường phái kiến trúc không phù hợp với kiến trúc Việt Nam, không phù hợp với đặc điểm văn hóa Lạng Sơn trừ một số trường hợp đặc biệt về thiết kế kiến trúc phải được sự thẩm định của Sở Xây dựng.
7. Các hành vi cấm khác áp dụng theo Điều 12 của Luật Xây dựng.

## Chương II QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

**Điều 8. Công bố đồ án quy hoạch****1. Thông tin chung về quy hoạch đô thị**

a) Vị trí, ranh giới thành phố được xác định như sau:

Phía Đông Bắc giáp các xã Thạch Đạn, xã Hợp Thành, thị trấn Cao Lộc, huyện

Cao Lộc.

Phía Đông Nam giáp các xã Gia Cát, Tân Liên và Yên Trạch, huyện Cao Lộc.

Phía Tây Bắc giáp các xã Thụy Hùng, Song Giáp, huyện Cao Lộc.

Phía Tây Nam giáp các xã Xuân Long, Tân Thành, huyện Cao Lộc và xã Đồng Giáp, huyện Văn Quan.

b) Tính chất:

Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa thể thao, khoa học - kỹ thuật, thương mại và dịch vụ của tỉnh Lạng Sơn.

Là đầu mối giao thông quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại.

Là vị trí quan trọng nằm kề vùng tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và có vai trò quan trọng đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam về kinh tế xã hội.

c) Quy mô:

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 7.811,14ha. Trong đó các phường nội thị có diện tích là 1.178,34ha, các xã có diện tích là 6.632,80ha.

Tổng dân số khu vực thành phố hiện hữu trong địa giới hành chính tính đến năm 2015 là 92.095 người, trong đó dân số nội thị 68.599 người, ngoại thị là 23.496 người; mật độ dân số 1.179 người/km<sup>2</sup>.

d) Địa hình:

Thành phố Lạng Sơn nằm giữa bồn địa thuộc máng trũng kiến tạo từ Trung sinh (Cao Bằng, Thất Khê - Lạng Sơn), có vùng đất bằng có độ cao trung bình 255m, bao quanh các đồi điệp thạch có cao độ trung bình là 350m và được chia thành các dạng địa hình như sau:

\* Khu Chi Lăng:

- Có địa hình bằng phẳng và tương đối thấp, cao độ nền trung bình từ (256÷258)m.

- Khu vực tương đối cao có địa hình +258m. Độ dốc địa hình khu Chi Lăng đạt từ 0,004÷0,006 tương đối thuận lợi cho việc thoát nước mặt. Khu phía Tây chân núi Tiên có địa hình dốc hơn, độ dốc từ 0,02÷0,04.

- Toàn bộ địa hình dốc về phía sông Kỳ Cùng theo hướng Nam - Bắc.

\* Khu Kỳ Lừa:

- Có địa hình tương đối cao, có cao độ nền +258m. Địa hình khu Kỳ Lừa dốc về suối Lao Lý. Nền địa hình dốc từ 0,05÷0,1.

\* Khu Đông Kinh:

- Địa hình khu Đông Kinh có hướng dốc từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam về phía suối Lao Lý và sông Kỳ Cùng, là dải đất trũng thấp có cao độ nền từ +(256÷257)m. Riêng khu vực gần đường sắt phía Đông thành phố có địa hình tương đối cao có cao độ nền từ +(258÷260)m.

\* Khu Tam Thanh - Nhị Thanh:

- Địa hình khu vực có hướng dốc từ Bắc xuống Nam và dốc về phía sông Kỳ Cùng.

## **2. Các đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố**

Gồm 08 đơn vị hành chính: Phường Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh, Chi Lăng, và các xã Mai Pha, Hoàng Đồng, Quảng Lạc.

## **3. Cấu trúc và hình thái kiến trúc của thành phố**

Thành phố được chia thành 2 khu vực: Nội thành và ngoại thành.

a) Khu vực nội thành: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh, Chi Lăng.

b) Khu vực ngoại thành: Gồm các xã Mai Pha, Hoàng Đồng, Quảng Lạc.

## **4. Vùng kiểm soát phát triển:**

a) Khu vực đô thị hiện hữu:

Là các khu dân cư có sẵn, các khu phố cũ hiện hữu nằm tại các phường Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh và Chi Lăng.

b) Khu vực đô thị cải tạo chỉnh trang:

Là các khu dân cư có sẵn, được chỉnh trang lại trên cơ sở nâng cấp hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, nằm ở các phường Hoàng Văn Thụ, Tam Thanh, Vĩnh Trại, Đông Kinh và Chi Lăng.

c) Khu dân cư đô thị xây dựng mới:

Đây là những khu vực dân cư còn thừa thớt bao gồm xã Mai Pha, xã Hoàng Đồng và xã Quảng Lạc, ưu tiên phát triển với kiểu kiến trúc là nhà chung cư, nhà biệt thự.

c) Khu dân cư nông thôn:

Gồm các khu dân cư đã ổn định và mới được phát triển tại các thôn thuộc các xã mở rộng và các xã phụ cận.

## **5. Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng**

a) Khu trung tâm hành chính - chính trị và trung tâm chuyên ngành:

- Trung tâm hành chính - chính trị: của tỉnh được xác định tại khu vực phường Chi Lăng như hiện nay. Khu Trung tâm hành chính thành phố Lạng Sơn được quy hoạch mới tại khu đô thị Nam Hoàng Đồng quy mô 5 - 10ha.

- Khu trung tâm chuyên ngành:

+ Các cơ quan chuyên ngành: Một số công trình cũ vẫn được giữ nguyên trên nền hiện trạng trên cơ sở nâng cấp và cải tạo, bên cạnh đó có một số công trình khác đã và đang được xây dựng mới tại các vị trí mới trên địa bàn.

+ Trung tâm thương mại dịch vụ: Khu trung tâm thương mại chính của thành phố dự kiến thành 04 cụm chính quy mô dự kiến 60 - 80ha: Khu vực phía Bắc tại khu vực đô thị mới Phú Lộc, khu vực phía Nam tại khu vực xã Mai Pha và xã Yên Trạch, khu vực phía Đông tại khu vực thị trấn Cao Lộc.

+ Trung tâm đào tạo các trường: Dự kiến hình thành, phát triển các cơ sở đào tạo nghề, trung tâm đào tạo hướng nghiệp bố trí tại khu vực xã Mai Pha quy mô 100 - 150ha.

- Y tế:

+ Quy hoạch cải tạo nâng cấp các bệnh viện đã có.

+ Xây dựng bệnh viện cấp Trung ương nhằm phục vụ nhân dân vùng quy mô 700 giường.

- Trung tâm Văn hóa, Thể dục - Thể thao:

+ Tại khu vực trung tâm: Sân vận động Đông Kinh gắn kết di tích núi Phai Vệ.

+ Tại khu vực phía Bắc hình thành Trung tâm Thể dục - Thể thao lớn cấp tỉnh và khu vực.

+ Khu vực phía Nam đề xuất xây dựng một trung tâm tại xã Mai Pha.

+ Phía Đông thành phố Lạng Sơn đã có Quy hoạch chi tiết Khu liên hợp thể thao, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500.

+ Hình thành khu trung tâm vui chơi giải trí đặc biệt, sân golf tại khu vực hồ Nà Tâm và các khu vực hồ ven thành phố.

b) Khu du lịch, văn hóa:

Khu di tích động Nhị Thanh, Tam Thanh thuộc phường Tam Thanh.

Khu đồi Đèo Giang Văn Vi, Kéo Tấu, Chóp Chài.

Khu di tích núi Phai Vệ thuộc phường Vĩnh Trại.

Khu du lịch núi Tô Thị - Thành Nhà Mạc thuộc phường Tam Thanh.

c) Khu an ninh, quốc phòng:

Duy trì các cơ sở an ninh quốc phòng hiện nay, khi phát triển đô thị và các khu vực phục vụ phát triển kinh tế cần giữ các khu vực hiểm cao phục vụ cho an ninh quốc phòng.

d) Khu công viên:

Theo quy hoạch công viên cây xanh bố trí ven sông Kỳ Cùng. Ngoài ra còn có dự án Công viên Trung tâm.

e) Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống bến xe trên địa bàn bao gồm bến xe phía Bắc, bến xe phía Nam.

- Tiếp tục nâng công suất các trạm xử lý nước mặt sông Kỳ Cùng, hồ Nà Tâm, hồ Thâm Sinh và mở rộng hệ thống cấp nước theo quy hoạch để đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh.

g) Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng: Đoạn đi qua thành phố Lạng Sơn giữ nguyên theo hiện trạng không điều chỉnh tuyến cục bộ theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Lạng Sơn tại Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 05/8/2010. Định hướng tương lai tuyến đường sắt không qua thành phố Lạng Sơn,

điều chỉnh hướng tuyến chạy song song với đường Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đi ngoài khu vực đô thị tại đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Lạng Sơn. Xây dựng mới tuyến từ ga Yên Trạch Lạng Sơn đi Quảng Ninh đến cảng Mũi Chùa. Ga Lạng Sơn cần cải tạo, chỉnh trang để xây dựng quảng trường trước ga để đáp ứng nhu cầu đón tiếp hành khách được thuận tiện, nhanh chóng và tạo cảnh quan không gian cho khu vực. Ga đầu mỗi trung chuyển phía Bắc của tuyến đường sắt xây dựng mới đi cảng Mũi Chùa - Quảng Ninh được xác định tại khu vực ga Yên Trạch hiện tại.

+ Đường bộ: Đường cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang - Bắc Ninh đang được triển khai lập dự án đầu tư. Từ km 2+030 đến km 4+630 mở thêm một nhánh tuyến mới phía Đông đường hiện tại rồi tiếp tục đi theo Quốc lộ 1A mới, chạy song song với đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn.

+ Cải tạo và mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A thành Trục trung tâm với 08 làn xe. Đoạn không đi song song với đường sắt có lộ giới 45m, đoạn song song với đường sắt có lộ giới đường chính 41m, khoảng hành lang dành cho đường sắt 20m và đường gom có lộ giới 12,5m.

+ Xây dựng mới, cải tạo tuyến đường liên vùng phía Tây thành phố nhằm tăng cường liên kết giữa Hà Nội - Lạng Sơn - Đồng Đăng mặt cắt ngang 04 làn xe cơ giới, chỉ giới đường đỏ 27m.

+ Bến xe cũ ở đường Ngô Quyền chuyển đổi thành đất ở đô thị. Ngoài bến xe hiện tại ở phía Bắc, xây dựng mới bến xe phía Nam, quy mô mỗi bến ước tính khoảng 3 - 5ha.

- Giao thông đô thị:

+ Mạng lưới giao thông thành phố xây dựng theo mạng kết hợp. Khu cũ xây dựng cải tạo lại theo dạng hình tia hướng tâm, khu vực mới xây dựng theo dạng ô cờ dựa trên nguyên tắc tôn trọng hiện trạng, tôn trọng địa hình tự nhiên.

+ Các trục đường trong khu thành phố cũ sẽ được cải tạo và nâng cấp, hệ đường và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đi kèm phải được hoàn thiện đáp ứng tiêu chuẩn của đường đô thị.

**Bảng tổng hợp khối lượng giao thông**

TT	Danh mục	Chiều dài (m)		Lộ giới đường (m)				Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Cải tạo	Xây mới	Mặt	Hè	P/cách	Tổng	
<b>A</b>	<b>Giao thông đối ngoại</b>	<b>20971</b>	<b>26587</b>					<b>1723730</b>
1	Đường cao tốc HN-LS		18396	15x2	1x2	1	33	607068
2	QL1A	14664		(11+3)x2	6x2	1x2+2	44	645216
3	Đường liên vùng phía Tây	6307	8191	12x2	-	3	27	391446
4	Bến xe							80000
<b>B</b>	<b>Giao thông đô thị</b>	<b>66510</b>	<b>131728</b>					<b>4127867</b>
1	Đường trục chính đô thị							
	Mặt cắt 3-3		1155	11x2	6x2	8	42	48510

	Mặt cắt 4-4		6592	11x2	6x2	3	37	243904
	Mặt cắt 5-5		3604	7.5x2	6x2	5	32	115328
	Mặt cắt 6-6		2077	7.5x2	5x2	2	27	56079
2	Đường liên khu vực							
	Mặt cắt 7-7	16505	24711	15	(4.5-6)x2	-	24-27	1030400
3	Đường chính khu vực							
	Mặt cắt 8-8	9072	3197	11,25	(4.5-6)x2	-	20.25-23.25	269918
	Mặt cắt 9-9	18022	18334	10,5	5x2	-	20,5	745298
4	Đường khu vực							
	Mặt cắt 10-10	22911	61616	7-8	(3-4.5)x2	-	13-17	1267905
5	Đường gom		10442	7,5	5	-	12,5	130525
6	Bãi đỗ xe							220000
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>87481</b>	<b>158315</b>					<b>5851597</b>

- Trong phạm vi ranh giới thành phố dự kiến xây dựng 2 đầu mỗi giao nhau khác mức hoàn chỉnh: Một là nút giao giữa đường cao tốc với Quốc lộ 4B đi Quảng Ninh tại phía Đông Nam thành phố. Hai là nút giao giữa đường trục chính trung tâm thành phố với đường cao tốc.

- Các đường trục chính Đông Tây của thành phố khi đi giao với đường sắt đều phải tổ chức giao nhau khác mức để đảm bảo an toàn giao thông.

- Bãi đỗ xe tập trung: Các vị trí bãi đỗ xe, điểm dừng xe được bố trí tại các khu vực đông người, các điểm thăm quan du lịch, khu vui chơi giải trí.

- Ngoài 04 cầu hiện tại qua sông Kỳ Cùng gồm cầu Kỳ Lừa, cầu Đông Kinh, cầu Mai Pha và cầu 17 - 10, trong đợt đầu xây dựng thêm 02 cầu qua sông Kỳ Cùng.

#### h) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho thành phố Lạng Sơn do nguồn điện của lưới điện quốc gia cung cấp.

- Lưới điện:

+ Lưới 35KV: Hiện trạng gồm các lộ 372E13.2, 373E13.2, 374E13.2, 375E13.2, 376E13.2 trạm 110kV Lạng Sơn với tổng chiều dài trong khu vực thành phố là 58,78km cấp điện cho một phần khu vực thành phố gồm xã Quảng Lạc, Hoàng Đồng và một phần phường Chi Lăng. Trong đó lộ 372E13.2 Lạng Sơn có liên lạc dự phòng cấp điện với lộ 375E13.6 Đồng Đăng, lộ 374E13.2 Lạng Sơn có liên lạc dự phòng cấp điện với lộ 371E13.6 Đồng Đăng, lộ 375E13.2 Lạng Sơn có liên lạc dự phòng cấp điện với lộ 373E13.1 Đồng Mỏ. Nâng cao khả năng tin cậy cung cấp điện cho khu vực thành phố.

+ Lưới 22KV: Hiện trạng gồm các lộ 471E13.2, 472E13.2, 473E13.2, 474E13.2 trạm 110kV Lạng Sơn với tổng chiều dài trong khu vực thành phố là 67,169km làm nhiệm vụ cấp điện chính cho khu vực thành phố Lạng Sơn gồm các phường Vĩnh Trại, Tam Thanh, Hoàng Văn Thụ, Đông Kinh, Chi Lăng, xã Hoàng Đồng và xã Mai Pha. Có các mạch vòng liên lạc lộ 471E13.2 - 473E13.2 qua CD 09 - 4, 473E13.2 - 474E13.2

qua CD 13 – 4, 472E13.2 - 473E13.2 qua CD 83 – 4, dự kiến cải tạo đường dây 374E13.2 cũ chuyển vận hành 22kV tạo mạch vòng liên lạc giữa trạm 110kV Lạng Sơn và trạm 110kV Đồng Đăng. Dự kiến có mở rộng liên lạc cấp 22kv giữa trạm 110kv Lạng Sơn với các trạm 110kv Đồng Đăng và Lộc Bình. Các tuyến 22kv được cải tạo, xây dựng mới phải sử dụng cáp bọc cấp điện áp tương đương cho đường dây trên không và ngầm hóa cho các khu đô thị mới.

+ Trạm biến áp hạ thế: Gồm 17 trạm biến áp (TBA) 35/0,4kv với tổng công suất 2.570KVA, 213 TBA 22/0,4kv với tổng công suất 22.529,5KVA cấp điện cho khu vực thành phố. Để đảm bảo nhu cầu phát triển phụ tải, các dự án nâng công suất các TBA cũ và xây dựng các TBA mới sử dụng Gam máy có công suất từ 180KVA trở lên đối với máy 3 pha và từ 50kVA trở lên đối với máy 1 pha. Bán kính phục vụ cấp điện của các trạm < 300m. Để đảm bảo mỹ quan cảnh quan, hạn chế không gian chiếm hữu tại khu vực chật hẹp, ưu tiên phát triển các trạm biến áp dạng treo trên 01 cột, dạng 01 trụ thép hoặc trụ bê tông, dạng Kiosk và dạng máy khô (dạng máy khô áp dụng lắp đặt trong các tòa nhà).

+ Lưới điện hạ áp: Với tổng chiều dài 229,25km, định kỳ hàng năm được cải tạo nâng tiết diện đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện. Thực hiện ngầm hóa đối với các tuyến cấp hạ thế của các khu đô thị mới.

+ Tại các khu vực có nguy hiểm cháy, nổ cao hệ thống điện phải được thiết kế, lắp đặt đảm bảo an toàn PCCC theo quy định, các nhánh, đường dây dẫn điện vào công trình, nhà ở phải đảm bảo không cản trở hoạt động của xe chữa cháy, xây dựng các trạm biến áp, đường dây cấp điện phải đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC, không để cháy lan sang các công trình xung quanh.

i) Hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước:

+ Hiện tại sử dụng nguồn nước ngầm và nước mặt hồ Nà Tâm, hồ Thâm Sinh và sông Kỳ Cùng. Dài hạn nguồn nước ngầm làm nguồn nước dự phòng, tiếp tục khai thác nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng, hồ Nà Tâm và hồ Thâm Sinh.

+ Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có, thiết kế thêm các tuyến ống mới đảm bảo cấp nước tới các hộ tiêu thụ.

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy (PCCC) sử dụng áp lực thấp. Sử dụng mạng lưới chữa cháy kết hợp chung với cấp nước sinh hoạt và công nghiệp.

- Hệ thống thoát nước: Hiện tại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Lạng Sơn đang được đầu tư xây dựng, trong đó có Nhà máy xử lý nước thải công suất 5.260m<sup>3</sup>/ng.đ được bố trí tại thôn Nà Pàn, xã Hoàng Đồng (gần bệnh viện Lao). Toàn bộ nước thải trong phạm vi dự án gồm các phường Tam Thanh, Vĩnh Trại, Hoàng Văn Thụ, Đông Kinh sẽ được đưa về Nhà máy để xử lý. Trong giai đoạn mở rộng, ngoài các phường trên bổ sung thêm phường Chi Lăng và nước thải cũng được bơm về Nhà máy để xử lý.

+ Các trụ nước chữa cháy được bố trí trên vỉa hè dọc theo đường giao thông, cách mép ngoài của lòng đường không quá 2,5m và cách tường nhà trên 3m, khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy không quá 300m, xây dựng 02 bển lấy nước cho xe

chữa cháy tại bờ sông Kỳ Cùng đoạn từ cầu Đông Kinh đến cầu Kỳ Lừa.

k) Hệ thống thu gom xử lý chất thải và nghĩa trang:

- Chất thải rắn đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất thải rắn hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh tại xã Tân Lang, huyện Văn Lãng trong giai đoạn đầu. Trong giai đoạn dài hạn (đến năm 2025) sẽ xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Quảng Lạc (diện tích 15 - 20ha).

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt thành phố đến năm 2025 là 150 l/ng.ngđ.

- Bố trí (khoảng 500 thùng) các thùng chứa chất thải rắn có nắp đậy trong các khu đông dân cư ở các vị trí thuận tiện cho Công ty TNHH Huy Hoàng trong việc thu gom chất thải rắn.

- Để giải quyết các vấn đề cấp bách của đô thị trong giai đoạn ngắn hạn, bãi chôn rác thải sẽ được chôn lấp tại bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh tại xã Tân Lang, huyện Văn Lãng. Định hướng quy hoạch phát triển thành phố Lạng Sơn đã được phê duyệt, hệ thống xử lý rác thải sẽ được xử lý tại vị trí.

- Hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ: Các nghĩa trang nằm rải rác như nghĩa trang Cầu Ngâm, nghĩa trang Văn Vi có 03 biện pháp giải quyết:

+ Đóng cửa và cải tạo thành công viên nghĩa trang: đối với các khu vực nghĩa trang có quy mô lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.

+ Đóng cửa và di dời một phần về nghĩa trang quy hoạch mới, phần còn lại được quy hoạch thành công viên nghĩa trang: đối với các khu vực nghĩa trang có quy mô lớn và có ảnh hưởng đến môi trường, cần giải tỏa...

+ Đóng cửa và dần di dời hoàn toàn về nghĩa trang được quy hoạch mới: đối với các nghĩa trang quy mô nhỏ, hoặc các khu vực nghĩa trang có ảnh hưởng lớn đến môi trường tự nhiên, đến cảnh quan đô thị...

+ Dự kiến xây dựng mới 02 nhà tang lễ cho thành phố (một ở phía Bắc và một ở phía Nam sông Kỳ Cùng), có diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup>, cách khu vực dân cư 100m.

+ Dự kiến quy hoạch nghĩa trang mới của thành phố tại khu vực đồi núi thuộc thôn Nà Song, xã Yên Trạch với diện tích tổng cộng 100ha (tới năm 2025). Nghĩa trang này có lò hỏa táng, đáp ứng nhu cầu của người dân thành phố và vùng phụ cận, nhằm giảm nhu cầu chiếm đất và ô nhiễm môi trường.

### **6. Tổ chức công bố quy hoạch:**

UBND thành phố Lạng Sơn có trách nhiệm tổ chức công bố công khai quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

a) Niêm yết quy hoạch được duyệt tại trụ sở UBND thành phố nơi được lập quy hoạch đô thị.

b) Treo biển báo đồ án quy hoạch đô thị tại địa điểm lập quy hoạch, nội dung chỉ dẫn, sơ đồ rõ ràng, dễ đọc, dễ hiểu.

c) Kiến nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư khu vực có liên quan khi lập đồ án quy hoạch.

- Để đảm bảo thống nhất nội dung theo quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009: Tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch đô thị.

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư nhằm xác định đầy đủ, chính xác các nội dung cần giải quyết trong lập đồ án, chuyển tải yêu cầu, nguyện vọng của cộng đồng dân cư trở thành yêu cầu mang tính pháp lý để đồ án nghiên cứu đề xuất, tạo được sự đồng thuận trong quá trình lập đồ án và triển khai thực hiện khi đồ án quy hoạch được phê duyệt, nâng cao hiệu quả, tính khả thi của chủ trương đầu tư cũng như các giải pháp quy hoạch cụ thể.

### **Điều 9. Cấm mốc giới, chỉ giới, biển báo quy hoạch, thông tin quy hoạch**

UBND thành phố Lạng Sơn chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn lập quy hoạch đô thị, phòng Quản lý đô thị, và các phòng ban của thành phố có liên quan tổ chức cấm mốc giới và chỉ giới theo quy định.

Sở Xây dựng thông báo với Sở chuyên ngành, báo cáo UBND tỉnh công tác cấm mốc quy hoạch, quản lý chỉ giới đường đỏ, quản lý chỉ giới xây dựng, lắp đặt biển báo quy hoạch đô thị theo quy định.

Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm quản lý và cung cấp thông tin quy hoạch, các mốc giới, chỉ giới, tọa độ khu vực quy hoạch, khu vực cấm xây dựng cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu xây dựng theo quy định pháp luật.

1. Đối với khu vực đô thị ổn định, khu cải tạo, chỉnh trang đô thị phải cấm mốc định vị tim đường và biển báo quy hoạch đầu các trục đường phố, ranh giới nội thị.

2. Đối với khu đô thị mới phải tổ chức cấm mốc chỉ giới đường đỏ, mốc định vị tim đường và biển báo đầu các trục đường phố, ranh giới khu vực quy hoạch.

3. Quản lý, duy tu mốc giới, biển báo quy hoạch hàng năm phải được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung đảm bảo chỉ dẫn về quy hoạch đô thị. Nghiêm cấm việc di chuyển, làm hư hại, vùi lấp các loại mốc giới xây dựng.

4. Sở Xây dựng và các Sở chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt trên địa bàn thành phố cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

5. UBND thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch được phê duyệt trên địa bàn thành phố cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

6. Phòng Quản lý đô thị cung cấp hồ sơ quy hoạch được phê duyệt trên địa bàn thành phố cho các cơ quan tham gia quản lý đô thị cấp thành phố và Sở chuyên ngành, cho các tổ chức cá nhân theo quy định cải cách thủ tục hành chính và đồng thời tổ chức thu phí cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định.

### **Điều 10. Điều chỉnh quy hoạch, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép quy hoạch**

1. UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở chuyên ngành quản lý các nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn.

2. Sở Xây dựng thụ lý hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép quy hoạch và trình UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt theo quy định.

3. Phòng Quản lý đô thị thụ lý hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép quy hoạch và trình UBND thành phố phê duyệt theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng phải được sự đồng ý chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các bước tiến hành lập hồ sơ, thẩm định phê duyệt (điều chỉnh quy hoạch xây dựng) phải tuân theo đúng trình tự và các quy định khác có liên quan.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có nhu cầu về điều chỉnh quy hoạch thông qua cấp giấy phép quy hoạch, cấp mới, cấp lại giấy phép quy hoạch phải lập hồ sơ theo Điều 38 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị, gửi Sở Xây dựng hoặc Phòng Quản lý đô thị thành phố tùy theo thẩm quyền.

6. Phòng Quản lý đô thị định kỳ kiểm tra, đo bổ sung bản đồ quy hoạch, khớp nối các đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch với quy hoạch được duyệt báo cáo Sở Xây dựng.

### **Điều 11. Quản lý các khu chức năng đô thị**

1. Quản lý các khu chức năng đô thị phải tuân theo quy hoạch chung xây dựng, quy định phân khu chức năng đô thị về: Vị trí, diện tích, hướng phát triển và các thông số kỹ thuật.

2. Nghiêm cấm tùy tiện thay đổi các khu chức năng đô thị. Việc thay đổi các khu chức năng đô thị phải thực hiện theo định kỳ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, phải đảm bảo yếu tố kế thừa, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương đã được phê duyệt.

3. Phòng Quản lý đô thị quản lý các khu chức năng đô thị theo quy hoạch chung xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo Sở Xây dựng, Sở chuyên ngành theo quy định.

### **Điều 12. Quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới**

#### **1. Quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội**

a) Đảm bảo đồng bộ, tiện ích, hiện đại, kết nối với khu vực xung quanh, giải quyết tốt vấn đề thoát nước mưa, nước thải, vệ sinh môi trường và các tác động bất cập khác đối với khu cũ do việc xây dựng khu mới gây ra.

b) Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước đô thị cần hướng tới xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt phù hợp với phát triển kinh tế của tỉnh.

c) Dành đủ quỹ đất quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối của thành phố như chợ, bãi đỗ xe, nhà ga, nhà máy cấp nước, nhà máy và trạm xử lý nước thải, vườn hoa, nghĩa trang, vườn ươm cây và các công trình công cộng khác như bệnh viện, trường học, nhà văn hóa, sân vận động, quảng trường...

#### **2. Quy hoạch sử dụng đất**

a) Bố trí cơ cấu sử dụng đất đô thị phù hợp theo tiêu chuẩn cấp đô thị, đảm bảo yêu

cầu phát triển đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

b) Đối với đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội phải đạt tối thiểu 20% so với đất ở trong quy hoạch.

c) Diện tích bãi đỗ xe tĩnh không nhỏ hơn 3% diện tích đất khu đô thị mới.

d) Dành quỹ đất hợp lý để bố trí tái định cư trong dự án khu đô thị mới, dự trữ quỹ đất phát triển theo quy hoạch để xây dựng các công trình công cộng khác.

### **3. Việc xây dựng nhà ở**

Định hướng kiến trúc mặt ngoài trên cùng một dãy phố phải theo thiết kế mẫu và thiết kế đô thị. Cơ cấu phát triển gồm nhà ở biệt thự, chung cư, nhà ở xã hội trong khu đô thị mới, hạn chế quy hoạch xây dựng nhà ở chia lô liên kế.

4. Khuyến khích chủ đầu tư xây dựng và quản lý các khu đô thị mới theo tiêu chí khu đô thị mới kiểu mẫu theo quy định của Bộ Xây dựng.

### **Điều 13. Quản lý quy hoạch khu dân cư đô thị đã ổn định, khu đô thị cải tạo, khu dân cư, khu tái định cư**

Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm:

1. Quản lý chỉ giới xây dựng, quản lý việc xây dựng mới làm tăng mật độ xây dựng, tầng cao và chiều cao công trình. Quản lý chống coi nới, lấn chiếm vỉa hè, đất công cộng, đất cây xanh, ao hồ.

2. Phối hợp cùng các ngành quản lý việc nâng cấp, đầu tư phát triển các ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị: Đường giao thông, vỉa hè, điện, nước, cây xanh, viễn thông, quảng cáo, công trình ngầm.

3. Quản lý đấu nối quy hoạch khu đô thị cũ, khu đô thị mới, khu đô thị cải tạo và các khu đô thị khác đảm bảo tính hợp lý, thống nhất, thuận tiện và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

4. Chủ trì phối hợp với các phòng chức năng của thành phố có trách nhiệm quản lý quy hoạch khu đô thị cải tạo, khu dân cư, khu tái định cư.

5. Quản lý việc đào đắp, san nền, quản lý cao độ nền, hướng thoát nước khu vực, công trình đầu mối, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, tầng cao, khoảng lùi các công trình xây mới.

### **Điều 14. Quản lý quy hoạch chỉnh trang đô thị**

1. Phòng Quản lý đô thị quản lý hoạt động xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy hoạch chỉnh trang đô thị phải được sự đồng ý chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, trình tự quản lý như nội dung điều chỉnh quy hoạch cục bộ.

3. Nội dung chỉnh trang quy hoạch đô thị phải phù hợp với quy hoạch chung xây dựng, tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư như nội dung xin điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

4. Phòng Quản lý đô thị thực hiện quy hoạch chỉnh trang đô thị chịu trách nhiệm đảm bảo cho khu vực quy hoạch hoạt động ổn định, hệ thống hạ tầng kỹ thuật

đô thị thông suốt.

### **Điều 15. Quản lý quy hoạch khu văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh**

1. UBND thành phố phối hợp với Ban quản lý khu văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch, Phòng Văn hóa - Thông tin công bố quy hoạch, cắm mốc chỉ giới các vành đai bảo vệ công trình văn hóa, cắm biển báo, công bố Quy chế quản lý khu quy hoạch khu văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh theo quy định chuyên ngành.

2. Ban quản lý khu văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch và Phòng Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin về đồ án quy hoạch cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu theo quy định.

3. Ban quản lý khu văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Quản lý đô thị và các phòng ban có liên quan, hướng dẫn kiểm tra thực hiện quy hoạch, xây dựng công trình trong khu quy hoạch được phê duyệt báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch với Sở Xây dựng, Sở Văn hóa theo quy định.

### **Điều 16. Quản lý đất đai trong phạm vi quy hoạch đô thị**

1. UBND thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, quản lý đất đai theo quy hoạch xây dựng đô thị.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý việc cấp thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền, phù hợp với quy hoạch xây dựng và quy định về thủ tục cải cách hành chính trên địa bàn thành phố.

a) Quản lý chức năng sử dụng đất theo chức năng khu vực quy hoạch đô thị của quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

b) Quản lý chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong quy hoạch đô thị theo quy hoạch chung xây dựng và điều chỉnh cục bộ quy hoạch được tỉnh phê duyệt.

c) Quản lý đất dự trữ phát triển đô thị theo quy hoạch chung xây dựng, khi chưa có dự án đầu tư đất dự trữ phát triển đô thị được quản lý như đất hiện trạng.

### **Điều 17. Quy định quản lý công tác rà phá bom mìn vật liệu nổ khi xây dựng công trình trong phạm vi quy hoạch đô thị**

Thực hiện theo Mục I, Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11/9/2007 của Bộ Quốc phòng về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và thực hiện công tác rà, phá bom mìn vật liệu nổ.

Công tác rà phá bom, mìn, vật liệu nổ được thực hiện giao cho các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm theo quy định.

## **Chương III QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ**

### **Điều 18. Quản lý kiến trúc công trình nhà ở**

### **1. Cốt nền xây dựng**

a) Đảm bảo sự thống nhất cao độ nền nhà của từng dãy phố, hạn chế xây bậc cửa, đường dốc dắt xe máy, ô tô lần chiếm vỉa hè. Quy định cao độ nền nhà so với cao độ vỉa hè là 0,2m.

b) Các dãy phố quy định thống nhất sử dụng một cao độ nền nhà. Trường hợp đặc biệt cao độ nền quy định cụ thể theo giấy phép xây dựng.

### **2. Chiều cao công trình, cao tầng**

a) Chiều cao công trình, cao các tầng:

- Các dãy phố quy định thống nhất chiều cao các tầng để đảm bảo thẩm mỹ kiến trúc đô thị.

- Quy định cụ thể chiều cao các tầng nhà ở liên kế, chung cư, nhà vườn, biệt thự: Tầng 1 cao 3,9m (Đối với nhà có tầng lửng thì chiều cao tầng một cho phép không nhỏ hơn 2,7m. Chiều cao tối đa tầng 1+ lửng 5,4m); tầng 2 cao 3,3 ÷ 3,6m/tầng; các tầng từ tầng 3 trở lên cao 3,0 ÷ 3,3m/tầng.

- Quy định cụ thể chiều cao các tầng công trình cơ quan, công cộng, trường học, y tế, thể dục - thể thao...: Tầng 1 cao 3,9 - 4,2m; tầng 2 cao 3,3 ÷ 3,6m/tầng; các tầng từ tầng 3 trở lên cao 3,0 ÷ 3,3m/tầng.

- Đối với các công trình cơ quan, công cộng, trường học, y tế, thể dục - thể thao phụ thuộc vào lộ giới đường, chỉ giới đường đỏ quy định chiều cao công trình tối đa dưới 45m; Từ 45m trở lên phải được xem xét cảnh báo hàng không (không ảnh hưởng đến Kế hoạch Phòng không nhân dân của tỉnh).

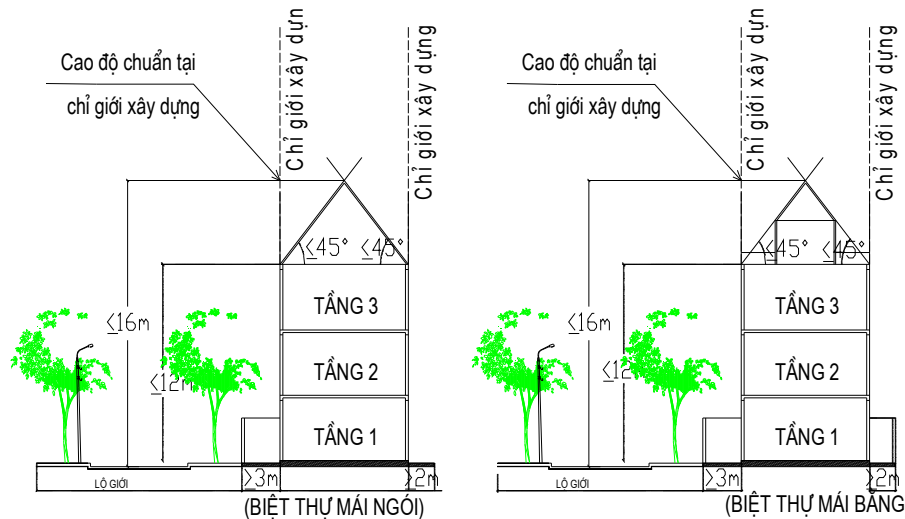
Lưu ý: Đối với các công trình công cộng nằm ở trung tâm phải khống chế chiều cao công trình thấp hơn so với chiều cao công trình quy định tối đa.

b) Số tầng cao:

- Đối với các công trình cơ quan, công cộng, trường học, y tế, thể dục - thể thao... số tầng cao tối đa được xem xét cụ thể theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư.

- Trong mọi trường hợp, quy định đối với nhà ở riêng lẻ số tầng cao tối đa là 07 tầng (không kể tầng hầm). Trong các ngõ có chiều rộng nhỏ hơn 6m, nhà ở riêng lẻ không được phép xây cao quá 5 tầng. Các nhà ở riêng lẻ, thống nhất mặt nhà theo dãy phải xây dựng thẳng hàng, có cùng chiều cao tầng một, trường hợp có tầng lửng và các thiết kế kiến trúc đặc biệt khác quy định kiến trúc cụ thể theo giấy phép xây dựng.

- Quy định đối với nhà vườn, biệt thự chiều cao tầng tối đa 03 tầng (không kể tầng hầm). (Xem hình 1)



Hình 1: Tầng cao, chiều cao và mái biệt thự

- Quy định đối với nhà chung cư: Chung cư cao tầng chiều cao tối đa 12 tầng (không kể tầng hầm). Chung cư thấp tầng chiều cao tối đa 05 tầng (không kể tầng hầm).

**3. Khoảng lùi**

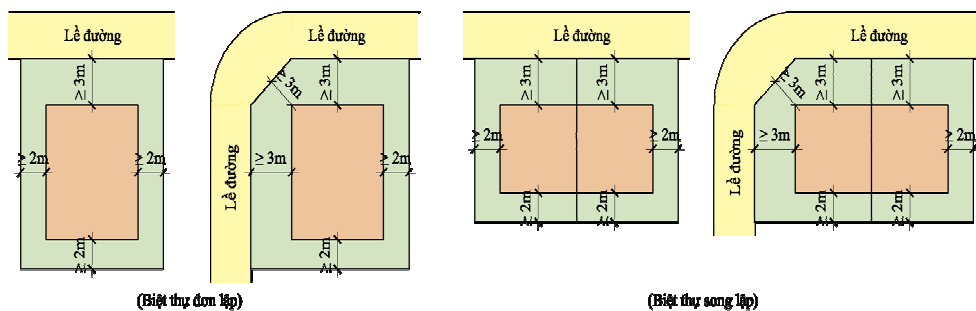
a) Đối với những công trình có sẵn, chưa cải tạo thì khoảng lùi được giữ nguyên theo hiện trạng.

b) Đối với những công trình được xây mới, tùy vào bề rộng lộ giới đường và chiều cao xây dựng công trình quy định khoảng lùi tối thiểu cho các công trình này.

c) Các công trình nhà ở thuộc khu vực cải tạo chỉnh trang, khu dân cư nông thôn tại bản Quy chế này chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ (trường hợp có khoảng lùi phải đảm bảo tối thiểu 3,0m và được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền).

d) Các công trình nhà vườn, biệt thự xây dựng mới tại bản Quy chế này quy định khoảng lùi tối thiểu như sau (Xem hình 2):

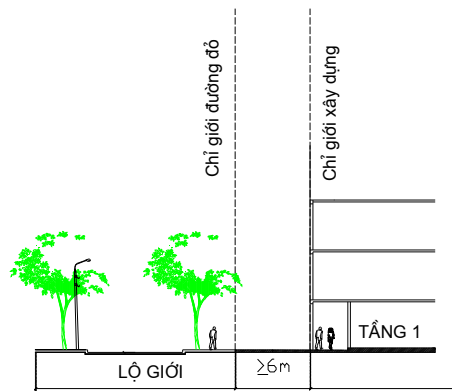
- |  |                             |
|--|-----------------------------|
| Đường có lộ giới <math>< 6\text{m}</math>              | Khoảng lùi tối thiểu = 2,4m |
| Đường có lộ giới <math>\ge 6 \div < 16\text{m}</math>  | Khoảng lùi tối thiểu = 3,0m |
| Đường có lộ giới <math>\ge 16 \div < 24\text{m}</math> | Khoảng lùi tối thiểu = 4,5m |
| Đường có lộ giới <math>\ge 24\text{m}</math>           | Khoảng lùi tối thiểu = 6,0m |



Hình 2: Chỉ giới xây dựng biệt thự có lộ giới <math>\ge 6 \div < 16\text{m}</math>

e) Tùy thuộc vào tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc, chiều cao công trình

và chiều rộng của lộ giới, khoảng lùi tối thiểu của nhà ở chung cư không được nhỏ hơn 6,0m. (Xem hình 3) (thực hiện theo mục 5.7 của TCXDVN 323-2004 – Nhà cao tầng – Tiêu chuẩn thiết kế).



Hình 3: Khoảng lùi tầng trệt nhà ở chung cư

f) Các công trình công cộng, cơ quan, y tế, trường học tại tất cả các khu vực đô thị quy định khoảng lùi tối thiểu theo chiều cao tầng. Quy định cụ thể theo bảng sau (thực hiện theo mục 2.8.5 của QCXDVN 01:2008):

Quy định khoảng lùi tối thiểu (m) của các công trình theo bề rộng lộ giới đường và chiều cao xây dựng công trình:

Chiều cao xây dựng công trình(m)  Lộ giới đường tiếp giáp với lô đất xây dựng công trình (m)	Chiều cao xây dựng công trình(m)				
	≤16	19	22	25	≥28
< 19	0	0	3	4	6
19 ÷ < 22	0	0	0	3	6
22 ÷ < 25	0	0	0	0	6
≥ 25	0	0	0	0	6

Đối với tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và tháp cao phía trên thì các quy định về khoảng lùi công trình được áp dụng riêng đối với phần đế công trình và đối với phần tháp cao phía trên theo tầng cao xây dựng tương ứng của mỗi phần tính từ mặt đất (cốt vỉa hè).

g) Đối với các công trình có chức năng khác thì cần xây dựng tuân thủ theo quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc được cấp thẩm quyền phê duyệt theo dự án đầu tư.

h) Kiến trúc khoảng lùi:

- Màu sắc khoảng lùi công trình kiến trúc phải phù hợp với phong cách của kiến trúc công trình và hài hòa với kiến trúc, cảnh quan của khu vực. Không sử dụng

màu phản quang, màu sẫm, màu đậm như đen, đỏ, xanh hay vàng đậm. Khuyến khích sử dụng tối đa 03 màu sơn bên ngoài cho một công trình.

- Khuyến khích các công trình kiến trúc có khoảng lùi so với lộ giới, thiết kế bố trí cây xanh trên công trình.

- Tận dụng các khoảng lùi công trình, sân bãi, hoa viên để trồng cây xanh thảm cỏ, gia tăng mảng xanh giúp cải thiện vi khí hậu.

#### 4. Mật độ xây dựng

a) Đối với những công trình có sẵn, chưa cải tạo thì mật độ xây dựng được giữ nguyên theo hiện trạng.

b) Đối với những công trình xây dựng mới thì quy định cụ thể mật độ xây dựng cho từng loại công trình (thực hiện theo mục 2.8.7 của QCXDVN 01:2008):

- Đối với đất cơ quan, công cộng, trường học, thương mại dịch vụ quy định mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Đối với đất công viên cây xanh - thể dục - thể thao quy định mật độ xây dựng tối đa 5%. Khu du lịch, công viên chuyên đề tối đa 25%.

- Công trình nhà ở:

+ Mật độ xây dựng tối đa của lô đất xây dựng nhà ở liên kế và nhà ở riêng lẻ (nhà vườn, biệt thự...) quy định theo diện tích lô đất (thực hiện theo mục 2.8.6 của QCXDVN 01:2008):

Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> /căn nhà)	≤50	75	100	200	300	500	≥1.000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	80	70	60	50	40

+ Mật độ xây dựng tối đa của nhóm nhà chung cư theo diện tích lô đất và chiều cao công trình:

Chiều cao xây dựng công trình trên mặt đất (m)	Mật độ xây dựng tối đa (%) theo diện tích lô đất			
	≤ 3.000 m <sup>2</sup>	10.000 m <sup>2</sup>	18.000 m <sup>2</sup>	≥ 35.000 m <sup>2</sup>
<16	75	65	63	60
19	75	60	58	55
22	75	57	55	52
25	75	53	51	48
28	75	50	48	45
31	75	48	46	43
34	75	46	44	41
37	75	44	42	39
40	75	43	41	38
43	75	42	40	37

46	75	41	39	36
>46	75	40	38	35

### 5. Mái công trình và thoát nước mái, thoát nước thải

a) Mái công trình phải xây dựng trong ranh giới khu đất được cấp phép. Các loại hình kiến trúc mái cố định, các tấm để che nắng hạn chế không sử dụng các mái tạm, vật liệu tạm, che chắn tạm, chiều cao tối đa của mái chống nóng không được vượt quá chiều cao tường chắn mái công trình.

b) Trong đô thị cấm xử lý thoát nước mái, bể xí tự hoại sang nhà liền kề. Hệ thống thoát nước bản phải được xử lý trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải chung của đường phố. Hệ thống đường ống thoát nước mái công trình nên bố trí tại vị trí mặt sau nhà, trường hợp bắt buộc phải thoát nước phía mặt tiền giáp đường phố phải bố trí các vị trí khuất tầm nhìn hoặc trang trí che chắn để đảm bảo mỹ quan đô thị.

c) Đường ống đứng thoát nước mưa ở mặt ngoài nhà được phép vượt qua chỉ giới đường đỏ không quá 0,2m và phải đảm bảo mỹ quan.

### 6. Ban công, mái đua

a) Trong khoảng không từ mặt vỉa hè lên tới độ cao 3,5m, mọi bộ phận của nhà đều không được nhô quá chỉ giới đường đỏ (*Xem hình 4*), trừ trường hợp dưới đây (thực hiện theo mục 2.8.10 của QCVN 01:2008):

- Từ độ cao 1,0m (tính từ mặt vỉa hè) trở lên, các bậu cửa, gờ chỉ, bộ phận trang trí được phép vượt đường đỏ không quá 0,2m, mặt liền kề không được vượt ranh giới khu đất xây dựng.

b) Trong khoảng không từ độ cao trên 3,5m (so với mặt vỉa hè) trở lên, các bộ phận cố định của nhà (ô văng, sê nô, ban công, mái đua...nhưng không áp dụng đối với mái đón, mái hè) được vượt quá chỉ giới xây dựng theo những điều kiện sau:

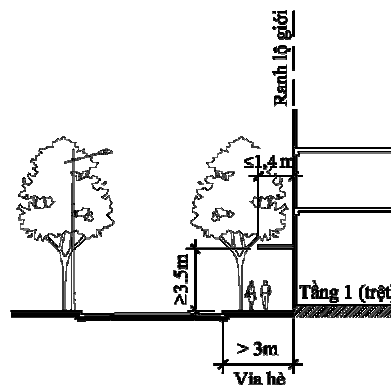
- Độ vươn ra (đo từ chỉ giới đường đỏ tới mép ngoài cùng của phần nhô ra), tùy thuộc chiều rộng lộ giới, không được lớn hơn giới hạn được quy định ở bảng. Độ vươn ra tối đa của ban công, mái đua, ô - văng, phải đảm bảo các quy định về an toàn lưới điện và tuân thủ quy định về quản lý xây dựng áp dụng cụ thể cho khu vực.

Chiều rộng lộ giới (m)	Độ vươn ra tối đa (m)
Dưới 7m	0
7 ÷ 12	0,9
> 12 ÷ 15	1,2
>15	1,4

- Vị trí độ cao và độ vươn ra cụ thể của ban công phải thống nhất hoặc tạo được nhịp điệu trong hình thức kiến trúc công trình, tạo được không gian kiến trúc cảnh quan trong từng cụm nhà cũng như trong tổng thể khu vực.

- Trên phần nhô ra chỉ được làm ban công, không được che chắn tạo thành lô-

gia hay buồng.



Hình 4: Mái đua che nắng

### 7. Kiến trúc mặt tiền

a) Kiến trúc mặt tiền công trình phải đảm bảo hài hòa với các công trình liền kề về hình thức kiến trúc và màu sắc. Màu sắc của công trình ưu tiên sử dụng các màu sắc sáng như: Màu trắng, màu vàng nhạt, xanh nhạt, màu hồng nhạt, màu ghi sáng...

b) Mặt tiền công trình không sử dụng các loại gạch ốp khu vệ sinh để trang trí, không lắp dựng, lợp các vật liệu tạm trên mái.

c) Không sử dụng các màu sắc sẫm, chói ảnh hưởng xấu đến mỹ quan đô thị như: Xanh sẫm, đỏ sẫm (màu của các đại lý gas), màu đen.

### 8. Kết cấu chịu lực, vật liệu xây dựng và hoàn thiện kiến trúc mặt ngoài

a) Nhà khung bê tông cốt thép hoặc xây tường gạch chịu lực trong quá trình thi công và hoàn thiện phải nằm trong ranh giới khu đất.

b) Móng nhà phần liên kế với nhà khác phải theo ranh giới khu đất (thiết kế móng lệch), nếu độ sâu chôn móng sâu hơn móng nhà liền kế phải có thiết kế gia cố khi đào móng và thông báo cho chủ hộ nhà liền kế biết.

c) Nhà ở trên các tuyến đường đô thị, quốc lộ, tỉnh lộ: Khi xây dựng cần chú trọng đến hình thức kiến trúc để tạo vẻ đẹp cho đô thị, đồng thời hài hòa với cảnh quan xung quanh.

9. Nhà ở mặt phố có tầng hầm phải xây dựng mép trên (vĩa hè) của đường dốc xuống tầng hầm phải lùi cách chỉ giới đường đỏ 7,0m, đảm bảo tầm nhìn cho người đi bộ.

### 10. Việc xây cổng, tường rào

Xây dựng cổng, hàng rào trong các khu phố phải có thiết kế cùng với xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở. Cụ thể:

- Đối với công trình công cộng:

+ Khuyến khích không xây tường rào, hàng rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa 2,0m (trong đó chiều cao tường xây kín không quá 0,8m).

- Đối với công trình nhà ở cao tầng:

+ Khuyến khích không làm tường rào, hàng rào đối với chung cư hoặc thiết kế tường rào – hàng rào thấp kết hợp bồn cỏ, vườn hoa, hồ nước trang trí tạo cảnh quan

môi trường nhẹ nhàng, xanh, sinh động.

- Đối với nhà ở riêng lẻ:

+ Trên các tuyến đường phố chính trong đô thị có mặt cắt  $\geq 34m$ : khuyến khích không xây dựng cổng, tường rào.

+ Tường rào xây dựng (nếu có) phải có kiến trúc thoáng, mỹ quan đẹp, trong đó phần xây kín cao không quá 0,8m. Phần phía trên phải đảm bảo thông thoáng không che khuất tầm nhìn.

- Đối với công trình đặc thù:

+ Tường rào công trình có kiến trúc phù hợp với tính chất công trình.

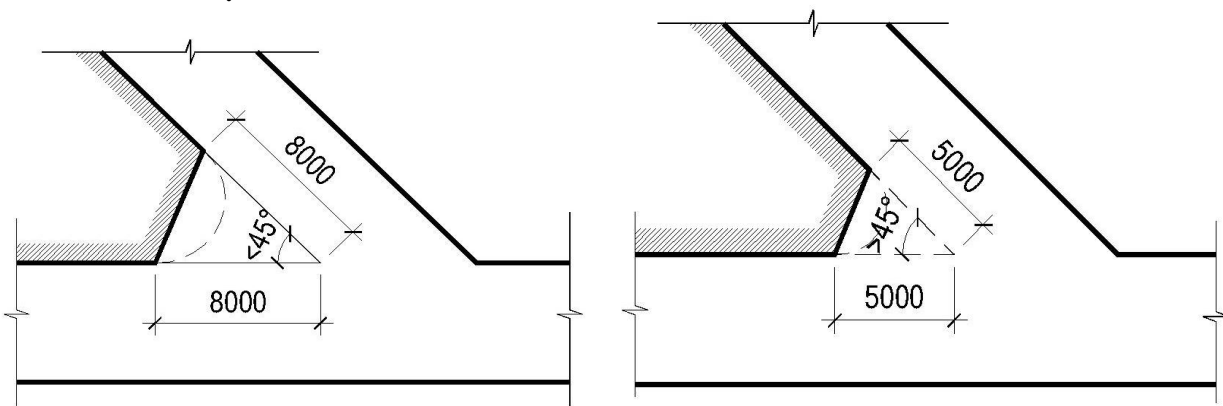
**11. Xây dựng nhà ở tại vị trí góc phố**

a) Hình thức kiến trúc công trình phải được bố trí hài hòa, phù hợp với cảnh quan khu vực và kiến trúc công trình xung quanh.

b) Để đảm bảo an toàn và tầm nhìn cho các phương tiện giao thông, khuôn viên của các ngôi nhà nằm giáp giao lộ phải tuân thủ theo quy hoạch chung được phê duyệt cụ thể theo bảng: Góc cắt giao nhau với lộ giới:

STT	Góc cắt giao nhau với lộ giới	Kích thước vạt góc (m)
1	Lớn hơn $0^{\circ}$ - dưới $35^{\circ}$	12 x 12
2	Từ $35^{\circ}$ - dưới $60^{\circ}$	09 x 09
3	Từ $60^{\circ}$ - dưới $80^{\circ}$	06 x 06
4	Từ $80^{\circ}$ - dưới $110^{\circ}$	04 x 04
5	Từ $110^{\circ}$ - dưới $140^{\circ}$	03 x 03
6	Từ $140^{\circ}$ - dưới $160^{\circ}$	02 x 02

Minh họa:



- Kích thước vạt góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới nhỏ hơn  $45^{\circ}$

- Kích thước vạt góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới lớn hơn hoặc bằng  $45^{\circ}$

**12.** Nhà riêng lẻ xây dựng mới bắt buộc phải thiết kế bể tự hoại đảm bảo yêu cầu vệ sinh mới được cấp phép đấu nối vào hệ thống thoát nước chung (nội dung cấp phép đấu nối nằm trong giấy phép xây dựng).

Mỗi căn nhà phải lắp đặt bể tự hoại để xử lý nước thải của khu vệ sinh trước khi thải vào vào hệ thống thoát nước chung của đô thị. Nên bố trí hệ thống thoát nước tự hoại và nước sinh hoạt riêng. Bể tự hoại được đặt ngầm dưới đất và phải có vật che chắn bảo vệ.

### **13. Các yêu cầu về diện tích xây dựng**

Thực hiện theo mục 2.8.9 của QCVN 01:2008 quy định:

a) Lô đất xây dựng nhà ở trong các khu ở xây dựng mới, khi tiếp giáp với đường phố có lộ giới  $\geq 20\text{m}$ , phải đồng thời đảm bảo các yêu cầu về kích thước tối thiểu như sau:

- Diện tích của lô đất xây dựng nhà ở gia đình  $\geq 45\text{m}^2$ .
- Bề rộng của lô đất xây dựng nhà ở  $\geq 5\text{m}$ .
- Chiều sâu của lô đất xây dựng nhà ở  $\geq 5\text{m}$ .

b) Lô đất xây dựng nhà ở trong các khu ở xây dựng mới, khi tiếp giáp với đường phố có lộ giới  $< 20\text{m}$ , phải đồng thời đảm bảo các yêu cầu về kích thước tối thiểu như sau:

- Diện tích của lô đất xây dựng nhà ở gia đình  $\geq 36\text{m}^2$ .
- Bề rộng của lô đất xây dựng nhà ở  $\geq 4\text{m}$ .
- Chiều sâu của lô đất xây dựng nhà ở  $\geq 4\text{m}$ .

c) Lô đất xây dựng nhà ở liên kế có chiều rộng không nhỏ hơn 4,5m và diện tích không nhỏ hơn  $45\text{m}^2$ .

### **14. Đảm bảo vệ sinh an toàn công trình xây dựng**

Không mở các loại cửa sang nhà liên kế, được quy định tại mục 6.4.3 - TCVN 9411: 2012 “Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế” cụ thể như sau:

a) Không được phép mở cửa đi, cửa sổ, cửa thông gió nếu tường nhà xây sát với ranh giới lô đất hoặc ranh giới nền nhà thuộc quyền sử dụng của người khác. Chỉ được phép mở cửa đi, cửa sổ, lỗ thông hơi nếu tường xây cách ranh giới lô đất, ranh giới nền nhà bên cạnh từ 2,0m trở lên.

b) Không được xả nước mưa, nước thải các loại (kể cả nước ngưng tụ của máy điều hòa), khí bụi, khí thải sang nhà bên cạnh.

c) Chủ hộ phá dỡ, sửa chữa công trình xây dựng phải có đơn xin phép và được sự chấp thuận của chính quyền địa phương, phải đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận, đảm bảo an toàn xây dựng.

d) Phải có phương án đảm bảo an toàn lao động khi thi công xây dựng.

e) Đảm bảo vệ sinh đô thị khi phá dỡ, xây dựng công trình.

f) Đào móng xây dựng nhà mới liên kế phải thông báo cho chủ hộ nhà liên kế và phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho nhà liên kế xung quanh. Xây dựng tầng hầm phải xin phép theo quy định.

### **15. Quy định về cấp phép xây dựng nhà ở có mặt tiền quay ra đường ngõ xóm**

a) Cấp phép xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Khoảng lùi:

+ Đối với đường có chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ thì khoảng lùi bằng 0.

+ Đối với đường có khoảng lùi thì phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Chiều cao tầng: Quy định chiều cao tầng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Ô văng, cửa, bậc...: Quy định độ vươn ra theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

b) Cấp phép khu vực ngõ xóm hiện hữu:

- Khoảng lùi: Quy định theo hiện trạng hiện hữu.

- Chiều cao tầng: Quy định chiều cao tầng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Ô văng, cửa, bậc...: Quy định độ vươn ra theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

### **Điều 19. Quy định chung đối với kiến trúc công trình công cộng**

1. Tất cả các công trình phải được thiết kế, xây dựng phù hợp với giấy phép quy hoạch và quy hoạch chung được duyệt, các quy định quản lý đất đai, tuân thủ theo đúng các điều, khoản tại Quy chế này, bảo đảm theo quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng của Nhà nước.

2. Vị trí xây dựng các công trình công cộng mới phải có khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ theo bảng quy định về khoảng lùi tại Khoản 3, Điều 18 của bản Quy chế này. Trường hợp công trình cải tạo, nâng cấp chỉ giới xây dựng trùng chỉ giới đường đỏ khoảng lùi thực hiện từ tầng 3 trở lên được quy định theo giấy phép xây dựng.

3. Đảm bảo các quy định an toàn về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định hiện hành.

4. Đối với các công trình có tầng hầm, tầng hầm lửng làm nơi đỗ xe phải đảm bảo diện tích đỗ xe cơ quan và khách theo quy định, tầng hầm phải xây dựng mép trên (vía hè) của đường dốc xuống tầng hầm phải lùi cách chỉ giới đường đỏ 7,0m, đảm bảo tầm nhìn và an toàn cho người đi bộ.

Công trình nhà cao tầng cấp 1, cấp đặc biệt thì bắt buộc phải có thiết kế xây dựng tầng hầm.

5. Nước thải sinh hoạt không được thải trực tiếp ra đường mà phải có hạng mục thu gom, xử lý theo quy định trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố.

6. Hồ sơ đề nghị thỏa thuận phương án kiến trúc và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng ngoài các bản vẽ theo quy định còn phải có bản vẽ phối cảnh tổng thể, phối cảnh góc công trình kèm theo (*thể hiện các mặt đứng, góc đường của công trình*), trong đó thể hiện rõ màu sắc sẽ được sử dụng cho tất cả các mặt đứng công trình.

### **7. Một số quy định quy hoạch công trình công cộng, dịch vụ, thương mại**

a) Phải bố trí đủ chỗ đỗ xe theo quy định (*diện tích tối thiểu cho 1 chỗ đỗ xe là: ô tô con 25m<sup>2</sup>, ô tô buýt 40m<sup>2</sup>, ô tô tải 30m<sup>2</sup>, xe máy 3,0m<sup>2</sup>, xe đạp 0,9m<sup>2</sup>*).

b) Khoảng cách giữa các dãy nhà tùy thuộc vào chiều cao, chiều dài các dãy, nhưng tối thiểu là 9,0m (*giữa 2 cạnh dài dãy nhà*) và 5,5m (*giữa 2 đầu hồi*).

c) Cao độ nền công trình: phù hợp với phương án thiết kế đã được phê duyệt.

d) Với lô đất tại vị trí góc phố: Công trình xây dựng phải được cắt vát góc theo quy định tại khoản 11, Điều 18 của bản Quy chế này.

e) Lối mở qua vỉa hè vào công trình công cộng phải xin cấp giấy phép xây dựng. Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng chung 01 công trình hoặc chung khuôn viên đất, thì phải sử dụng chung 01 lối ra vào công trình hoặc khuôn viên đất (*trừ trường hợp đặc biệt được cấp thẩm quyền cho phép*).

f) Công trình công cộng xây dựng cổng, hàng rào phải xin phép xây dựng. Tường rào (*nếu có*) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa 2,0m (*trong đó chiều cao phần tường xây đặc không quá 0,8m*). Khuyến khích công trình công cộng không xây cổng tường rào.

### **Điều 20. Các quy định khác về cảnh quan, kiến trúc công trình**

1. Tượng đài, kiến trúc quán hoa, dàn hoa, kiốt, cầu kiềm, đài phun nước... đặt trong khuôn viên, công viên quản lý kiến trúc theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tượng đài độc lập, cột biểu tượng, cổng vào khu đô thị, đài phun nước, trạm đón xe buýt... đặt trên các phố, quảng trường phải xin giấy phép quy hoạch và giấy phép xây dựng, đồ án phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trang trí chiếu sáng, trang trí đô thị, các loại biển quảng cáo phải xin phép Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

**4. Đối với khu vực không có quy hoạch phải xin phép Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thực hiện theo nguyên tắc**

a) Kích thước biển quảng cáo đảm bảo quy định, đồng bộ, mỹ quan.

b) Vị trí lắp dựng các biển quảng cáo, biển hiệu: Áp sát vào phần tường nhà, không đặt trên ban công hoặc chiếm dụng không gian hè phố, không lắp dựng tạo thành buồng, khối lồi, không quảng cáo trên nóc nhà.

c) Cấm các hình thức quảng cáo di động đặt trên vỉa hè, quảng cáo trên thân cây, cột điện, bảng điện tử nhô ra không gian hè phố, quảng cáo bằng tờ rơi hoặc bằng âm thanh trái phép.

d) Phù hợp với Quy hoạch quảng cáo ngoài trời.

### **5. Việc lắp đặt biển chỉ dẫn thực hiện theo nguyên tắc**

a) Tại vị trí hợp lý, dễ quan sát, không làm che khuất tầm nhìn người tham gia giao thông, không đặt trên dải phân cách giữa đường, đảm bảo mỹ quan đô thị.

b) Chỉ cho phép đặt biển chỉ dẫn đối với các cơ quan: Bệnh viện, công trình thể thao, văn hóa, giáo dục cấp thành phố trở lên và các công trình đặc thù.

**Điều 21. Trạm xăng trong đô thị**

Trạm xăng trong đô thị phải đảm bảo các yêu cầu sau:

**1. Không được làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông**

Thực hiện theo Mục 2.8.16, Mục 2.8 QCVN 01:2008/BXD về Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng.

**2. Bảo vệ an toàn về phòng chống cháy, bảo vệ cảnh quan**

Thực hiện theo Mục 2.8.16, Mục 2.8 QCVN 01:2008/BXD về Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng.

**3. Diện tích tối thiểu của các cửa hàng xăng dầu**

Thực hiện theo Khoản 4, Điều 6.2.2 QCVN 07:2010/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**4. Khoảng cách đến đường dây điện**

- Khoảng cách an toàn từ cột bơm và cụm bể tới đường dây điện trên cột, đường dây thông tin quốc gia trên cột phải cách tối thiểu 1,5 lần chiều cao cột điện”.

**5. Quy định về chỉ tiêu xây dựng**

a) Mật độ xây dựng tối đa: 40%.

b) Khoảng lùi các phía: phải cách ranh lộ giới ít nhất 7m (tính từ ranh hình chiếu bằng của công trình trạm xăng) và phải cách ranh đất xung quanh đảm bảo theo tiêu chí phòng cháy chữa cháy quy định.

c) Các tiêu chí về kỹ thuật cần tuân thủ theo quy định hiện hành.

**6. Quy định bể chứa xăng dầu**

Thực hiện theo Điều 7, Thông tư 47/2015/TT-BCT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước.

**7. Quy định đường ống công nghệ**

Thực hiện theo Điều 9, Thông tư 47/2015/TT-BCT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước.

**8. Quy định về hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường**

Thực hiện theo Điều 12, Thông tư 47/2015/TT-BCT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước.

**9. Quy định về hệ thống điện**

Thực hiện theo Điều 10, Thông tư 47/2015/TT-BCT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước.

**10. Quy định trang bị phòng cháy, chữa cháy**

Thực hiện theo Điều 11, Thông tư 47/2015/TT-BCT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước.

**Điều 22. Quy định về cấp phép xây dựng****1. Đối tượng xin phép và miễn giấy phép xây dựng**

- Thực hiện theo Điều 89, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

- Đối tượng miễn giấy phép xây dựng:

+ Chủ hộ gia đình, cá nhân phải thông báo ngày khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ bằng văn bản tới UBND Xã, Phường trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình và kèm theo 01 bản thiết kế xây dựng về UBND Xã, Phường để quản lý và kiểm tra.

+ Trong quá trình thi công phải thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế và nội dung quy chế này.

## **2. Về giấy phép xây dựng có thời hạn**

Thực hiện theo Điều 94, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

## **3. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng**

Thực hiện theo Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Điều 14 Thông tư số 15/2016/NĐ-BXD hướng dẫn về Cấp phép xây dựng.

## **4. Giấy phép xây dựng**

Nội dung chủ yếu của giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 90 của Luật Xây dựng.

a) Nhà ở riêng lẻ tại đô thị (mẫu đơn kèm theo Quy chế này) được cấp giấy phép xây dựng khi đáp ứng các điều kiện chung sau:

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống, cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 79 của Luật Xây dựng.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 1, Điều 95, Điều 96 và Điều 97 của Luật Xây dựng.

- Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều này và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng; Đối với nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Giấy phép xây dựng đối với công trình trong đô thị:

- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi

trường, phòng, chống, cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 82 của Luật Xây dựng.

- Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng phù hợp với từng loại giấy phép theo quy định tại các Điều 95, Điều 96 và Điều 97 của Luật Xây dựng.

d) Giấy phép xây dựng đối với các công trình không theo tuyến ngoài đô thị:

- Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- Đáp ứng điều kiện quy định tại các Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 91 của Luật Xây dựng.

e) Đối với các tuyến phố hiện hữu xây dựng không theo quy hoạch thì cấp phép xây dựng theo hiện trạng (nhưng phải đảm bảo chỉ giới đường đỏ).

#### ***5. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng***

Thực hiện theo Điều 2 Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND tỉnh Lạng Sơn ngày 18/05/2016 về việc quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

#### ***6. Quy trình cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn giấy phép xây dựng***

Thực hiện theo Điều 102, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

#### ***7. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép xây dựng***

Thực hiện theo Điều 104, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

#### ***8. Gia hạn giấy phép xây dựng***

Thực hiện theo Điều 99, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

#### ***9. Kiểm tra theo dõi việc cấp phép xây dựng***

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan thanh tra chuyên ngành xây dựng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định và xử lý vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

b) Thanh tra xây dựng và cơ quan quản lý trật tự xây dựng cấp thành phố theo phân cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc xây dựng trên.

c) Đối với công trình bí mật nhà nước, việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

#### ***10. Điều chỉnh giấy phép xây dựng***

Thực hiện theo Điều 98, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

**Điều 23. Quản lý sửa chữa, nâng cấp công trình kiến trúc**

1. Tổ chức và cá nhân sửa chữa, nâng cấp công trình kiến trúc phải xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

2. Công trình, di tích, kiến trúc đặc biệt có giá trị văn hóa phải lập hồ sơ hiện trạng bao gồm bản vẽ ghi, ảnh chụp, video, hồ sơ thiết kế cải tạo, nâng cấp công trình và phải có ý kiến của Sở chuyên ngành trước khi cấp giấy phép.

Nội dung quản lý sửa chữa, nâng cấp công trình kiến trúc áp dụng theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

**Điều 24. Quy định đối với khu vực bảo tồn**

Khu vực bảo tồn có trong danh mục bảo tồn hoặc do cơ quan có thẩm quyền quy định phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Không gian khu vực bảo tồn phải được bảo tồn, phát huy giá trị đặc trưng của không gian, cảnh quan, kiến trúc vốn có của khu vực.

2. Không gian, cảnh quan, cây xanh, mặt nước xung quanh và trong khuôn viên các công trình kiến trúc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa và phải được quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

3. Việc thay đổi địa hình, cảnh quan tự nhiên như: San, lấp các khu đất, đồi, núi, hồ, ao, cây xanh, mặt nước đều phải tuân thủ theo quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị được duyệt.

4. Trong khu vực bảo tồn, chiều cao tối đa của công trình xây mới phải tuân theo các quy định kiểm soát chiều cao theo quy hoạch đô thị, mặt đứng các hướng, hình thức, vật liệu, màu sắc của mái, cổng, tường, rào cần được duy trì hình thức kiến trúc và cảnh quan vốn có của khu vực.

5. Đảm bảo hài hòa, thống nhất giữa các công trình xây dựng mới, sửa chữa, tôn tạo với những công trình bảo tồn về hình thức kiến trúc, vật liệu sử dụng, màu sắc cho mái và trang trí mặt ngoài nhà.

**Điều 25. Quy định đối với khu vực giáp ranh nội, ngoại thị, làng xóm trong nội thành, nội thị**

1. Khu vực giáp ranh nội, ngoại thị do *Cơ quan quản lý Hành chính* xác định, phạm vi, ranh giới để quản lý trong Quy chế này.

2. Không gian cây xanh, mặt nước, các khu vực đặc thù sinh thái phải được bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo, không được lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, khuyến khích tăng chỉ tiêu cây xanh, mặt nước.

3. Các di tích lịch sử - văn hóa, công trình có giá trị kiến trúc tiêu biểu, truyền thống trong khu vực phải được bảo vệ theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Đối với nhà vườn nông thôn có giá trị đặc trưng kiến trúc truyền thống do Cơ quan quản lý hành chính xác định để bảo vệ, hạn chế tối đa việc chia nhỏ khu đất hiện hữu thành những khu đất nhỏ hơn. Khi xây dựng mới các công trình trong khuôn viên

nhà vườn loại này phải được phép của cơ quan có thẩm quyền và phải phù hợp với các quy định quản lý quy hoạch, kiến trúc của khu vực.

5. Các công trình xây dựng mới phải đảm bảo gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa địa phương, hài hòa với cảnh quan khu vực. Hạn chế xây dựng nhà ở có mật độ cao, nhà cao tầng, nhà ống mái bằng, nhà liền kề.

### **Điều 26. Quy định đối với khu đất dự trữ phát triển, an ninh quốc phòng**

1. Khu đất dự trữ phát triển: Đây là khu đất dự phòng dành cho việc mở rộng đô thị, nghiêm cấm việc xây dựng các công trình trong những khu đất này và việc mở rộng đô thị từ quỹ đất dự phòng cho nhiệm vụ quốc phòng do Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 1 quyết định, cho nhiệm vụ an ninh do Bộ Công an và Công an tỉnh quyết định.

#### **2. Công trình phục vụ an ninh, quốc phòng**

a) Quản lý theo quy định tại đồ án quy hoạch được duyệt.

b) Công trình phục vụ quốc phòng trong đô thị khi thay đổi chức năng, mục đích sử dụng phải được Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 1 quyết định, việc xây dựng không được làm ảnh hưởng đến an toàn và cảnh quan, môi trường đô thị. Công trình phục vụ an ninh trong đô thị khi thay đổi chức năng, mục đích sử dụng phải được Bộ Công an và Công an tỉnh quyết định.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ**

#### **Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 27. Quản lý các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị**

1. UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, Sở chuyên ngành quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt.

2. Đảm bảo trình tự đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy định hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung trên các trục chính

Thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 72/2012/ NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Phòng Quản lý đô thị quản lý cao độ nền đô thị theo quy hoạch, cung cấp, chuyển giao cao độ nền cho các dự án đầu tư.

a) Quản lý cao độ nền phải đảm bảo thoát nước mặt đô thị, cao độ nền được ghi theo cao độ các nút giao thông, trong quy hoạch đã được phê duyệt. Khu vực chưa có quy hoạch cao độ nền xác định theo cốt ngập lụt do cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp.

b) Quy hoạch san nền, tổ chức san nền đô thị phải đảm bảo các cao độ nền khu vực được xác định trong quy hoạch, đảm bảo lưu vực thoát nước tự nhiên.

c) Các tổ chức đơn vị, cá nhân đào, đắp cục bộ trong đô thị phải xin phép cơ quan chuyên môn quản lý đô thị hoặc có dự án được phê duyệt, phải đảm bảo cảnh

quan và môi trường đô thị.

### **Điều 28. Thỏa thuận công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo tuyến**

Trước khi lập dự án thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, chủ đầu tư phải có ý kiến của UBND thành phố và có văn bản thỏa thuận của Sở Xây dựng về vị trí, hướng tuyến và các thông số quy hoạch xây dựng đô thị để đảm bảo thực hiện đúng quy định.

### **Điều 29. Đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị**

Thực hiện theo Điều 27, Điều 28 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị.

### **Điều 30. Yêu cầu về thi công xây dựng công trình**

Thực hiện theo Điều 111, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

### **Điều 31. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo các hình thức đầu tư thích hợp. Nhà nước tạo điều kiện sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi, được hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Nhà nước khuyến khích các nhà cung ứng dịch vụ về điện, nước, viễn thông, thông tin... góp vốn đầu tư xây dựng chung một hào tuy nel cho việc ngầm hóa các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

### **Điều 32. Vị trí xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị dọc theo mặt hè đường phố**

#### **1. Đường ống cấp nước**

- a) Tim ống cách chỉ giới xây dựng 1,0m.
- b) Độ sâu chôn ống nước so với mặt hè phố tối thiểu 0,5m.
- c) Khoảng cách giữa hai hố thăm liền kề bình quân là 100m và vị trí hố thăm đóng thẳng vào ranh giới đất giữa hai lô đất liền kề.

#### **2. Đường ống dẫn cáp viễn thông**

- a) Tim ống cách mép ngoài block 1,0m đến 1,2m.
  - b) Độ sâu chôn ống so với mặt hè phố tối thiểu 0,5m.
  - c) Hố cáp, trụ đấu nối phải đóng thẳng ranh giới giữa hai lô đất liền kề.
3. Cống thoát nước chung cho nước mặt và nước thải được thực hiện theo từng dự án cụ thể cho từng tuyến đường trong khu vực, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch hệ thống thoát nước chung.

#### **4. Cột đường dây dẫn điện chiếu sáng**

- a) Tâm cột điện cách mép ngoài block 0,5m.
- b) Khoảng cách giữa hai cột liền kề bình quân từ 30 - 35m và đóng thẳng vào ranh giới đất giữa hai lô đất liền kề.
- c) Bố trí móng cột không ảnh hưởng đến các công trình ngầm xung quanh.

5. Tại góc ngã ba, ngã tư đường giao nhau, vị trí xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được xác định cụ thể ngoài thực địa.

**6. Cây xanh:**

Thực hiện theo Quyết định số 2626/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2013 của UBND thành phố Lạng Sơn. Ban hành quy định về việc quản lý cây xanh công cộng đô thị, cây xanh khuôn viên trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

## Mục 2 – QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ ĐÔ THỊ

### **Điều 33. Phân cấp quản lý đường bộ đô thị**

1. UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về giao thông đô thị trên địa bàn thành phố theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phòng Quản lý đô thị phối hợp với các phòng chức năng thành phố có trách nhiệm quản lý đầu tư, khai thác sử dụng, duy tu, sửa chữa, bảo trì các công trình giao thông đô thị theo phân cấp.

3. UBND phường, xã trực tiếp quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo trì hệ thống đường ngõ xóm, đường vào nhóm nhà ở theo quy định của UBND thành phố.

### **Điều 34. Gắn biển tên đường phố**

UBND thành phố có trách nhiệm tổ chức việc gắn biển tên đường phố trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực của quyết định về việc đặt tên, đổi tên đường phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**1. Kích thước**

Hình chữ nhật 75cm x 40cm.

**2. Màu sắc**

- a) Nền biển màu xanh mực đậm.
- b) Đường viền màu trắng rộng 0,5cm cách mép ngoài của biển từ 3,0cm đến 3,5cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong.

**3. Chất liệu**

Sắt tráng men hoặc nhôm lá dập, sơn chất liệu phản quang.

**4. Kiểu chữ viết trên biển**

Chữ in hoa không có chân, màu trắng.

5. Nội dung viết trên biển, gồm tên đường và lộ giới đường.

6. Biển tên đường được trình bày cả hai mặt bên trong và bên ngoài.

**7. Vị trí gắn biển:**

Biển được gắn ở đầu, ở cuối đường phố và ở điểm giao nhau với các đường phố khác. Hai biển được gắn so le với nhau trên đầu cột sắt hoặc cột thép, inox, đường kính cột tối thiểu 10cm, được chôn vững chắc, khoảng cách từ mép dưới biển là 250cm, vị trí cột ở gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường phố giao nhau, hai

biên tên hai đường, phố giao nhau gắn vuông góc với nhau trên một cột.

**Điều 35. Quy định biển hiệu, quảng cáo tại các công trình công cộng**

1. Tuân thủ quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành về vị trí, kích thước, hình dáng, màu sắc, vật liệu, ngôn ngữ...

2. Biển hiệu, quảng cáo phải có kết cấu an toàn, không ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan của công trình, an toàn giao thông và phòng cháy chữa cháy.

3. Không bố trí biển quảng cáo tại các công sở nhà nước, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình có quy định cấm quảng cáo khác.

**Điều 36. Phạm vi quản lý, bảo vệ và giới hạn hành lang an toàn đường đô thị**

1. Phạm vi bảo vệ đường đô thị được quy định bao gồm: Đất của đường đô thị, kể cả phần trên không, phần dưới mặt đất và phần dưới mặt nước của đường đô thị có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đô thị.

2. Khi lập quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới, cơ quan lập quy hoạch phải tuân thủ giới hạn hành lang an toàn đường đô thị.

3. Các công trình nhà ở mặt đường phố phải đảm bảo giới hạn hành lang đường đô thị theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Riêng đối với nhà ở mặt đường phố chia lô liên kế cho phép công trình xây dựng thực hiện theo được quy định tại mục 6.4.4.2 – TCVN 9411:2012 “Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế”.

4. UBND thành phố căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt có trách nhiệm công bố công khai chỉ giới hành lang an toàn của từng tuyến đường đô thị trên địa bàn.

5. Chỉ giới đường đỏ, hành lang an toàn giao thông các tuyến phố.

6. Đường cụt, đường ngõ, xóm khu dân cư do các tổ dân cư tự quản theo quy định của UBND thành phố, đường ngõ xóm có mặt cắt đủ cho xe ô tô đi lại phải có chỗ quay xe, việc quản lý tải trọng xe do tổ dân cư quyết định. Khuyến khích các khu dân cư thực hiện xã hội hóa đầu tư giao thông ngõ xóm theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.

Bãi quay xe: Đường cụt một làn xe không được dài quá 150m, cuối đường cụt phải có bãi quay xe với kích thước tối thiểu trên mặt bằng là: Hình tam giác đều, mỗi cạnh 7,0m. Hình vuông, kích thước 12x12m. Hình tròn, đường kính 10m.

7. Phòng Quản lý đô thị quản lý các điểm giao thông tĩnh trên địa bàn thành phố gồm quảng trường, bến xe, điểm đỗ xe buýt, bãi xe theo quy hoạch chung xây dựng. Các tổ chức cá nhân đầu tư xây dựng bến xe, bãi xe phải xin phép đầu tư theo quy định và được sự đồng ý của UBND thành phố.

8. Quy hoạch hướng tuyến giao thông, cấm giao thông, cấm biển báo, lắp đèn báo hiệu, sơn vạch giao thông trong đô thị theo quy hoạch chung xây dựng do cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 37. Khai thác, sử dụng tạm thời hè phố, lòng đường đô thị**

UBND thành phố phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở chuyên ngành quản

lý khai thác sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị trên địa bàn thành phố.

Phòng Quản lý đô thị phối hợp với các phòng chức năng thành phố có trách nhiệm hướng dẫn quản lý khai thác sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị trên địa bàn thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **1. Mục đích sử dụng và khai thác hè phố**

a) Mục đích sử dụng chính của hè phố là dành cho người đi bộ. Ngoài ra, còn được sử dụng để trồng cây xanh và bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ, các công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh quốc phòng và các thiết bị an toàn giao thông, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, biển chỉ dẫn tên đường.

b) Ngoài mục đích sử dụng nêu tại điểm a khoản này, một số hè phố đô thị được phép khai thác sử dụng tạm thời một phần, không làm ảnh hưởng lối đi cho người đi bộ, mỹ quan môi trường đô thị cho các mục đích khác, gồm:

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố cho hoạt động văn hóa: Quy định tại Điều 25, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố để phục vụ công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước quy định theo khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 điều 25a Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố để tổ chức đám tang, trông, giữ xe phục vụ đám tang của hộ gia đình: Quy định tại Điều 9 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố để tổ chức đám cưới, trông, giữ xe phục vụ đám cưới của hộ gia đình: Quy định tại Điều 10 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa quy định theo khoản 1, điểm d khoản 2, khoản 3 điều 25a Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng phục vụ thi công công trình: Quy định tại Điều 11 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần hè phố để trông giữ xe có thu phí: Quy định tại

khoản 1, Điều 13 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

## **2. Mục đích sử dụng và khai thác lòng đường phố**

a) Mục đích sử dụng chính của lòng đường phố là dành cho người điều khiển, sử dụng các phương tiện tham gia giao thông.

b) Ngoài mục đích sử dụng nêu tại điểm a khoản này, lòng đường phố được phép khai thác sử dụng tạm thời một phần cho các mục đích khác, gồm:

- Sử dụng tạm thời lòng đường cho hoạt động văn hóa: Quy định tại Điều 25, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường để tổ chức đám tang, trông, giữ xe phục vụ đám tang của hộ gia đình: Quy định tại Điều 9 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường để làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình: Quy định tại Điều 11 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị: Quy định tại Điều 12 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Sử dụng tạm thời một phần lòng đường để trông giữ xe có thu phí: Quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

UBND thành phố có trách nhiệm quy định một số tuyến đường sử dụng tạm, triển khai lắp đặt biển báo, sơn đường cho phép đỗ xe và tổ chức thu phí theo quy định.

UBND phường, xã trực tiếp quản lý theo quy định của UBND thành phố.

## **3. Việc sử dụng tạm thời hè, lòng đường phố phải đảm bảo những yêu cầu sau:**

Thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

## **4. Sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông:**

Thực hiện theo Điều 25a Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**5. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông:**

Thực hiện theo Điều 25b Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**6. Sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trồng, giữ xe:**

Thực hiện theo Điều 25c Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**7. Xử lý các trường hợp đã được cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố**

Thực hiện theo Điều 25d Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**Điều 38. Giấy phép sử dụng tạm thời hè, lòng đường đô thị**

Thực hiện theo Điều 14, Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 39. Thu phí sử dụng đối tượng được cấp giấy phép sử dụng tạm thời hè lòng đường phố**

Thực hiện theo Điều 17, Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về quản lý, sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 40. Công tác đào và tái lập vỉa hè, lòng đường**

Những công việc liên quan thi công phải đào hè, lòng đường phố phải xin phép cơ quan quản lý.

1. Đào hè, lòng đường phố để lắp đặt các công trình ngầm.

2. Đào hè, lòng đường phố để lắp đặt các công trình trên mặt hè, lòng đường, việc trồng cây xanh, dựng biển báo và các công việc tạm thời như thăm dò, khảo sát địa chất.

3. Đào hè, lòng đường phố để xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

4. Đào hè, lòng đường phố để thi công duy tu bảo dưỡng, sửa chữa đường của đơn vị quản lý đường bộ.

5. Đào hè, lòng đường phố để thi công sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đường theo

các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Đào hè, lòng đường phố để lắp đặt đồng hồ đo điện, nước cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

#### **Điều 41. Giấy phép việc sử dụng đào hè, lòng đường phố**

1. Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 37 bản quy định này không phải lập hồ sơ giấy phép việc sử dụng đào hè, lòng đường phố nhưng phải thông báo bằng văn bản về địa điểm, vị trí, quy mô và thời gian đào đường đến phòng Quản lý đô thị và UBND phường, xã, nơi tiến hành đào đường, hè phố để biết và kiểm tra theo dõi việc đào và tái lập mặt hè, lòng đường phố, việc tái lập hoàn trả mặt hè đường phố không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thì bị xử phạt trong xây dựng theo quy định.

2. Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 37 tại Quy chế này, bản quy định này đều phải lập hồ sơ giấy phép việc sử dụng đào hè, lòng đường phố.

3. Chủ tịch UBND thành phố có quyền gia hạn hoặc chấm dứt việc sử dụng đào hè, lòng đường phố của cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các điều khoản đã ký trong bản cam kết đào hè, lòng đường phố.

#### **4. Thời gian giải quyết**

a) Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày UBND thành phố nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp không giải quyết được thì UBND thành phố phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do từ chối cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị việc sử dụng đào hè, lòng đường phố được biết.

5. Khi có giấy phép việc sử dụng đào hè, lòng đường phố thì UBND thành phố có trách nhiệm gửi 01 bản cho Thanh tra Sở Xây dựng, 01 bản cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải, 01 bản cho UBND phường, xã, (địa bàn nơi đào bới sử dụng hè, lòng đường) và 01 bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng đào hè lòng đường.

6. Việc đào hè đường phố được giải quyết liên tục theo tiến độ của dự án và nhất thiết phải phân đoạn tiến độ để đảm bảo thời hạn cho mỗi lần đào hè đường phố theo cam kết. Khi UBND thành phố giải quyết việc đào hè, lòng đường phải kiểm tra việc thực hiện trước đó (nếu có), nếu đơn vị xin đào hè, lòng đường phố để vi phạm và bị xử lý ở đoạn trước thì kiên quyết không giải quyết tiếp cho đoạn sau. Thời gian thi công được gia hạn theo bản cam kết và không được vượt quá 1/4 thời gian đã ghi trong cam kết.

7. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến công tác đào hè, lòng đường phố trong quá trình lập dự án, đơn vị tư vấn nhất thiết phải tiến hành khảo sát tất cả các vị trí công trình ngầm hiện hữu trên tuyến. Công tác khảo sát công trình ngầm phải được thực hiện bằng thiết bị dò tìm để có thể xác định vị trí chính xác.

#### **Điều 42. Quy định về việc cấm và hạn chế việc đào hè, lòng đường**

1. Cấm đào hè, lòng đường vào thời gian từ 06 giờ sáng đến 21 giờ cùng ngày, trên

các tuyến đường tập trung đông người và thực tiễn quản lý về an toàn giao thông, mỹ quan đô thị thời gian thi công được quy định trong hồ sơ cam kết.

2. Hạn chế đào hè, lòng đường đã rải thảm mặt đường và lát mặt hè (kể cả các tuyến đường đưa vào sử dụng còn trong thời hạn bảo hành công trình).

3. Đối với trường hợp thi công đào hè, lòng đường bằng máy khoan ngang (robot) sẽ được xem xét cụ thể từng trường hợp để cho phép thi công vào ban ngày (nhằm tránh tiếng ồn vào ban đêm).

#### **Điều 43. Đảm bảo tiến độ khi thi công đào và tái lập mặt hè, lòng đường**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép đào hè, lòng đường phố phải thi công đúng thời gian đã cam kết và chỉ được xin phép gia hạn, bổ sung khối lượng đào hè, lòng đường do các nguyên nhân thiên tai, bão lụt, vướng mặt bằng chưa giải tỏa xong, các sự cố cần xử lý kỹ thuật (khi đào đường vướng phải công trình ngầm khác) đồng thời phải lập lại tiến độ các công việc còn lại để xin điều chỉnh cho phù hợp. Đơn vị thi công phải tái lập tạm mặt hè, đường phố để đảm bảo giao thông, đảm bảo an toàn cho công trình đang thi công và các công trình lân cận.

2. Khi đào hè, lòng đường, các đơn vị thi công phải thực hiện đúng kích thước, kết cấu mặt hè, lòng đường tái lập được ghi trong bản cam kết.

a) Nếu có sự thay đổi mở rộng rãnh đào hơn 1/2 bề rộng qua mỗi bên hoặc vượt quá 30% diện tích đào so với thiết kế thì phải làm thủ tục điều chỉnh lại bản cam kết và nộp bổ sung tiền đặt cọc sử dụng đào hè, lòng đường phố.

b) Đối với các thay đổi nhỏ hơn Điểm a, Khoản 2 Điều này, cho phép đơn vị đào hè, lòng đường tự giải quyết trong quá trình thi công nhưng phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cho phép trong vòng 03 ngày sau khi thực hiện, đồng thời nộp bổ sung tiền đặt cọc sử dụng hè, lòng đường phố.

#### **Điều 44. Cơ chế phối hợp trong việc cho phép đào hè, lòng đường**

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan đầu mối tiếp nhận các kế hoạch và nhu cầu đào hè, lòng đường của các tổ chức, cá nhân. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào hè, lòng đường, phải gửi đăng ký về nhu cầu đào hè, lòng đường năm đó đến phòng Quản lý đô thị trước 15 ngày (trong đăng ký nêu rõ yêu cầu về vị trí đào, kỹ thuật đối với rãnh đào, thời gian đào). Phòng Quản lý đô thị tổng hợp và lập kế hoạch năm việc đào hè, lòng đường báo cáo UBND thành phố phê duyệt, thông báo cho các tổ chức, cá nhân đã đăng ký và UBND phường, xã biết để cùng phối hợp theo dõi kiểm tra, tổ chức quản lý. Báo cáo kế hoạch được duyệt gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 20 tháng 03 hàng năm để chỉ đạo theo dõi quản lý thực hiện.

#### **Điều 45. Các yêu cầu khi thực hiện công tác đào hè, lòng đường**

1. Trong suốt quá trình thi công công trình chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu hoàn toàn trách nhiệm về quản lý, xử lý sự cố trên hè lòng đường trong phạm vi thi công. Yêu cầu đơn vị thi công đất đá đào lên phải đống gọn gàng, thu dọn ngay và phải tái lập tạm thời hoặc hoàn chỉnh rãnh đào ngay trong ngày.

2. Đối với đường có kết cấu mặt đường đã hoàn chỉnh thì đơn vị thi công phải sử dụng thiết bị cắt mặt đường để thực hiện công tác cắt mép rãnh hố đào, tái lập mặt

đường, thi công tránh gây sạt lở chung quanh vách rãnh hố đào. Khi thi công phát hiện rạn nứt vách đào, phải ngừng thi công ngay và tìm biện pháp xử lý thích hợp, bảo đảm chống sạt lở rãnh đào.

3. Phải đào hè, lòng đường bằng thủ công các trường hợp sau:

- a) Rãnh hố đào nằm trong hành lang bảo vệ các công trình ngầm khác.
- b) Hè, lòng đường rộng bằng hoặc dưới 6,0m.
- c) Lòng đường rộng trên 6,0m nhưng thuộc tuyến đường thường tập trung đông người vào những giờ cao điểm.
- d) Rãnh hố đào có chiều rộng < 40cm.

4. Việc thi công làm cho mặt đường kế cận rãnh đào bị rạn nứt, biến dạng thì chủ đầu tư và đơn vị thi công phải sửa chữa lại toàn bộ phần đường bị biến dạng này ngay sau khi phát hiện hư hỏng để trả lại hiện trạng như mặt đường ban đầu.

#### **Điều 46. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường**

1. Dọc theo tuyến công trường đang thi công phải lắp dựng rào chắn và lắp dựng biển báo, đèn báo hiệu (vào ban đêm) hoặc cờ báo hiệu (vào ban ngày), phải bố trí người thường xuyên hướng dẫn giao thông, không để xảy ra tai nạn và ùn tắc giao thông trong phạm vi công trường. Tại hai đầu đường dẫn vào công trường, phải lắp dựng biển kích thước (50x35)cm ghi tên đơn vị thi công trên rào chắn và phải đặt ở vị trí theo hướng dễ nhìn thấy.

2. Tại những vị trí đường hẹp vừa làm, vừa đảm bảo giao thông thì phải bố trí người hướng dẫn, điều khiển đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt. Trường hợp không thể vừa thi công, vừa đảm bảo giao thông nhất thiết phải xây dựng tuyến tránh để đảm bảo giao thông và an toàn cho thi công.

3. Trong khi chưa thi công hoặc trong quá trình thi công

- a) Cấm việc tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, máy móc, xe máy chuyên dùng tại công trường khi chưa cần đến.
- b) Cấm để vật liệu rời như cát, đá, xi măng, gạch... rơi vãi trên mặt đường.
- c) Phải dự trữ tập kết vật tư, vật liệu đủ sử dụng theo tiến độ thi công, khi vật liệu còn thừa phải vận chuyển đi nơi khác để trả lại sự thông thoáng cho đường.

4. Những công nhân tham gia thi công trên đường nhất thiết phải mặc quần áo bảo hộ lao động, ban đêm áo bảo hộ lao động phải có phản quang.

5. Khi đào rãnh ngang đường mà chưa kịp lắp đặt phần kỹ thuật chuyên ngành xong thì rãnh đào phải được tái lập tạm mặt đường, bằng cách lấp đầy cát để bù cao độ và 20cm đá (2x4) phía trên bằng cao độ mặt đường hiện có. Đơn vị thi công phải cử người có mặt tại rãnh đào để giải quyết sự cố lún sụt, bong bật (nếu có), quét dọn đá văng ra khỏi rãnh đào, thường xuyên tưới nước rãnh đào để giảm bớt bụi, cho đến khi hoàn tất phần tái lập nhựa (hoặc cấp phối) mặt rãnh đào.

Trường hợp sửa chữa khắc phục sự cố kỹ thuật hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, đấu nối ống nước nhánh vào ống nước đang khai thác thì cho phép thực hiện ngay trên tất cả các tuyến đường (kể cả đường cấm thi công đào đường ban ngày), phải tổ chức việc phân luồng và bố trí người hướng dẫn giao thông.

6. Tất cả khối lượng đất đá đào lên phải được chuyển ngay lên phương tiện vận tải chuyên ra khỏi công trường, thu dọn sạch sẽ lòng lề đường trong phạm vi công trường. Phương tiện vận tải phục vụ thi công các bánh xe phải sạch trước khi ra khỏi công trường. Khi thi công để vật tư rơi, trôi vào hệ thống thoát nước đơn vị đào hè đường phải nạo vét trả lại nguyên trạng ban đầu và thông báo trước cho đơn vị quản lý hệ thống thoát nước biết để kiểm tra, theo dõi. Nếu không tự thực hiện được thì phải thuê đơn vị quản lý hệ thống thoát nước nạo vét.

7. Đơn vị thi công không được trộn vữa hồ, bê tông xi măng trong phạm vi mặt đường, được trộn vữa trên hè, lề đường bắt buộc phải có tấm lót hoặc thùng trộn. Sau khi trộn vữa bê tông xong 10 phút phải tiến hành vệ sinh, tẩy rửa mặt, lề, hè đường phố. Nghiêm cấm để vật liệu lỏng như nhựa đường, bê tông....chảy hoặc văng ra mặt đường gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường. Cấm đốt, nấu nhựa trực tiếp trên mặt, lề, hè đường phố.

### **Mục 3 - QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

**Điều 47. Quản lý cấp nước đô thị theo quy hoạch và cung cấp nước cho các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ**

UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, cơ quan chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, phòng Quản lý đô thị tham mưu cho UBND thành phố quản lý phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch, phối hợp các phòng ban chức năng, đơn vị cấp nước bảo vệ nguồn nước, công trình đầu mối, công trình cấp nước công cộng và hành lang an toàn công trình cấp nước.

Đơn vị thực hiện dịch vụ cung cấp nước có trách nhiệm:

1. Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt phù hợp với quy hoạch chung được phê duyệt đảm bảo cung cấp cho các đối tượng sử dụng nước, yêu cầu sử dụng nước công cộng và phòng hỏa, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng nước, chất lượng nước do Nhà nước quy định, đảm bảo liên tục đủ áp lực cung cấp tới các hộ, trừ trường hợp bị sự cố kỹ thuật phải đóng van cô lập đường ống, hoặc nhà máy ngưng bơm để sửa chữa, khắc phục sự cố.

2. Tổ chức lực lượng thường xuyên theo dõi, ghi nhận thông tin tình hình chất lượng, áp lực nước trên toàn hệ thống cấp nước thuộc đơn vị quản lý để kịp thời phát hiện sự cố và tổ chức lực lượng xử lý, bảo đảm yêu cầu sử dụng nước của khách hàng.

3. Quản lý khai thác, nâng cấp cải tạo sửa chữa và duy tu bảo dưỡng toàn bộ mạng lưới cấp nước.

4. Chủ động phối hợp với UBND thành phố và các cơ quan chức năng để bảo vệ sự an toàn tuyệt đối cho các công trình cấp nước kể cả các khu vực và hành lang an toàn công trình cấp nước do đơn vị quản lý, có biện pháp phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố trên hệ thống cấp nước, bảo vệ nguồn nước khai thác. Định kỳ hàng năm trước tết âm lịch 20 ngày phải có báo cáo Sở Xây dựng và UBND tỉnh biết về phương án cấp nước phục vụ tết.

5. Thu tiền sử dụng nước theo giá nước do UBND tỉnh ban hành hoặc theo thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng nhưng không vượt quá khung giá của nhà nước quy định.

6. Có kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các khu dân cư, khu đô thị mới, các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

#### **Điều 48. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng nước**

Thực hiện theo Khoản 2, Điều 56, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

#### **Điều 49. Cung cấp nước phòng cháy chữa cháy**

1. Cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra đơn vị cấp nước về lắp đặt máy bơm, trụ nước chữa cháy đô thị, lắp trong hệ thống mạng lưới cấp nước chữa cháy theo quy hoạch được duyệt và chỉ được sử dụng vào mục đích chữa cháy.

2. Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ có trách nhiệm kiểm tra và sử dụng nước tại các trụ nước để phục vụ công tác chữa cháy. UBND các xã, phường (*lực lượng dân phòng, quản lý đô thị*) có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng các trụ nước chữa cháy trên địa bàn quản lý.

3. Nghiêm cấm hành vi mở các trụ nước chữa cháy lấy nước sử dụng vào mục đích khác, đục phá, di dời, thay đổi hoặc gây hư hại trụ nước chữa cháy.

**Điều 50. Đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước được tạm ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau**

1. Do mất điện, thiên tai hoặc do hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất.

2. Theo kế hoạch sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước hàng năm, đơn vị cấp nước phải có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trước 24 giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng, thanh toán tiền nước sau khi đã có văn bản thông báo của đơn vị cấp nước.

4. Thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 51: Hành lang bảo vệ an toàn đối với các nguồn nước và các công trình cấp nước nghiêm cấm những hành vi sau và đơn vị cấp nước quản lý trong khu vực bảo vệ các nguồn nước và các công trình cấp nước phải thực hiện các quy định sau đây**

**1. Hành lang bảo vệ an toàn đối với các nguồn nước và các công trình cấp nước nghiêm cấm những hành vi sau**

Khu vực bảo vệ an toàn là khoảng cách có bán kính được xác định theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

a) Cấm xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bảo vệ, khai thác, sản xuất nước).

b) Cấm xả nước bẩn công nghiệp, nước thải sinh hoạt (mặc dù đã qua quá trình xử lý) và mương thoát nước nông nghiệp thải vào suối.

c) Cấm sửa chữa, làm vệ sinh thiết bị, xe máy, đào hố rác, hố phân, hố vôi, đào bới lấy đất đá...

d) Cấm người và gia súc tắm, giặt, phóng uế, đổ phân rác, chăn nuôi súc vật, trồng rau, hoa màu.

e) Cấm các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) băng ngang, đỗ, dừng lại trong khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống cấp nước.

- Trường hợp phương tiện vận chuyển cơ giới có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) đột xuất đi qua hành lang an toàn bảo vệ tuyến ống cấp nước thì tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xã hội phải có biện pháp xử lý lấp đặt cầu vượt tạm thời phù hợp với tải trọng cho phép để phương tiện lưu thông.

- Trường hợp phương tiện vận chuyển cơ giới có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) thường xuyên đi qua hành lang an toàn bảo vệ tuyến ống cấp nước thì tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có biện pháp xử lý đầu tư xây dựng cầu vượt ngầm chịu tải trọng phù hợp (được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế), làm cơ sở mở lối ra vào cho các phương tiện cơ giới.

## **2. Đơn vị cấp nước quản lý trong khu vực bảo vệ các nguồn nước và các công trình cấp nước phải thực hiện các quy định sau đây**

a) Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn dựng biển thông báo phạm vi giới hạn khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước sông theo quy định, đủ để mọi người nhận biết phạm vi và các yêu cầu bảo vệ.

b) Cấm các cột mốc giới hạn khu vực bảo vệ với khoảng cách đủ để xác định chính xác phạm vi bảo vệ an toàn nguồn nước, xây dựng tường rào xung quanh khu vực bảo vệ giếng nước ngầm.

c) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Giao thông, Cảnh sát Giao thông phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung tại Khoản 1 của Điều này.

## **Mục 4 - QUẢN LÝ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**

### **Điều 52. Quản lý hệ thống thoát nước**

UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, cơ quan chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước phát triển hệ thống thoát nước theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn quản lý các công trình thoát nước trên địa bàn thành phố đảm bảo thu gom nước mặt và nước thải, tiêu thoát nước, chống ngập úng cục bộ và vệ sinh môi trường đô thị, quản lý việc đầu nối thu gom nước thải đô thị.

**1.** Quản lý các công trình từ cửa thu nước, các điểm đầu nối, các tuyến công thu gom dẫn nước khu vực, các kênh mương thoát nước truyền dẫn đến trạm xử lý.

**2.** Nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến cống, mương, hố ga đảm bảo dòng chảy theo thiết kế, kiểm tra bảo dưỡng nắp hố ga, điểm đầu nối, cửa thu nước

độ kín lẮng cẶn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng tuyến công, công trình trên mạng lưới đề xuất phương án thay thế hoặc sửa chữa.

3. Xây dựng và ban hành quy định đầu nối hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng, thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung theo quy định.

4. Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn thực hiện dịch vụ thoát nước quản lý hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý đầu nối, vận hành và đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

#### **5. Quy định về tiêu chuẩn xả nước thải**

a) Nước thải từ hệ thống thoát nước, từ các công trình đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận chung phải đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép và không ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thoát nước.

b) Phòng Quản lý đô thị phối kết hợp Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn xả nước thải.

#### **Điều 53. Quản lý hệ thống ao, hồ, sông suối**

Các phòng chức năng của thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hệ thống ao hồ sông suối để đảm bảo thoát nước tự nhiên.

1. Các tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo vệ, duy trì hệ thống ao hồ sông suối để đảm bảo thoát nước tự nhiên. Nghiêm cấm hành vi san lấp ao hồ, gây tắc nghẽn dòng chảy sông, suối, ao hồ. Các hoạt động đầu tư xây dựng có liên quan tới cải tạo, nắn chuyên dòng chảy tự nhiên phải lập dự đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xả trực tiếp vào ao hồ sông suối.

#### **Điều 54. Quản lý các công trình đầu mối thoát nước**

1. Vị trí điểm đầu nối phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật xây dựng.

2. Vận hành các trạm bơm, trạm xử lý, các điểm xả ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy trình vận hành đã được duyệt.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa và kế hoạch phát triển.

4. Phòng Quản lý đô thị phải thiết lập các điểm đầu nối cho các hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải của hệ thống thoát nước và công bố công khai để mọi người được biết và phục vụ cho công tác kiểm tra, thụ lý hồ sơ cấp phép xây dựng của cơ quan quản lý xây dựng.

5. Phòng Quản lý đô thị tham mưu cho UBND thành phố đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom đến điểm đầu nối. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước và công trình xử lý sơ bộ đến điểm đầu nối.

**Điều 55. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước phải đảm bảo các nguyên tắc sau**

1. Đơn vị thực hiện đặt tín hiệu, biển báo... để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

2. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không rò rỉ ra ngoài và vận chuyển đưa ra bãi thải trong ngày. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

3. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi vận chuyển.

4. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập đan đến đó, không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

5. Trước khi tiến hành nạo vét phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường gửi đến phòng Quản lý đô thị để kiểm tra và theo dõi.

**Điều 56. Đối tượng thu phí thoát nước và phí môi trường**

1. Tất cả các tổ chức, hộ gia đình xả nước thải vào hệ thống thoát nước có nghĩa vụ trả phí thoát nước.

2. Tất cả các tổ chức, hộ gia đình xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.

**Điều 57. Sở Xây dựng nhận bàn giao quản lý công trình thoát nước**

1. Công trình thoát nước đô thị trước khi đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng phải được chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao để quản lý khai thác vận hành sử dụng kiểm tra tổ chức nghiệm thu theo quy định hiện hành.

2. Khi bàn giao công trình thoát nước cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn công, những tài liệu có liên quan đến công trình được bàn giao, tài liệu hướng dẫn vận hành, sử dụng, quản lý, chế độ duy tu bảo dưỡng công trình kèm theo đĩa mềm ghi nội dung hồ sơ hoàn công.

3. Việc bảo hành công trình thoát nước đô thị phải được thực hiện theo quy định về bảo hành công trình xây dựng.

## **Mục 5 - QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÔNG VIÊN CÂY XANH**

**Điều 58. Nguyên tắc và quản lý công viên cây xanh**

**1. Nguyên tắc quản lý công viên cây xanh**

Thực hiện theo Điều 3, Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

**2. Quản lý công viên cây xanh**

a) UBND thành phố phối hợp Sở Xây dựng, thực hiện quản lý nhà nước phát triển hệ thống công viên cây xanh theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

b) Phòng Quản lý đô thị quản lý hệ thống công viên cây xanh đô thị trên địa bàn mình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch trồng cây, đốn hạ, di dời cây xanh

trong đô thị.

c) Đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh trực tiếp tổ chức quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống công viên, cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố.

d) UBND phường, xã thực hiện việc giám sát, bảo vệ hệ thống cây xanh trồng trên các tuyến đường đô thị theo chỉ đạo của UBND thành phố.

#### **Điều 59. Nghiêm cấm người có hành vi xâm hại công viên cây xanh đô thị**

Thực hiện theo Điều 7, Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

#### **Điều 60. Bảo quản, chăm sóc, đốn hạ, di dời cây xanh trong khu vực giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch xây dựng**

Tất cả các cây ăn quả và cây bóng mát (trừ cây trồng rừng lâm nghiệp lấy gỗ) có chiều cao từ 5,0m trở lên, cây bảo tồn, cây cổ thụ có mang tính chất lịch sử, cây quý đều phải được bảo quản, chăm sóc, việc đốn hạ, di dời đều phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân (kể cả chủ sở hữu) tự ý chặt phá cây, trường hợp vi phạm đều bị xử phạt theo quy định.

#### **Điều 61. Tổ chức hoạt động trong công viên**

1. Kinh doanh thương mại, dịch vụ trong công viên để phục vụ khách tham quan phải phù hợp với chức năng của công viên, quy hoạch thiết kế xây dựng công viên và thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước đối với từng loại hình hoạt động.

2. Tổ chức phục vụ văn hóa nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, lễ hội trong công viên phải được sự chấp thuận của UBND thành phố và thực hiện đúng theo quy định.

#### **Điều 62. Xử lý trường hợp do thiên tai đột xuất cây xanh cần đốn hạ, di dời ngay, cây có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm và cây xanh đã bị gãy đổ**

1. Chủ sở hữu cây xanh, đơn vị thực hiện dịch vụ chăm sóc, bảo quản công viên cây xanh phải có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện ngay việc đốn hạ, di dời cây xanh và đồng thời lập hồ sơ báo cáo cơ quan được phân cấp quản lý công viên cây xanh, hồ sơ gồm:

- a) Ảnh chụp hiện trạng cây xanh trước khi đốn hạ (nếu có).
- b) Biên bản hiện trạng cây xanh trước khi đốn hạ.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp khẩn cấp để khắc phục nguy hiểm, bảo vệ an toàn cho cây xanh và phải đảm bảo an toàn tính mạng con người.

#### **Điều 63. Trách nhiệm của cơ quan quản lý công viên cây xanh**

1. Phòng Quản lý đô thị chịu trách nhiệm quản lý công viên - cây xanh.

2. Tổ chức trồng mới cây xanh đô thị theo dự án quy hoạch được duyệt.

3. Bảo quản, chăm sóc công viên cây xanh, thiết lập chăm sóc đặc biệt đối với cây cần được bảo tồn, cây mang tính đặc trưng của địa phương vùng, miền, cây có chiều cao từ 15m trở lên.

4. Trồng thay thế cây xanh bị đốn hạ, bị chết, cây xanh có nguy cơ ngã đổ.

5. Chăm sóc chỉnh sửa cây, không chế chiều cao, tạo tán mỹ thuật và mỹ quan đô thị.

6. Bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình kiến trúc, công trình kỹ thuật hạ tầng, thu dọn vệ sinh trong công viên bảo đảm môi trường luôn trong sạch và không để công trình hư hỏng xuống cấp.

#### **Điều 64. Danh mục cây trồng, cây cấm trồng**

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1819/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

Thực hiện theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 11/10/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn Bổ sung danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trên vỉa hè, trong dải phân cách đường phố, trong công viên, vườn hoa và khuôn viên các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

### **Mục 6 - QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 65. Nội dung quản lý chất thải rắn thông thường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm quản lý chất thải rắn thông thường. Việc quản lý chất thải hướng tới xem chất thải như một nguồn tài nguyên và không làm ảnh hưởng tới môi trường chung, khuyến khích tái chế chất thải và thực hiện các biện pháp nhằm từng bước giảm các hoạt động tạo ra chất thải.

2. Quản lý chất thải rắn thông thường là quyền và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

4. Quản lý chất thải rắn thông thường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị trong từng giai đoạn.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường do vi phạm các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 66. Trách nhiệm của chủ nguồn rác thải**

1. Tất cả các cơ quan đơn vị, hộ sản xuất kinh doanh, trường học và hộ dân phải có thùng đựng rác hợp vệ sinh, phân loại rác thành nhóm theo quy định và tập kết thu gom đúng địa điểm, thời gian qui định theo từng địa phương. Thời gian giao rác tại các đô thị do UBND thành phố quy định và được phổ biến đến các chủ nguồn rác thải.

2. Các hộ gia đình phân loại chất thải rắn bằng các dụng cụ chứa hợp vệ sinh,

hoặc trong các túi có màu sắc phân biệt, đổ chất thải vào thùng đúng nơi quy định.

a) Các hộ gia đình khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện đăng ký với công ty TNHH Huy Hoàng hoặc ký hợp đồng trực tiếp với các đơn vị được phép vận chuyển chất thải rắn xây dựng để đổ thải đúng nơi quy định.

b) Các hộ gia đình chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường phố, sông ngòi, suối và các nguồn nước mặt. Các chất thải ở dạng bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất đã hết hạn sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phải được lưu giữ trong các túi riêng, được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng.

3. Toàn bộ rác thải phát sinh hàng ngày phải được thu gom, vận chuyển đến nơi quy định và xử lý hợp vệ sinh. Đối với rác thải Y tế, các loại rác thải có chất độc hại hoặc có vi trùng gây bệnh phải được tập trung xử lý riêng theo quy định của pháp luật, không được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt của đô thị.

Các hộ sản xuất kinh doanh tại nơi ở phải có trách nhiệm phân loại chất thải, hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

4. Cấm được đổ rác, vứt rác bừa bãi trước mặt nhà, trên lòng lề đường, miệng hố ga, ao hồ, sông rạch hoặc đổ vào các nơi công cộng khác. Cấm thả rông gia súc, gia cầm và vật nuôi của các hộ trong đô thị, các chủ phương tiện vận tải do gia súc kéo phải đảm bảo thu gom chất thải do gia súc thải ra trong đô thị.

5. Khuyến khích những đường ngõ không có công nhân vệ sinh quét dọn thì dân cư trong khu vực phải có trách nhiệm tự quét dọn và giữ gìn vệ sinh ở phần hè phố đường ngõ đó.

6. Hàng tháng, hàng quý các tổ chức, hộ gia đình phải nộp phí vệ sinh theo quy định của UBND thành phố.

7. Đối với rác thải xây dựng, Chủ nguồn thải phải nhanh chóng thu dọn trả lại mặt bằng hè đường phố như hiện trạng ban đầu và tự vận chuyển toàn bộ vật liệu phế thải đổ đúng nơi quy định theo hướng dẫn của phòng Quản lý đô thị.

8. Các xe chở chất thải sinh hoạt, rác thải, vôi vữa, đất, đá, gạch, cát, sỏi, than,...khi lưu thông trên đường phải dùng bạt che phủ kín, không được để rơi vãi trên đường. Nếu để rơi vãi thì người điều khiển xe phải có trách nhiệm thu dọn, xử lý hậu quả kịp thời và phải xử lý vi phạm hành chính cho hành vi để rơi vãi vật liệu, đồng thời phải chịu chi phí tại bãi đổ rác thải theo quy định.

### **Điều 67. Trách nhiệm của công ty thực hiện quét dọn, thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn thông thường**

Tại địa bàn đã được thực hiện việc quét dọn, thu gom, phân loại và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường do đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt thông thường chịu trách nhiệm đưa chất thải tập hợp tại bãi rác của thành phố.

Chịu trách nhiệm đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

Chịu trách nhiệm tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động.

1. Doanh nghiệp dùng ô tô vận chuyển chất thải, thiết bị chuyên dùng, bảo đảm thu gom hết rác thải.

2. Việc vận chuyển rác thải trong đô thị, khu dân cư chỉ được thực hiện trên những tuyến đường được cơ quan có thẩm quyền phân luồng giao thông quy định.

3. Tuân thủ nghiêm túc về thời gian thực hiện thu gom rác theo quy định:

a) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn phải có trách nhiệm bảo quản thường xuyên yêu cầu nhân lực và phương tiện nhằm thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn tại những điểm quy định.

b) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, phát tán mùi, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương chọn địa điểm thích hợp làm tập kết rác, điểm đặt các thùng rác công cộng, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn giao thông.

Đặt các thùng lưu giữ chất thải rắn ở các nơi được quy định. Cung cấp túi đựng chất thải cho các hộ gia đình, hướng dẫn cho các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn.

5. Thông báo đến chính quyền địa phương hoặc cơ quan có chức năng kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính đối với người có hành vi gây mất vệ sinh đô thị.

6. Thông báo địa điểm tập trung rác và các bãi xử lý rác của đô thị.

### **Điều 68. Trách nhiệm của UBND phường, xã quản lý chất thải rắn**

1. Tích cực tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rác thải theo quy định của pháp luật. Thường xuyên tuyên truyền vận động, kiểm tra và nhắc nhở tất cả các hộ dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan, đơn vị thu gom rác.

2. UBND thành phố, UBND phường giao hè phố trước mặt tiền nhà cho cơ quan, tổ chức, hộ dân đảm bảo giữ gìn vệ sinh chung theo quy định.

3. Phối hợp với đơn vị thu gom vận chuyển rác đề xuất từng vị trí giao rác, đặt và quản lý các thùng rác công cộng.

4. Tổ chức phát động các đợt tổng vệ sinh nhà ở, đường phố, các nơi công cộng tại các khu phố, thôn, phường, xã theo định kỳ.

5. Chỉ đạo các khu phố, thôn tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng và tổ chức xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường cho từng thôn, khu phố.

6. Đề xuất với UBND thành phố về những cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm làm cho công tác quản lý chất thải đạt hiệu quả.

### **Điều 69. Trách nhiệm của UBND thành phố quản lý chất thải rắn**

1. Chỉ đạo UBND phường, xã, thực hiện tốt nhiệm vụ đã được giao tại Điều 66 của Quy chế này.

2. UBND thành phố chỉ đạo phòng Quản lý đô thị, phòng Tài nguyên và Môi trường cùng phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chức năng trong việc tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

3. Lập quy hoạch, bố trí mặt bằng cho việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng khu chôn lấp chất thải.

4. Lập kế hoạch đầu tư xây dựng, vận hành các công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn thông thường thuộc địa bàn mình quản lý.

5. Kiểm tra, giám định các công trình quản lý chất thải rắn thông thường của tổ chức, cá nhân trước khi đưa vào sử dụng.

6. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về quản lý chất thải rắn trong phạm vi quyền hạn mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

7. Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

8. UBND thành phố chỉ đạo, phòng Quản lý đô thị cùng phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn vị trí địa điểm quy hoạch xây dựng các công trình phục vụ công tác xử lý rác và các điểm thu gom rác.

9. Hàng năm báo cáo định kỳ đầu năm và 06 tháng cuối năm về Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên - Môi trường tình hình quản lý chất thải rắn trên địa bàn mình quản lý.

### **Điều 70. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý chất thải rắn**

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND thành phố chỉ đạo các phường, xã và các phòng ban có liên quan trong việc:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung quản lý chất thải rắn thông thường để các đơn vị, tổ chức, cá nhân biết và tự giác chấp hành.

2. Tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất thải rắn thông thường cho UBND phường, xã các cơ quan, tổ chức liên quan về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý chất thải rắn thông thường.

3. Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt.

4. Tổ chức quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm các hoạt động bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo thẩm quyền.

5. Thống kê, tổng hợp tình hình quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường báo cáo UBND tỉnh Lạng Sơn theo định kỳ hàng năm.

### **Điều 71. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý chất thải rắn**

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định quy hoạch xây dựng và thiết kế cơ sở các dự án xử lý chất thải rắn thông thường.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với phòng Quản lý đô thị định kỳ 06 tháng và hàng năm tổ chức thống kê, tổng hợp tình hình quản lý chất thải rắn thông thường báo UBND thành phố, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **Mục 7 - QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGHĨA TRANG**

### **Điều 72. Quản lý nghĩa trang**

Trên địa bàn thành phố đã quy hoạch nghĩa trang mới của thành phố tại khu vực xã Quảng Lạc (km 5 QL1A cũ) diện tích khoảng 15ha. Nghĩa trang này có lò hỏa táng, đáp ứng nhu cầu của dân thành phố và vùng phụ cận, nhằm giảm nhu cầu chiếm đất, giảm ô nhiễm môi trường.

1. Phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, tôn giáo và văn minh hiện đại của từng địa phương.

2. Tiết kiệm đất và đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan, bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.

4. Tổ chức xây dựng mộ phần và các công trình trong nghĩa trang phải tuân thủ các quy định về sử dụng đất, hình thức kiến trúc và thiết kế được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ chăm sóc mộ, duy tu bảo dưỡng các công trình trong nghĩa trang.

6. Lập hồ sơ quản lý nghĩa trang bao gồm sổ theo dõi số người an táng và sơ đồ quản lý mộ.

7. Xây dựng biển báo, biển chỉ dẫn đến từng khu mộ, lô mộ, hàng mộ và từng mộ.

8. UBND phường, xã có trách nhiệm trong công tác quản lý nghĩa trang trong địa phận hành chính của mình.

9. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang trong địa bàn thành phố.

### **Điều 73. Chính sách xã hội đối với các trường hợp sau (đặc thù)**

1. Người vô gia cư, người không có thân nhân hoặc người có thân nhân nhưng không biết việc táng khi chết ở địa phương nào thì UBND thành phố phối hợp với phòng LĐTB & XH phải có trách nhiệm tổ chức an táng tại nghĩa trang địa phương đó với chi phí được lấy từ tài sản của người chết (nếu có) hoặc từ ngân sách địa phương theo quy định.

2. Đối với trường hợp chết do thiên tai, dịch bệnh chính quyền địa phương có trách nhiệm hỗ trợ việc tổ chức mai táng cho người chết, đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Bộ Y tế.

3. Đối với các mộ vô chủ hoặc không còn thân nhân chăm sóc, đơn vị quản lý

nghĩa trang được phép di chuyển mộ tới vị trí khác trong nghĩa trang hoặc tới các nghĩa trang khác theo quy hoạch.

**Điều 74. Các khu chức năng và các hạng mục công trình chủ yếu trong nghĩa trang**

1. Các khu chức năng chủ yếu: Khu quản trang, khu dành cho các hoạt động tưởng niệm, thờ cúng, khu kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Các hạng mục công trình chủ yếu: Nhà tang lễ, Nhà làm việc của Ban quản lý, bảo vệ, nhà kỹ thuật, Nhà tưởng niệm, Đài hóa thân, Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật.

**Điều 75. Quy định về diện tích, kích thước mộ, kiến trúc công trình trong nghĩa trang, về bảo vệ cảnh quan môi trường**

Thực hiện theo Điều 4, Điều 9 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

**Mục 8 – QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ CHIẾU SÁNG, QUẢNG CÁO TRANG TRÍ ĐÔ THỊ**

**Điều 76. Quản lý chiếu sáng đô thị và hành lang an toàn mạng lưới điện chiếu sáng**

1. UBND thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, Sở chuyên ngành quản lý phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy hoạch chung được phê duyệt.

2. Phòng Quản lý đô thị trực tiếp quản lý đầu tư xây dựng, duy tu sửa chữa, bảo trì hệ thống chiếu sáng đô thị gồm cột, đèn chiếu sáng, đường dây, tủ điều khiển, trạm biến áp và các thiết bị đo đếm, thiết bị tự động khác.

3. Đơn vị thực hiện dịch vụ chiếu sáng đô thị đảm bảo vận hành hệ thống theo hợp đồng dịch vụ được giao.

4. Phòng Quản lý đô thị quản lý tuyến chiếu sáng, vị trí xây dựng tủ điều khiển, trạm biến áp điện chiếu sáng theo quy hoạch chung xây dựng.

5. Các tổ chức, cá nhân không được di chuyển, thay thế, lắp đặt thêm cột, đèn chiếu sáng vào hệ thống chiếu sáng công cộng.

6. Cấm đấu nối điện các hộ tiêu dùng vào lưới điện chiếu sáng, khi thi công các hệ thống đường dây thông tin, cáp quang và đường dây khác không được làm ảnh hưởng đến hệ thống chiếu sáng đô thị.

**Mục 9 - QUẢN LÝ QUY HOẠCH DI DỜI CÁC XÍ NGHIỆP Ô NHIỄM TRONG KHU DÂN CƯ**

**Điều 77. Quy hoạch di dời các xí nghiệp gây ô nhiễm trong khu dân cư**

1. Các lò giết mổ gia súc, gia cầm gây ô nhiễm trong khu dân cư phải từng bước được di dời theo quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố đảm bảo môi trường trong sạch khu dân cư.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch di dời các xí nghiệp sản xuất, lò giết mổ gia súc gia cầm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khuyến cáo các doanh nghiệp có kế hoạch di dời theo quy hoạch.

3. Các tổ chức cá nhân các xí nghiệp sản xuất, lò giết mổ gia súc gia cầm trong khu dân cư có trách nhiệm xây dựng phương án phát triển sản xuất của đơn vị mình để di dời đến nơi quy hoạch.

## **Mục 10 - QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**

### **Điều 78. Quản lý hệ thống công trình viễn thông trong đô thị**

UBND thành phố phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về hệ thống công trình viễn thông theo quy hoạch chung của ngành.

1. Đối với việc xây dựng, lắp đặt trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS): tuân thủ quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành về kích thước, hình dáng, màu sắc, vật liệu, ngôn ngữ, có kết cấu an toàn, không ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan của công trình, an toàn giao thông và phòng cháy chữa cháy.

2. Tháp truyền hình, cột ăng - ten, chảo thu, phát sóng phải được thiết kế, lắp đặt theo quy hoạch đô thị được duyệt và được cơ quan quản lý cho phép, đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

3. Hệ thống đường dây điện, thông tin phải từng bước hạ ngầm, đối với tuyến phố chưa có điều kiện thực hiện, yêu cầu sử dụng chung cột điện để đảm bảo thông thoáng đường phố và an toàn giao thông.

4. Các công trình thông tin, viễn thông được phép bố trí trên dải phân cách, hè đường phố như trạm điện thoại công cộng, thùng thư, tủ cáp và các công trình khác phải đảm bảo an toàn, tiêu chuẩn kỹ thuật, tuân thủ quy hoạch và thiết kế đô thị được duyệt.

5. Xây dựng, vận hành, lắp đặt các công trình viễn thông (công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, cột anten, cột treo cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm...) phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành thông tin và truyền thông.

6. Hạ tầng viễn thông phải phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch của ngành Thông tin truyền thông liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

## **Mục 11 - QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH BẾN XE, BÃI XE, CẦU, CỐNG, KÈ SÔNG, BẾN SÔNG**

### **Điều 79. Quản lý hệ thống công trình bến xe, bãi xe**

#### **1. Quy định về bến xe**

Thực hiện theo Điều 6, Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

#### **2. Quy định về bãi xe**

Thực hiện theo Điều 13, Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

## **Điều 80. Quản lý hệ thống công trình cầu, cống, kè sông và bến sông**

### **1. Quản lý hệ thống công trình cầu, cống**

Thực hiện theo Điều 16, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

### **2. Quản lý hệ thống kè sông và bến sông**

Thực hiện theo Điều 19, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 81. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch theo quy định hiện hành.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các quy định về thực hiện theo đồ án quy hoạch đô thị được duyệt, kiểm soát theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan đô thị trên phạm vi toàn thành phố; kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị; quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; trả lời các yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quy hoạch, không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi chức năng.

3. Hướng dẫn các sở ngành, địa phương thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng theo chuyên ngành do Sở quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tập huấn, hướng dẫn thi hành, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Quy chế này và các văn bản, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân Tỉnh về quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị và các quy định khác có liên quan.

5. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan đô thị.

6. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông tin địa lý (GIS) vào công tác quản lý quy hoạch và kiến trúc cảnh quan đô thị.

7. Tổ chức hướng dẫn và thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng theo Quy chế này và theo quy định hiện hành.

8. Quản lý về duy tu, bảo trì công trình, cảnh quan đô thị: quy định quy trình, thời hạn duy tu, bảo trì công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị theo quy định pháp luật về xây dựng, đảm bảo an toàn trong sử dụng và duy trì mỹ quan đô thị.

9. Kiểm tra, kịp thời phát hiện các công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị bị xuống cấp, hư hỏng, thông báo và chỉ đạo chủ sở hữu hoặc người đang sử dụng, cơ quan quản lý công trình kịp thời khắc phục, sửa chữa; xử lý các thông tin phản ánh của người dân về các hoạt động sửa chữa, xây dựng mới, sở hữu, sử dụng công trình kiến trúc đô thị.

10. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất về quản lý xây dựng theo giấy phép. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong các hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền.

11. Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết đối với những trường hợp vượt thẩm quyền; hoặc xin ý kiến các bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc theo đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố.

### **Điều 82. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Trực tiếp xem xét, quyết định theo thẩm quyền về các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về giao thông đô thị như: chủ trương đầu tư xây dựng công trình giao thông; cơ chế hỗ trợ người dân; nội dung dự án, quy trình xây dựng; quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa, cải tạo các công trình giao thông.

2. Quản lý hoạt động xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải. Kiểm tra việc triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án theo tiến độ, bảo đảm chất lượng, môi trường cảnh quan, bảo đảm việc sử dụng đất, xây dựng, sử dụng công trình đúng mục đích được duyệt.

3. Chịu trách nhiệm về cảnh quan đô thị của các công trình giao thông, công trình công ích, đặc biệt lưu ý các công trình giao thông có yêu cầu thẩm mỹ cao như: cầu qua sông trong đô thị và các công trình có yêu cầu đặc thù như nhà ga, bến đỗ...

4. Quản lý quỹ đất dành cho giao thông nhằm đảm bảo tính khả thi của quy hoạch. Thường xuyên kiểm tra việc quản lý, sử dụng quỹ đất dành cho giao thông, đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch. Trường hợp phát hiện vi phạm phải kiên quyết thu hồi nhằm đảm bảo quỹ đất cho phát triển giao thông.

5. Công bố quy hoạch, xác định chỉ giới đất dành cho giao thông và quản lý ranh quy hoạch nhằm tránh tình trạng chồng lấn ranh trong xây dựng.

6. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

### **Điều 83. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên môi trường**

1. Trực tiếp xem xét, quyết định theo thẩm quyền về các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục giao đất, thuê đất, xin phép chuyển mục đích sử dụng đất. Kiểm tra tiến độ đầu tư các dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất.

3. Thực hiện công tác lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất.

4. Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất, xây dựng đúng mục đích được duyệt. Xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xử lý nếu vượt thẩm quyền.

#### **Điều 84. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng kế hoạch, khoanh vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, qui hoạch, bố trí dân cư, di dân tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; xây dựng mô hình nông thôn mới.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch nông thôn mới.

3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

#### **Điều 85. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về văn hóa thể thao du lịch của Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý về quy hoạch, kiến trúc các công trình quảng cáo.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn hóa, hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

4. Thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm đối với di sản văn hóa, trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích...

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

#### **Điều 86. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư chuyên ngành về thông tin và truyền thông ở địa phương theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện cấp quang hóa và ngầm hóa đường cáp để đảm bảo chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị. Triển khai thực hiện đề án dùng chung hạ tầng viễn thông, đưa vào sử dụng tổng đài tiếp nhận thông tin về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng Viễn thông thụ động bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong đầu tư xây dựng và thuận tiện cho việc thiết lập cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông trong quy hoạch xây dựng công trình giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

4. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, trong doanh nghiệp; GIS trong quản lý nhà nước...

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

**Điều 87. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về quy hoạch, không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; tổ chức thực hiện các quy định của Quy chế và xử lý các sai phạm liên quan trên địa bàn quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xác định các khu vực cần ưu tiên chỉnh trang, cải tạo; xác định các khu vực ưu tiên lập quy hoạch, thiết kế đô thị, quy chế cụ thể; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, thiết kế đô thị theo quy định hiện hành.

3. Hướng dẫn các phường xã, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các Khu đô thị mới, Cụm Công nghiệp xây dựng quy chế riêng đối với khu vực trung tâm phường, xã; quy chế riêng phải được lập trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với Quy chế chung của thành phố.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc triển khai việc thực hiện quy hoạch đô thị được duyệt, đề xuất yêu cầu về nội dung của Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị theo chức năng, nhiệm vụ; có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát, tổ chức việc thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

5. Trực tiếp xem xét, quyết định theo thẩm quyền về các nội dung liên quan đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị như: chủ trương đầu tư xây dựng công trình; cơ chế hỗ trợ người dân; nội dung dự án, quy trình xây dựng; quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa, cải tạo công trình, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa bàn quản lý.

6. Cập nhật bản đồ: chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; hành lang bảo vệ các công trình giao thông (cầu, đường bộ, đường sắt), các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường điện, trạm điện; hệ thống cấp nước, thoát nước); hành lang bảo vệ bên bờ sông, kênh, rạch; phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật làm cơ sở để cấp giấy phép xây dựng và thực hiện đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo theo quy định.

7. Công bố công khai quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn được giao quản lý.

8. Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố. Kiểm tra thường xuyên các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn mình quản lý. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

**Điều 88. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường - xã**

1. Ủy ban nhân dân phường – xã tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy chế này. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng, trật tự hè phố trên địa bàn. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; đề xuất xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền trình cấp trên xem xét, quyết định.

3. Niêm yết công khai quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đến tổ dân phố và thường xuyên kiểm tra việc niêm yết này.

4. Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy chế đến các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, khu dân cư và các hộ gia đình trên địa bàn.

### **Điều 89. Trách nhiệm của các sở, ngành và tổ chức liên quan**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ về các lĩnh vực quản lý chuyên ngành, các sở - ngành và tổ chức liên quan có trách nhiệm công bố công khai những quy định quản lý chuyên ngành, quy hoạch ngành đã được phê duyệt; hướng dẫn và cung cấp các thông tin về các lĩnh vực quản lý chuyên ngành để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

2. Các đơn vị quản lý, cung cấp các dịch vụ điện, nước, các hoạt động kinh doanh và các hoạt động dịch vụ khác có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xử lý các công trình xây dựng sai phép, xây dựng không có giấy phép.

3. Kiểm tra thường xuyên các dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

### **Điều 90. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

#### **1. Khen thưởng**

Các tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có đóng góp công sức của cải trong hoạt động quản lý khai thác, sử dụng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, có công phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm phạm, phá hoại công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

#### **2. Xử lý vi phạm**

Mọi hành vi vi phạm quy định này đều bị xử lý theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính theo từng lĩnh vực: Xây dựng, Đất đai, Giao thông đường bộ, sắt, thủy, Điện lực, Bưu chính, Viễn thông, Bảo vệ môi trường. Trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **Điều 91. Điều khoản thi hành**

1. Các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Giao UBND thành phố theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân phản ánh về UBND thành phố để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

**MỘT SỐ PHỤ LỤC, BẢNG BIỂU MẪU ĐÍNH KÈM**

**BẢNG BIỂU SỐ 01**

**CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG, TUYẾN ĐƯỜNG NỘI THỊ VÀ VÙNG PHỤ CẬN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN  
(THEO HIỆN TRẠNG)**

STT	TÊN ĐƯỜNG	PHƯỜNG (KHU ĐÔ THỊ)	TỪ	ĐẾN	MẶT ĐƯỜNG (M)	VỈA HÈ (M)	GIẢI PHÂN CÁCH	CHIỀU DÀI (M)
<b>A</b>		<b>Tam Thanh</b>						
1	Trần Đăng Ninh	<i>nt</i>	Bắc cầu K.Cùng	Giao với Đ. sắt	11,25	5x2		2340
2	Lê Hồng Phong	<i>nt</i>	Ngã 3 T.Đ. Ninh	Ngã 3 Phố Muối	8 - 8,5	2-4,5x2		1150
3	Tam Thanh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba Trần Đăng Ninh	Ngã 6 Pò Soài	12,00	5,8x2		324
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã 6 Pò Soài	Kéo Tàu	7,2-7,5	2-3,5x2		1196
4	Nhị Thanh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã năm Trần Đăng Ninh	Ngã 6 Pò Soài	10,5	5,5 x 2		347
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã 6 Pò Soài	Cửa hang Nhị Thanh	6-7	2-3x2		251
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Cửa hang Nhị Thanh	Đường Bến Bắc	4,5-5	2,5x2		872
5	Yết Kiêu	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba Nhị Thanh	Đường Lê Hồng Phong	10,5	4,5x2		267
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Lê Hồng Phong	Chi cục Bảo vệ thực vật	4,5-5,5	3,5-4x2		125
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Chi cục Bảo vệ thực vật	Đường Tam Thanh	2,5-3,5	1,5x2		108

6	Đường Lý Thường Kiệt cũ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã 3 Trần Đăng Ninh	Cung Thiếu Nhi	4,5-5	2,5x2		287
	Đoạn 2	<i>nt</i>	New Century	Lê Hồng Phong	3,0	1,5x2		179
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Lê Hồng Phong	Đường Ba Sơn	6-7	3x2		545
	Đoạn 4	<i>nt</i>	Đường Ba Sơn	Hết giới hành chính phường	2,5			334
7	Phố Muối	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Bắc cầu Kỳ Cùng	Đường Lê Hồng Phong	4,5-6	3,5-4x2		336
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Lê Hồng Phong	Ngã ba Nhị Thanh	4,5-6	1,5-4x2		219
8	Bến Bắc	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã tư Phố Muối	Ngã ba Nhị Thanh	8-8,5	4,5x2		906
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba Nhị Thanh	Thác Trà	3,5	1-4x2		1004
9	Hoà Bình	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Phố Muối	5,2	1,6-2x2		130
10	Ngô Thị Nhậm	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba Tô Thị	Ngã ba Ngô Thị Vị	4,5-6	1-1,5x2		316
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba Ngô Thị Vị	Ngã ba Yết Kiêu	2,5-4	1-1,5x2		128
11	Ngô Thị Sỹ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba Tam Thanh	Cửa hang Nhị Thanh	7,0	2x3		149
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Cửa hang Nhị Thanh	Cửa hang Tam Thanh	2,5-3	1-1,5x2		531
12	Tô Thị	<i>nt</i>	Lê Hồng Phong	Đường Tam Thanh	7-7,5	3-4x2		885
13	Lê Quý Đôn	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã 3 T.Đ.Ninh	Lý Thường Kiệt	3,5	1-1,5x2		110
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Lý Thường Kiệt	Tô Thị	2,5-4			425

14	Ba Sơn	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Lý Thường Kiệt	4,5	1,5-4x2	210
15	Nguyễn Nghiễm	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Lê Hồng Phong	2,5-5,5		220
16	Nà Trang A	<i>nt</i>	Ngã ba Bến Bắc	Đường Tam Thanh	3,5-4		1200
17	Nà Trang B	<i>nt</i>	Ngã ba Nà Trang A	Đường Bến Bắc	3,5		450
18	Ngô Thì Vị	<i>nt</i>	Ngã ba Lê Hồng Phong	Tô Thị	3,5-4	1,5-3x2	285
19	Mai Toàn Xuân	<i>nt</i>	Ngã ba Nhị Thanh	Nhị Thanh (qua Tòa án thành phố)	4,5-5		165
<b>B</b>		<b>Hoàng V. Thụ</b>					
20	Bắc Sơn	<i>nt</i>					
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Trần Phú	3 - 8,5	1-4	834
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Trần Phú	Đường Minh Khai	9 - 10	2,3 - 7	251
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường Minh Khai	Đường Thân Công Tài	8,0	2 - 2,5	110
	Đoạn 4	<i>nt</i>	Đường Thân Công Tài	Đường Lương Văn Chi	8,0	2,5-4	95
	Đoạn 5	<i>nt</i>	Đường Lương Văn Chi	Đường Phan Đình Phùng	8,0	3-4	164
	Đoạn 6	<i>nt</i>	Đường Phan Đình Phùng	Giáp ranh giới nghiên cứu	10-10,5	2-5	163
21	Lê Lai	<i>nt</i>	Đường Tông Đản	Đường Trần Đăng Ninh	7.3 - 7,5	2-5	1035
22	Minh Khai	<i>nt</i>					
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	11,0	3-4	278
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Bắc Sơn	Đường Bà Triệu	2-3	0	280
23	Phố Kỳ Lừa	<i>nt</i>					
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bắc Sơn	Ngã tư đường Lê Lai	5,5	3	121
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã tư đường Lê Lai	Ngã ba đường Trần Đăng Ninh	3,6 – 4,2	2,4 - 3	135
24	Lương Văn Chi	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Đường Bà Triệu	4,5-7,6	2,1-4,3	469

25	Phan Đình Phùng	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	6,4 - 8,0	2,5-4,0		188
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Bắc Sơn	Đường Thân Cảnh Phúc	2,3 - 4			197
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường Thân Cảnh Phúc	Đường Bà Triệu	2-8			143
26	Trần Quốc Toàn	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Lê Lai	6-7	1,7-2		95
27	Phan Chu Trinh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đường Lê Lai	Đường Lương Văn Chi	4	0,8-2,5		81
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Lương Văn Chi	Đường Phan Đình Phùng	5,7-6,3	1,7-2		141
28	Thân Công Tài	<i>nt</i>	Đường Lê Lai	Đường Bắc Sơn	6,2-7	1,2-5		104
29	Ngô Văn Sờ	<i>nt</i>	Đường Lê Lai	Đường Thân Công Tài	2,5-5,5	0,5-2		258
30	Thân Cảnh Phúc	<i>nt</i>	Đường Thân Công Tài	Đường Phan Đình Phùng	6,8-7			161
31	Trần Khánh Dư	<i>nt</i>	Phan Đình Phùng	Đường Lương Văn Chi	2,4 - 4,0			116
32	Trần Phú	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đường Bắc Sơn	Đường Bà Triệu	6,5-10,5	3,3-7		189
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Bà Triệu	Đường Lý Thường Kiệt	8,2-10,5	2,7-5,5		161
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường Lý Thường Kiệt	Đường sắt Cao Lộc	10,5	3,2-6,3		286
33	Bà Triệu	<i>nt</i>	Nút giao thông đường Trần Đăng Ninh	Khu vực Cầu Cuồn (đi chợ Đông Kinh)	15,0	3,5-6,3		1628
34	Bông Lau	<i>nt</i>	Nút giao thông đường Trần Đăng Ninh	Đường Lý Thường Kiệt	2,5 - 9,0			543
35	Phố Tây Sơn	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Bắc Sơn	2,5 - 6,0			285
36	Đường Cao Thắng	<i>nt</i>	Đường Bắc Sơn	Ngõ 1 Cao Thắng	3.0 - 4,0			322
37	Đường Tô Hiến Thành	<i>nt</i>	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lê Lai	3,6-3,8	0,6-1,0		185
38	Đường Mạc Đĩnh Chi	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Lê Lai	7,2-7,9	3,0-6,7		191
39	Đường Tông Đản	<i>nt</i>	Phố Tây Sơn	Đường Trần Đăng Ninh	3,7-4,2			331

40	Đường Vi Đức Thắng	nt	Đường Bông Lau	Đường sắt cũ	2,0 - 4,0			203
41	Phố Nguyễn Thế Lộc	nt	Đường Tông Đản	Bắc Sơn	3,5 - 6,0			248
<b>C</b>		<b>P. Vĩnh Trại</b>						
42	Lê Lợi	nt	Trần Đăng Ninh	Lê Đại Hành (Ga Lạng Sơn)	15,0	chưa ĐT		1206
43	Ngô Quyền	nt						
	Đoạn 1	nt	Lê Lợi	Quốc Lộ 1A	10,0	5,0 x 2		497
	Đoạn 2	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh giới 27m	16,0	4,5 x 2	2,0	848
44	Lê Đại Hành	nt	Ga Lạng Sơn	Ngõ 3 đường Lê Đại Hành	10,5	chưa ĐT		563
45	Nguyễn Tri Phương	nt	Lê Lợi	Bà Triệu	11,0	4,5 x1		434
46	17 tháng 10	nt	Trần Đăng Ninh	Lê Lợi	8,0	4,5 x 2		274
47	Phai vệ	nt	Nguyễn Du	Ngõ 6 đường Phai Vệ	10	chưa ĐT		780
48	Mỹ Sơn – Na Làng	nt	Ngô Quyền	Ranh giới phường Vĩnh trại ( khối 10 phường Vĩnh Trại )	5,5-7,0	chưa ĐT		866
49	Nguyễn Du	nt	Lê Lợi	Phai vệ	11,0	chưa ĐT		241
50	Chu Văn An	nt						
	Đoạn 1	nt	Đường Phai Vệ	Lê Lợi	5,5	chưa ĐT		476
	Đoạn 2	nt	Lê Lợi	Suối Lao Ly	3,5-5,5	chưa ĐT		452
51	Đường Bắc Sơn	nt	Đường Lê lợi	Cầu Giếng Vương	9,0	chưa ĐT		242
52	Thân Thừa Quý	nt	Bắc Sơn	(qua Sờ Tài Chính)	7,5	chưa ĐT		197
53	Đường Bà Triệu	nt	Ngã tư đường Bà Triệu - Phai Vệ	Cầu Cuốn	15,0	6,0 x 2		628
54	Quốc Lộ 1A mới	nt	Ngã tư Ngô Quyền - Quốc lộ 1A mới	Ranh giới phường Vĩnh Trại	11-12	chưa ĐT		401
<b>D</b>		<b>Tái định cư Tỉnh Dầu</b>						

55	Phố Tinh Dầu 1	<i>nt</i>	Đường Phai Vệ	Phố Tinh Dầu 4	5,0	3,0	120
56	Phố Tinh Dầu 2	<i>nt</i>	Phố Tinh Dầu 1	Tường rào bao quanh khu Dân cư Tinh Dầu	7,0	3,0	90
57	Phố Tinh Dầu 3	<i>nt</i>	Phố Tinh Dầu 1	Tường rào bao quanh khu Dân cư Tinh Dầu	7,0	3,0	90
58	Phố Tinh Dầu 4	<i>nt</i>	Đường Chu Văn An	Tường rào bao quanh khu Dân cư Tinh Dầu	7,0	3,0	100
<b>E</b>		<b>Tái Định Cư Mỹ Sơn</b>					
59	Phố Mỹ Sơn 1	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	5,5	3,0 x 2	66
60	Phố Mỹ Sơn 2	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	5,5	3,0 x 2	85
61	Phố Mỹ Sơn 3	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	5,5	3,0 x 2	81
62	Phố Mỹ Sơn 4	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	5,5	3,0 x 2	95
63	Phố Mỹ Sơn 5	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	5,5	3,0 x 2	113
64	Phố Mỹ Sơn 6	<i>nt</i>	Phố Mỹ Sơn 1	Phố Mỹ Sơn 5	5,5	3,0 x 2	153
<b>F</b>		<b>P. Đông Kinh</b>					
65	Lý Thái Tổ	<i>nt</i>	Cầu Đông Kinh	Trường Chu Văn An	15,0	6 x 2	595
66	Ngô Gia Tự	<i>nt</i>	Nguyễn Du	Bà Triệu	7,5 - 8,0	2,5-3,5	235
67	Nguyễn Du	<i>nt</i>					
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Phai vệ	Lý Thái Tổ	7,0 - 7,5		573
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Lý Thái Tổ	Nguyễn Đình Chiểu	8,0		624
68	Bà Triệu	<i>nt</i>					
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Phai vệ	Lý Thái Tổ	15,0	2,0+6	586
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Lý Thái Tổ	Nguyễn Đình Chiểu	7,5		636
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Nguyễn Đình Chiểu	Cầu Thác Mạ	2,5-3,0		48

69	Lê Đại Hành	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngô Quyền	Phai Vệ	10 -11			596
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Phai Vệ	Trường DT Nội Trú	7,0 -7,5			232
70	Phai vệ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Nguyễn Du	Bà Triệu	11,25	6,0 x 2		216
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Bà Triệu	Đường sắt	9,0-11,0	3,0 x 2		1326
71	Ngô Quyền (4B)	<i>nt</i>	Đường sắt	Ngã tư đi Quốc lộ 4B	2x7,5+2	4,5x2		887
72	Quốc Lộ 1A mới	<i>nt</i>	Ngã 3 Phai Vệ - Quốc Lộ 1A mới	Ngã tư Ngô Quyền - Quốc lộ 1A mới	12 -13,5			861
<b>H</b>		<b>P. Chi Lăng</b>						
73	Hùng Vương	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Nam cầu Kỳ Cùng	Trần Hưng Đạo	8 + 11,25 + 8	8 - 6	8,5-11	283,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Phía Tây cầu Đông Kinh	46,0	8 x 2		209,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Cầu Đông Kinh	Cửa Nam	28,5 + 8,5	6 x 2	13,0	642,0
	Đoạn 4	<i>nt</i>	Cửa Nam	Cầu Thụ Phụ	7,5 x 2	7 x 2	0,75	180,0
	Đoạn 5	<i>nt</i>	Cầu Thụ Phụ	Cầu Rọ Phái	7,5 x 2	7 x 2	0,75	730,0
74	Trần Hưng Đạo	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Đền Cửa Bắc	12,0	4,5 x 2		299,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đền Cửa Bắc	Hoàng Văn Thụ	11,0	5,0 x 2		270,5
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Hoàng Văn Thụ	Đền Ngũ Nhạc	7,5			678,5
75	Hoàng Văn Thụ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	9,5	8 x 2		256,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	9,5	6 x 2		192,0

76	Trần Quang Khải	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đền Ngũ Nhạc	Ngã ba xuống Ngâm Thác Trà	5,5			831,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba xuống Ngâm Thác Trà	Cầu Quảng Lạc	5,5			1369,5
77	Đình Tiên Hoàng	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Quang Trung	8,0	10 x 2		101,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Quang Trung	Xứ Nhu	8,0	9 + 5		83,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Xứ Nhu	Trần Hưng Đạo	8,0	6 x 2		568,0
78	Xứ Nhu	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Đường Thành	7,0	3 x 2		276,0
79	Nguyễn Thái Học	<i>nt</i>			8,0	4,5 x 2		17,0
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Trần Hưng Đạo	6,0	4,5 x 2		87,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Công Thành	7,5	5,5 x 2		694,0
80	Quang Trung	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Hoàng Diệu	10,0	6,0		85,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Hoàng Diệu	Trung Trắc	10,5	3,0 + 5,5		40,5
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Trung Trắc	Đường Thành	10,5	10,5 x 2		350,0
	Đoạn 4	<i>nt</i>	Đường Thành	Mai Thế Chuẩn	10,5	10,5 + 6,5		199,0
	Đoạn 5	<i>nt</i>	Mai Thế Chuẩn	Dã Tượng	10,5	10,0 x 2	4,5	195,0
81	Trần Nhật Duật	<i>nt</i>	Cầu Kỳ Cùng	Nguyễn Thái Học	5,5	2,5 x 2		325,0
82	Trung Trắc	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	3,5 - 5,5	1 x 2		8,0
83	Hoàng Diệu	<i>nt</i>	Quang Trung	Trung Nhị	5,0	1 x 2		132,0
84	Phạm Ngũ Lão	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Hoàng Diệu	3,5	1 x 2		47,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Hoàng Diệu	Trung Trắc	3,5	0,5 x 2		43,0

85	Trung Nhị	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hoàng Diệu	Trung Trắc	3,5 – 4,0	$\frac{(0,5 - 1) \times}{2}$		44,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trung Trắc	Trần Hưng Đạo	3,5 – 4,0	$(0 - 1) \times 2$		79,5
86	Lý Tự Trọng	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	5,5	$\frac{(0,5 - 3) \times}{2}$		93,0
87	Đường Thành	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Quang Trung	Xứ Nhu	5,5 – 7,0	$(1 - 4) \times 2$		82,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Xứ Nhu	Nguyễn Thái Học	8,0	$2,0 \times 2$		111,0
88	Mai Thế Chuẩn	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Quang Trung	Văn Cao	8,0	2 - 3		80,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Văn Cao	Nguyễn Thái Học	8,0	1- 6		113,5
89	Dã Tượng	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Quang Trung	15,0	$4,5 \times 2$		101,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	6,0	1,5 - 6		195,0
90	Văn Cao	<i>nt</i>	Mai Thế Chuẩn	Dã Tượng	8,0	$\frac{(0 - 4,5) \times}{2}$		285,0
91	Đại Huệ	<i>nt</i>	Mai Thế Chuẩn	Dã Tượng	6,0	$1 \times 2$		212,0
92	Cửa Nam	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Nhà khách Tinh úy	10,5	1,5 - 4,5		76,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Nhà khách Tinh Úy	Đền Phù Mẫu Thượng	7,5 - 8,0	1,5 – 3,5		88,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đền Phù Mẫu Thượng	Văn Miếu	5,5	1,5 – 4,5		151,0
93	Văn Miếu	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Cổng Thành (Nguyễn Thái Học)	Cửa Nam	7,5	$4,5 \times 2$		145,5

	Đoạn 2	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phai Luông	5,5			196,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Phai Luông	Chùa Tiên	5,5	0		203,0
94	Tổ Sơn	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Văn Miếu	Hết đất nhà thờ Cửa Nam	8,0	5 - 8		137,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Hết đất nhà thờ Cửa Nam	Đèo Giang	2 - 3			710,0
95	Chùa Tiên	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Cuối đường Văn Miếu	5 - 6,5			289,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Văn Miếu	Phai Luông	8,0	3,0 x 2		256,5
96	Phai Luông	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Văn Miếu	Chùa Tiên	5,5			305,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Chùa Tiên	Phai Luông số 6	5,5			243,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Phai Luông số 6	Văn Vi	2 - 4			98,5
97	Đèo Giang	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Đường vào trường CD SP	7,5			204,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường vào trường CD SP	Đường Đài truyền hình	6,5			268,5
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường dài TH	Văn Vi	3,5			750,0
98	Phan Huy Chú	<i>nt</i>	Hùng Vương cũ	Ngõ 1 Cửa Nam	8,0	2,0 x 2		254,0
99	Phan Bội Châu	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	7,0	2,0 x 2		118,0
100	Tuệ Tĩnh	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	5,5	1,5 x 2		113,0
101	Hoàng Hoa Thám	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	6,0	2,25 x 2		116,5
102	Văn Vi	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Phai Luông số 7	7,5	5,0 + 3,0		332,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Ngã 3 Văn Vi - Văn Miếu - Đèo Giang	8,0	4,5 + 3,0		578,0

<b>I</b>		<b>Tái Định Cư Phai Luông</b>						
103	Phai Luông số 1	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	10,5	3,0 x 2		252,0
104	Phai Luông số 2	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5	3,0 x 2		219,0
105	Phai Luông số 3	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5	3,0 x 2		303,0
106	Phai Luông số 4	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5	3,0 x 2		284,0
107	Phai Luông số 5	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5	3,0 x 2		256,0
108	Phai Luông số 6	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5	3,0 x 2		227,5
109	Phai Luông số 7	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	5,5	3,0 x 2		240,5
110	Phai Luông số 8	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	5,5	3,0 x 2		271,0
111	Phai Luông số 9	<i>Ko có biển</i>	Phai Luông Số 7	Nhà văn hóa Phai Luông	5,5	3,0 x 2		445
<b>K</b>		<b>Xã Mai Pha</b>						
112	Phai Vệ	<i>nt</i>	Ngã tư Phai Vệ - Lê Đại Hành	Đường Quốc Lộ 1A mới	10,0	2,0-6,0 x 2		268
113	Đường Hùng Vương	<i>nt</i>	Cầu Rọ Phái	Đường Quốc Lộ 1A mới	14	3,0-6,5 x 2	1,0	2293
114	Quốc Lộ 1A mới	<i>nt</i>	Ngã ba Quốc Lộ 1A mới - Hùng Vương	Ngã ba Phai Vệ - Quốc Lộ 1A mới	15,0	0		3682
115	Đường Lê Đại Hành	<i>nt</i>	Đầu hồi tường rào trường DTNT tỉnh Lạng Sơn	Ngã ba rẽ vào tập thể nhà máy xi măng	8,0	1,0-3,0 x 2		354
116	Đường Pò Đưa	<i>nt</i>	Ngã ba rẽ vào tập thể nhà máy xi măng	Quốc Lộ 1A mới	5,0	0		1487
<b>L</b>		<b>Hoàng Đồng</b>						
117	Đường Trần Đăng Ninh	<i>nt</i>	Đường sắt cắt ngang đường Trần Đăng Ninh	Ngã ba rẽ ra Quốc Lộ 1A ( gần UBND xã Hoàng Đồng)	11,25	2,0-6,0 x 2		1019
118	Đường Quốc Lộ 1A cũ	<i>nt</i>	Ngã ba rẽ ra Quốc Lộ 1A (gần UBND xã Hoàng Đồng)	Hết ranh giới mở rộng TP Lạng Sơn	6,0	0		3869
119	Đường Quốc Lộ 1A mới	<i>nt</i>	Ranh giới xã Hoàng Đồng (khu vực Công nghiệp địa phương số 2)	Hết ranh giới mở rộng TP Lạng Sơn	15,0			4075

**BẢNG BIỂU SỐ 02**  
**CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG, TUYẾN ĐƯỜNG NỘI THỊ VÀ VÙNG PHỤ CẬN**  
**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**  
**(THEO QUY HOẠCH)**

STT	TÊN ĐƯỜNG	PHƯỜNG	TỪ	ĐẾN	MẶT ĐƯỜNG (M)	GIẢI PHÂN CÁCH	VỈA HÈ (M)	LỘ GIỚI ĐƯỜNG (M)
<b>A</b>		<b>Tam Thanh</b>						
1	Trần Đăng Ninh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Bắc cầu Kỳ Cùng	Ngã ba Bông Lau	11,25		6 x 2	23,25
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba Bông Lau	KM 10+300	11,25		6 x 2	23,25
2	Lê Hồng Phong	<i>nt</i>	Ngã ba Trần Đăng Ninh	Ngã tư Phố Muối	10,5		4,5x 2	19,5
3	Tam Thanh	<i>nt</i>	Ngã ba Trần Đăng Ninh	Kéo Tầu	15,00		6 x 2	27,00
4	Nhị Thanh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã năm Trần Đăng Ninh	Ngã sáu	10,5		5 x 2	20,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã sáu	Cửa hang Nhị Thanh	10,5		3,5 x 2	17,5
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Cửa hang Nhị Thanh	Đường Bến Bắc	8,0		3 x 2	14,0
5	Yết Kiêu	<i>nt</i>	Ngã ba Nhị Thanh	Đường Tam Thanh	10,5		3,5 x 2	17,5
6	Đường Lý Thường Kiệt cũ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba Trần Đăng Ninh	Cung Thiếu Nhi	3,75		2,5 x 2	8,75
	Đoạn 2	<i>nt</i>	New century	Đường Lê Hồng Phong	6,0		3,0 x 2	12,00
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường Lê Hồng Phong	Trần Đăng Ninh	8,0		4,5 x 2	17,00
7	Phố Muối	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Bắc cầu Kỳ Cùng	Cầu Phố Muối	6,0		2,25 x 2	10,5

	Đoạn 2	<i>nt</i>	Cầu Phố Muối	Ngã ba Nhị Thanh	6,0		3 x 2	12,0
8	Bến Bắc	<i>nt</i>	Ngã tư Phố Muối	Ngâm Thác Trà	10,5		4,5 x 2	19,5
9	Phố Hoà Bình	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Phố Muối	6,0		1,5 x 2	9,0
10	Ngô Thi Nhâm	<i>nt</i>	Ngã ba Tô Thị	Ngã ba Yết Kiêu	8,0		3 x 2	14,0
11	Ngô Thi Sỹ	<i>nt</i>	Ngã ba Tam Thanh	Cửa hang Động Tam Thanh	8,0		3 x 2	14,0
12	Tô Thị	<i>nt</i>	Lê Hồng Phong	Đường Tam Thanh	8,0		4,5 x 2	17,0
13	Lê Quý Đôn	<i>nt</i>	Ngã ba Trần Đăng Ninh	Đường Tô Thị	8,0		3 x 2	14,0
14	Ba Sơn	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Trại Chè	8,0		4,5 x 2	17,0
15	Nguyễn Nghiễm	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Lê Hồng Phong	6,0		0	6,0
16	Nà Trang A	<i>nt</i>	Ngã ba Bến Bắc	Đường Tam Thanh	6,0		3 x 2	12,0
17	Nà Trang B	<i>nt</i>	Ngã ba Nà Trang A	Đường Bến Bắc	6,0		3 x 2	12,0
18	Ngô Thi Vị	<i>nt</i>	Ngã ba Lê Hồng Phong	Thành Nhà Mạc	8,0		3x2	14,0
19	Mai Toàn Xuân	<i>nt</i>	Ngã hai Nhị Thanh	Nhị Thanh (qua Toà án thành phố)	3,75		3 x 2	9,75
<b>B</b>		<b>Hoàng Văn Thụ</b>						
20	Bắc Sơn	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Trần Phú	8,0		4,5 x 2	17,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trần Phú	Hết ranh giới nghiên cứu	10,5		5,0 x 2	20,5
21	Lê Lai	<i>nt</i>	Đường Tông Đản	Trần Đăng Ninh	8,0		3 x 2	14,0
22	Minh Khai	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	11,0		3,0 x 2	17,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Bắc Sơn	Đường Bà Triệu	6,0		2 x 2	10,0
23	Kỳ Lừa	<i>nt</i>						

	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bắc Sơn	Ngã tư đường Lê Lai	6,0		3,0	9,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã tư đường Lê Lai	Ngã ba đường Trần Đăng Ninh	4,0		3,0	7,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Đường Thân Công Tài	Ngã ba đường Trần Đăng Ninh	6,0		3,0	9,0
24	Lương Văn Chi	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Đường Bà Triệu	8,0		3x 2	14,0
25	Phan Đình Phùng	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	8,0		2,5 x 2	13,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Bắc Sơn	Thân Cảnh Phúc	6,0		2,25 x 2	10,5
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Thân Cảnh Phúc	Đường Bà Triệu	5,0		1,5 x 2	8,0
26	Trần Quốc Toán	<i>nt</i>	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Lê Lai	6,0		2x2	10,0
27	Phan Chu Trinh	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Lê Lai	Lương Văn Chi	5,0		1,5 x 2	8,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Lương Văn Chi	Phan Đình Phùng	6,0		1,5 x 2	9,0
28	Thân Công Tài	<i>nt</i>	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	6,0		3	9,0
29	Ngô Văn Sở	<i>nt</i>	Lê Lai	Thân Công Tài	6,0		2,25 x 2	10,5
30	Thân Cảnh Phúc	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Thân Công Tài	Lương Văn Chi	7,0		2,0 x 2	11,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Lương Văn Chi	Phan Đình Phùng	6,0		2,0 x 2	10,0
31	Trần Khánh Dư	<i>nt</i>	Thân Cảnh Phúc	Đường Bà Triệu	6,0		2,25x2	10,5
32	Trần Phú	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Bắc Sơn	Đường Bà Triệu	10,5		4,0 x 2	18,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Bà Triệu	Đường sắt Cao Lộc	10,5		5,0 x 2	20,5
33	Bà Triệu	<i>nt</i>	Nút giao thông đường Trần Đăng Ninh	Khu vực Cầu Cuốn (đi chợ Đông Ki	15,0		6 x 2	27,0

34	Bông Lau	nt	Nút giao thông đường Trần Đăng Ninh	Đường Lý Thường Kiệt	8,0		4,5 x 2	17,0
35	Phố Tây Sơn	nt	Trần Đăng Ninh	Bắc Sơn	6,0		2,25 x 2	10,5
36	Đường Cao Thắng	nt	Bắc Sơn	Ngõ 1 Cao Thắng	6,0		2,25 x 2	10,5
37	Tô Hiến Thành	nt	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lê Lai	5,5		0	5,5
38	Mạc Đĩnh Chi	nt	Trần Đăng Ninh	Lê Lai	7,5		5 x 2	17,5
39	Tông Đản	nt	Phố Tây Sơn	Đường Trần Đăng Ninh	8,0		1,5 x 2	11,0
40	Vi Đức Thắng	nt	Bông Lau	Đường sắt cũ	6,0		2 x 2	10,0
41	Nguyễn Thế Lộc	nt	Lê Lai	Đường Bắc Sơn	6,0		2,25 x 2	10,5
<b>C</b>		<b>P. Vĩnh Trại</b>						
42	Lê Lợi	nt	Trần Đăng Ninh	Lê Đại Hành (Ga Lạng Sơn)	15,0		6 x 2	27,0
43	Ngô Quyền	nt						
	Đoạn 1	nt	Ngã ba đường Lê Lợi	Ngã ba đường phân khu vực 1	15,0		6 x 2	27,0
	Đoạn 2	nt	Ngã ba đường phân khu vực 1	hết ranh giới quy hoạch	15,0	2,0	5 x 2	27,0
44	Lê Đại Hành	nt						
	Đoạn 1	nt	ranh giới quy hoạch	Ngã tư Ngô Quyền	11,25		4,5 x 2	20,25
	Đoạn 2	nt	Ngã tư Ngô Quyền	Ngã ba Lê Lợi	11,0		3 x 2	17,0
45	Nguyễn Tri Phương	nt	Lê Lợi	Bà Triệu	11,5		(3,0-6,0)x2	19,5-21,5
46	17 tháng 10	nt	Trần Đăng Ninh	Lê Lợi	10,5		(3,0-6,0)x2	19,5-22,5
47	Phai vệ	nt						
	Đoạn 1	nt	Bà Triệu	hết ranh giới quy hoạch	11,25		6 x 2	23,25

	Đoạn 2	<i>nt</i>	Nguyễn Du	Bà Triệu	11,25		4 x 2	19,25
48	Mỹ Sơn	<i>nt</i>	Ngô Quyền	Ranh giới phường Vĩnh Trại ( khối 10 phường Vĩnh Trại )	11,25		4,5 x 2	20,25
49	Nguyễn Du	<i>nt</i>	Lê Lợi	Phai vệ	15,0		6 x 2	27,0
50	Chu Văn An	<i>nt</i>	Phai Vệ	Cầu Cuốn	8,0		4,5 x 2	17,0
51	Kéo Tào	<i>nt</i>	Mỹ Sơn	Kéo Tào	7,5 – 8,0		3 x 2	13,5 – 14,0
52	Bắc Sơn	<i>nt</i>	Đường Lê Lợi	Cầu Giếng Vương	10,5		5 x 2	20,5
53	Thân Thừa Quý	<i>nt</i>	Bắc Sơn	(qua Sở Tài Chính)	8,0		1,5 x 2	11,0
54	Đường Bà Triệu	<i>nt</i>	Ngã tư đường Bà Triệu - Phai Vệ	Cầu Cuốn	15,0		6 x 2	27,0
55	Quốc Lộ 1A (Trục trung tâm)	<i>nt</i>	Ngã tư Ngô Quyền - Quốc lộ 1A mới	Ranh giới phường Vĩnh Trại	2x(11,0+3,0)	2x1,0+3,0	6,0 x 2	45,0
56	Đường Lý Thường Kiệt	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lê Lợi	Ranh giới phường Vĩnh Trại	2x11,75	1,5	6,0 x 2	37,0
57	Đường Trần Đại Nghĩa	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lương Thế Vinh	Ranh giới phường Vĩnh Trại	2x8,75	1,5	6,0 x 2	31,0
58	Đường nhánh Đông	<i>nt</i>	Ngã tư đường Kéo Tào	Ranh giới phường Vĩnh Trại	10,5		4,5 x 2	19,5
59	Phố Kim Đồng	<i>nt</i>	Ngã tư đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường Lương Thế Vinh	11,0		3,0 x 2	17,0
60	Đường Lương Thế Vinh	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lê Lợi	Ranh giới phường Vĩnh Trại	11,0		3,0 x 2	17,0
61	Đường Bùi Thị Xuân	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lương Đình Cúa	Ranh giới phường Vĩnh Trại	11,0		3,0 x 2	17,0
62	Đường Đặng Văn Ngữ	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Ranh giới phường Vĩnh Trại	6,0		3,0 x 2	12,0
63	Đường Đinh Công Tráng	<i>nt</i>	Ngã ba đường Đặng Văn Ngữ	Ngã ba đường Đinh Lễ	6,0		3,0 x 2	12,0
64	Đường Đinh Lễ							
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Ranh giới phường Vĩnh Trại	6,0		3,0 x 2	12,0

	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba đường Trần Đại Nghĩa	Ranh giới phường Vĩnh Trại	11,0		3,0 x 2	17,0
65	Đường Lê Hữu Trác	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Ngã tư đường Đinh Lễ	6,0		3,0 x 2	12,0
66	Đường Lương Đình Của	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường Bùi Thị Xuân	6,0		3,0 x 2	12,0
67	Đường Đặng Dung	<i>nt</i>	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường phân khu vực	6,0		3,0 x 2	12,0
<b>D</b>		<b>Tái định cư Tỉnh Dầu</b>						
68	Phố Tinh Dầu 1	<i>nt</i>	Đường Phai Vệ	Phố Tinh Dầu 4	6,0		3,0 x 2	12,0
69	Phố Tinh Dầu 2	<i>nt</i>	Phố Tinh Dầu 1	Tường rào bao quanh Khu dân cư Tinh Dầu	8,0		3,0 x 2	14,0
70	Phố Tinh Dầu 3	<i>nt</i>	Phố Tinh Dầu 1	Tường rào bao quanh Khu Dân cư T Dầu	6,0		3,0 x 2	12,0
71	Phố Tinh Dầu 4	<i>nt</i>	Ngã ba đường Chu Văn An	Tường rào bao quanh Khu dân cư Tinh Dầu	8,0		3,0 x 2	14,0
<b>E</b>		<b>Tái Định Cư Mỹ Sơn</b>						
72	Phố Mỹ Sơn 1	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	6,0		3,0 x 2	12,0
73	Phố Mỹ Sơn 2	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	6,0		3,0 x 2	12,0
74	Phố Mỹ Sơn 3	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	6,0		3,0 x 2	12,0
75	Phố Mỹ Sơn 4	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	6,0		3,0 x 2	12,0
76	Phố Mỹ Sơn 5	<i>nt</i>	Quốc lộ 1A mới	Phố Mỹ Sơn 6	8,0		3,0 x 2	14,0
77	Phố Mỹ Sơn 6	<i>nt</i>	Phố Mỹ Sơn 1	Phố Mỹ Sơn 5	6,0		3,0 x 2	12,0
<b>F</b>		<b>P. Đông Kinh</b>						
78	Quốc Lộ 1A (Tuyến số 1)	<i>nt</i>	Ngã 3 Phai Vệ - Quốc Lộ 1A	Ngã tư Ngô Quyền - Quốc lộ 1A	2x(11,0+3,0)	2x1,0+3,0	6,0 x 2	45,0

			mới	mới				
79	Lý Thái Tổ (Tuyển số 2)	nt	Cầu Đông Kinh	Quốc Lộ 1A mới	15,0		6,0 x 2	27,0
80	Bà Triệu (Tuyển số 3)	nt						
	Đoạn 1	nt	Ngã tư đường Phai Vệ	Ngã tư đường số 52	15,0		6,0 x 2	27,0
	Đoạn 2	nt	Ngã tư đường số 52	hết ranh giới quy hoạch	15,0		9,0 x 2	33,0
81	Đường Phai Vệ (Tuyển số 4)	nt	Nguyễn Du	Ngã 4 Phai Vệ - Lê Đại Hành	11,25		6,0 x 2	23,25
82	Đường Ngô Quyền (Tuyển số 5)	nt	Ngã tư tuyển số 16	hết ranh giới quy hoạch	15,0		6,0 x 2	27,0
83	Lê Đại Hành (Tuyển số 6)	nt	Ngõ 6 đường Lê Đại Hành	Lý Thái Tổ	11,25		4,5 x 2	20,5
84	Nguyễn Du (Tuyển số 7)	nt	Phai vệ	Nguyễn Đình Chiểu	8,0		4,5 x 2	17,0
85	Nguyễn Đình Chiểu (Tuyển số 8)	nt	Nguyễn Du	Bà Triệu	8,0		4,5 x 2	17,0
86	Ngô Gia Tự (Tuyển số 9)	nt	Nguyễn Du	Bà Triệu	8,0		4,5 x 2	17,0
87	Chu Văn An (Tuyển số 10)	nt	Ngã 3 Phai Vệ - Chu Văn An	Trường PTH Chu Văn An cũ	8,0		4,5 x 2	17,0
88	Tuyển số 11 – CN1	nt	Cọc 1A2	Cọc 164	2x7,5	6,0	6,0 x 2	33,0
89	Tuyển số 12	nt	Cọc 161	Cọc 174	2x7,5	2,0	4,5 x 2	26,0
90	Tuyển số 13	nt	Cọc 1A3	Cọc 210	7,5		4,5 x 2	16,5
91	Tuyển số 14	nt	Cọc 169	Cọc 188	7,5		4,5 x 2	16,5
92	Tuyển số 15	nt	Cọc 170	Cọc 194	7,5		4,5 x 2	16,5
93	Tuyển số 16	nt	Cọc 176	Cọc 224	7,5		4,5 x 2	16,5
94	Tuyển số 17	nt	Cọc 184	Cọc 209	7,5		4,5 x 2	16,5
95	Tuyển số 18	nt	Cọc 183	Cọc 208	7,5		4,5 x 2	16,5
96	Tuyển số 19	nt	Cọc 187	Cọc 205	7,5		4,5 x 2	16,5
97	Tuyển số 20	nt	Cọc 185	Cọc 203	7,5		4,5 x 2	16,5

98	Tuyển số 21	<i>nt</i>	Cọc 1A4	Cọc 158	7,5		3,0 x 2	13,5
99	Tuyển số 22	<i>nt</i>	Cọc 178	Cọc 200	5,5		4,5 x 2	14,5
100	Tuyển số 23	<i>nt</i>	Cọc 1A5	Cọc 179	5,5		3,0 x 2	11,5
101	Tuyển số 24	<i>nt</i>	Cọc 180	Cọc 184	5,5		3,0 x 2	11,5
102	Tuyển số 25	<i>nt</i>	Cọc 173	Cọc 186	5,5		3,0 x 2	11,5
103	Tuyển số 26	<i>nt</i>	Cọc 182	Cọc 207	5,5		3,0 x 2	11,5
104	Tuyển số 27	<i>nt</i>	Cọc 181	Cọc 226	5,5		3,0 x 2	11,5
105	Tuyển số 28	<i>nt</i>	Cọc 166	Cọc 225	5,5		3,0 x 2	11,5
106	Tuyển số 29	<i>nt</i>	Cọc 139	Cọc 147	2 x 7,5	8,0	4,5 x 2	32,0
107	Tuyển số 30	<i>nt</i>	Cọc 70	Cọc 142	7,5		4,5 x 2	16,5
108	Tuyển số 31	<i>nt</i>	Cọc 137	Cọc 150	7,5		4,5 x 2	16,5
109	Tuyển số 32	<i>nt</i>	Cọc 64	Cọc 69	5,5		3,0 x 2	11,5
110	Tuyển số 33	<i>nt</i>	Cọc 149	Cọc 151	5,5		3,0 x 2	11,5
111	Tuyển số 34	<i>nt</i>	Cọc 136	Cọc 140	5,5		3,0 + 4,5	13,0
112	Tuyển số 35	<i>nt</i>	Cọc 137	Cọc 145	5,5		3,0 x 2	11,5
113	Tuyển số 36	<i>nt</i>	Cọc 143	Cọc 146	5,5		3,0 x 2	11,5
114	Tuyển số 37	<i>nt</i>	Cọc 140	Cọc 148	5,5		3,0 x 2	11,5
115	Tuyển số 38	<i>nt</i>	Cọc 38	Cọc 136	5,5		3,0 x 2	11,5
116	Tuyển số 39	<i>nt</i>	Cọc 131	Cọc 135	5,5		3,0 x 2	11,5
117	Tuyển số 40	<i>nt</i>	Cọc 125	Cọc 131	7,5		3,75 x 2	15,0
118	Tuyển số 41	<i>nt</i>	Cọc 123	Cọc 130	6,0		3,0 x 2	12,0
119	Tuyển số 42	<i>nt</i>	Cọc 128	Cọc 129	7,0		4,25 x 2	15,5
120	Tuyển số 43	<i>nt</i>	Cọc 126	Cọc 127	6,0		3,75 x 2	13,5

121	Tuyển số 44	<i>nt</i>	Cọc 37	Cọc 53	10,5		6,5 x 2	23,5
122	Tuyển số 45	<i>nt</i>	Cọc 36	Cọc 122	6,0		3,75 x 2	13,5
123	Tuyển số 46	<i>nt</i>	Cọc 118	Cọc 124	7,5		3,5 x 2	14,5
124	Tuyển số 47	<i>nt</i>	Cọc 34	Cọc 119	7,5		3,5 x 2	14,5
125	Tuyển số 48	<i>nt</i>	Cọc 33	Cọc 55	7,5		3,5 x 2	14,5
126	Tuyển số 49	<i>nt</i>	Cọc 110	Cọc 117	7,5		3,5 x 2	14,5
127	Tuyển số 50	<i>nt</i>	Cọc 32	Cọc 116	7,5		3,5 x 2	14,5
128	Tuyển số 51	<i>nt</i>	Cọc 31	Cọc 115	7,5		3,5 x 2	14,5
129	Tuyển số 52	<i>nt</i>	Cọc 30	Cọc 114	7,5		3,5 x 2	14,5
130	Tuyển số 53	<i>nt</i>	Cọc 29	Cọc 113	7,5		3,5 x 2	14,5
131	Tuyển số 54	<i>nt</i>	Cọc 28	Cọc 112	7,5		3,5 x 2	14,5
132	Tuyển số 55	<i>nt</i>	Cọc 27	Cọc 110	7,5		3,5 x 2	14,5
133	Tuyển số 56	<i>nt</i>	Cọc 108	Cọc 111	7,5		3,5 x 2	14,5
134	Tuyển số 57	<i>nt</i>	Cọc 26	Cọc 107	7,5		3,5 x 2	14,5
135	Tuyển số 58	<i>nt</i>	Cọc 25	Cọc 112	7,5		3,5 x 2	14,5
136	Tuyển số 59	<i>nt</i>	Cọc 33	Cọc 38	7,5		3,5 x 2	14,5
137	Tuyển số 60	<i>nt</i>	Cọc 15	Cọc 33	7,5		3,5 x 2	14,5
138	Tuyển số 61	<i>nt</i>	Cọc 23	Cọc 102	7,5		3,5 x 2	14,5
139	Tuyển số 62	<i>nt</i>	Cọc 22	Cọc 106	7,5		3,5 x 2	14,5
140	Tuyển số 63	<i>nt</i>	Cọc 21	Cọc 105	7,5		3,5 x 2	14,5
141	Tuyển số 64	<i>nt</i>	Cọc 20	Cọc 104	7,5		3,5 x 2	14,5
142	Tuyển số 65	<i>nt</i>	Cọc 101	Cọc 103	7,5		3,5 x 2	14,5
143	Tuyển số 66	<i>nt</i>	Cọc 19	Cọc 102	7,5		3,5 x 2	14,5

144	Tuyển số 67	<i>nt</i>	Cọc 18	Cọc 99	7,5		3,5 x 2	14,5
145	Tuyển số 68	<i>nt</i>	Cọc 17	Cọc 98	5,5		3,5 x 2	12,5
146	Tuyển số 69	<i>nt</i>	Cọc 96	Cọc 100	7,5		3,5 x 2	14,5
147	Tuyển số 70	<i>nt</i>	Cọc 15	Cọc 96	7,5		3,5 x 2	14,5
148	Tuyển số 71	<i>nt</i>	Cọc 14	Cọc 95	7,5		3,5 x 2	14,5
149	Tuyển số 72	<i>nt</i>	Cọc 80	Cọc 90	7,5		3,0 x 2	13,5
150	Tuyển số 73	<i>nt</i>	Cọc 75	Cọc 80	5,5		3,0 x 2	11,5
<b>H</b>		<b>P. Chi Lăng</b>						
151	Hùng Vương	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Nam cầu Kỳ Cùng	Trần Hưng Đạo	8,0 + 11,25 + 8,0	8,5 – 11,0	8,0 – 6,0	60,75
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Phía Tây cầu Đông Kinh	46,0		8,0 x 2	62,0
	Đoạn 3	<i>nt</i>	Cầu Đông Kinh	Cửa Nam	24,0 + 8,0	6,0	2x3,5+8+6	59,0
	Đoạn 4	<i>nt</i>	Cửa Nam	Cầu Thụ Phụ	24,0 + 8,0	6,0	2x3,5+8+6	59,0
	Đoạn 5	<i>nt</i>	Cầu Thụ Phụ	Cầu Rọ Phái	7,5 x 2		6,0 x 2	27,0
152	Trần Hưng Đạo	<i>nt</i>	Hùng Vương	Đền Ngũ Nhạc	11,25		6,0 x 2	23,25
153	Hoàng Văn Thụ	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	9,5		7,0 x 2	23,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	9,5		6,0x 2	21,5
154	Trần Quang Khải	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Đền Ngũ Nhạc	Ngõ 2 Trần Quang Khải	10,5		3,5 x 2	17,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngõ 2 Trần Quang Khải	Cầu Quảng Lạc	8,0		3,5 x 2	15,0
155	Đình Tiên Hoàng	<i>nt</i>	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	15,0		6,0 x 2	27,0

156	Xứ Nhu	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Đường Thành	7,0		3,0x 2	13,0
157	Nguyễn Thái Học	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Trần Hưng Đạo	8,0		3,0 x 2	14,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Cổng Thành	8,0		4,5 x 2	17,0
158	Quang Trung	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Đường Thành	10,5		11,5 + 10,5	32,5
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đường Thành	Dã Tượng	10,5		11,0 + 15,0	36,5
159	Trần Nhật Duật	<i>nt</i>	Cầu Kỳ Cùng	Nguyễn Thái Học	8,0		3,0 x 2	14,0
160	Trung Trắc	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	6,0		1,0 x 2	8,0
161	Hoàng Diệu	<i>nt</i>	Quang Trung	Trung Nhị	6,0		1,0x 2	8,0
162	Phạm Ngũ Lão	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Trung Trắc	6,0		0	6,0
163	Trung Nhị	<i>nt</i>	Trần Nhật Duật	Trần Hưng Đạo	6,0		0	6,0
164	Lý Tự Trọng	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	6,0		2,25 x 2	10,5
165	Đường Thành	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	8,0		4,0 x 2	16,0
166	Mai Thế Chuẩn	<i>nt</i>	Hùng Vương	Nguyễn Thái Học	6,0		2,0x 2	10,0
167	Dã Tượng	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Quang Trung	15,0		6,0x 2	27,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	8,0		2,0 x 2	12,0
168	Văn Cao	<i>nt</i>	Mai Thế Chuẩn	Dã Tượng	8,0		2,0 x 2	10,0
169	Đại Huệ	<i>nt</i>	Mai Thế Chuẩn	Dã Tượng	6,0		1,0x 2	8,0
170	Cửa Nam	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Hùng Vương	Đền Phủ Mẫu Thượng	14,0		4,5 + 1,5	20,0

	Đoạn 2	<i>nt</i>	Đền Phú Mẫu Thượng	Văn Miếu	8,0		4,5 x 2	17,0
171	Văn Miếu	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Nguyễn Thái Học	Chùa Tiên				
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Chùa Tiên	Đường Văn Vi	8,0		4,5 x 2	17,0
172	Tổ Sơn	<i>nt</i>	Văn Miếu	Đèo Giang	8,0		4,5 x 2	17,0
173	Chùa Tiên	<i>nt</i>	Hùng Vương	Đường Văn Miếu	8,0		4,5 x 2	17,0
174	Phai Luông	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Văn Miếu	Chùa Tiên	8,0		4,5 x 2	17,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Chùa Tiên	Văn Vi	7,5		0	7,5
175	Đèo Giang	<i>nt</i>	Trần Hưng Đạo	Văn Vi	8,0		4,5 x 2	17,0
176	Phan Huy Chú	<i>nt</i>	Hùng Vương	Văn Miếu	8,0		4,5 x 2	17,0
177	Phan Bội Châu	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	6,0		2,25 x 2	10,5
178	Tuệ Tĩnh	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	6,0		2,25 x 2	10,5
179	Hoàng Hoa Thám	<i>nt</i>	Cửa Nam	Phan Huy Chú	6,0		2,25 x 2	10,5
180	Văn Vi	<i>nt</i>	Hùng Vương	Đèo Giang	8,0		4,5 X2	17,0
<b>I</b>		<b>Tái Định Cư Phai Luông</b>						
181	Phai Luông số 1	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	10,5		3,0 x 2	16,5
182	Phai Luông số 2	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5		3,0 x 2	11,5
183	Phai Luông số 3	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Đường Văn Miếu	5,5		3,0 x 2	11,5
184	Phai Luông số 4	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Đường Văn Miếu	5,5		3,0 x 2	11,5
185	Phai Luông số 5	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Phai Luông số 8	5,5		3,0 x 2	11,5
186	Phai Luông số 6	<i>nt</i>	Phai Luông số 7	Đường Văn Miếu	5,5		3,0 x 2	11,5

187	Phai Luông số 7	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	5,5		3,0 x 2	11,5
188	Phai Luông số 8	<i>nt</i>	Văn Vi	Chùa Tiên	5,5		3,0 x 2	11,5
189	Phai Luông số 9	<i>Ko có biển</i>	Phai Luông số 7	Nhà văn hóa Phai Luông	5,5		3,0 x 2	11,5
<b>K</b>		<b>Xã Mai Pha</b>						
190	Phai Vệ	<i>nt</i>	Ngã tư Phai Vệ - Lê Đại Hành	Đường Quốc Lộ 1A mới	11,25		6,0 x 2	23,25
191	Đường Hùng Vương	<i>nt</i>	Cầu Rọ Phái	Đường Quốc Lộ 1A mới	14,0	1,0	6,0 x 2	27,0
192	Quốc Lộ 1A mới	<i>nt</i>	Ngó ba Quốc Lộ 1A mới - Hùng Vương	Ngó ba Phai Vệ - Quốc Lộ 1A mới	31	4 - 2 - 4	6,0x 2	53,0
193	Đường Lê Đại Hành	<i>nt</i>	Đầu hồi tường rào trường DTNT tỉnh Lạng Sơn	Ngã ba rẽ vào tập thể nhà máy Xi Măng	15,0		6,0 x 2	27,0
194	Pò Đưa	<i>nt</i>	Ngã ba rẽ vào tập thể nhà máy xi măng	Đường Quốc Lộ 1A mới	11,25		6,0 x 2	23,25
<b>L</b>		<b>Hoàng Đồng</b>						
195	Đường Trần Đăng Ninh	<i>nt</i>	Đường sắt cắt ngang đường Trần Đăng Ninh	Ngã ba rẽ ra Quốc Lộ 1A (gần UBND xã Hoàng Đồng)	11,25		6,0 x 2	23,25
196	Đường Quốc Lộ 1A cũ	<i>nt</i>	Ngã ba rẽ ra Quốc Lộ 1A (gần UBND xã Hoàng Đồng)	Hết ranh giới mở rộng TP Lạng Sơn	10,5		4,5 x 2	19,5
197	Đường Quốc Lộ 1A mới	<i>nt</i>	Ranh giới xã Hoàng Đồng (khu vực Công nghiệp địa phương số 2)	Hết ranh giới mở rộng TP Lạng Sơn	31,0	4,0 - 2,0 - 4,0	6,0 x 2	53,0
<b>M</b>		<b>Phú Lộc 1+2 và phú lộc 3</b>						
198	Đường phụ số 1	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ngã ba đường số 6	Siêu thị	6,0		3,0 x 2	12,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 8	Cuối đường	6,0		3,0 x 2	12,0
199	Đường số 2	<i>nt</i>	Phía Nam siêu thị	Hết ranh giới quy hoạch (giáp suối Lao Ly)	11,5		6,0-3,0	20,5

200	Đường phụ số 2	<i>nt</i>	Ranh giới quy hoạch (gần suối Lao Ly)	Ngã ba đường 37	7,5		4,5x2	16,5
201	Đường số 3	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bông Lau	Ngã tư đường số 7	11,0		3,0 x 2	17,0
202	Đường số 3A	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 7	Ngã tư đường Trần Phú	7,5		4,5 x 2	16,5
203	Đường số 3B	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 7	Ngã ba đường số 8	6,0		3,0 x 2	12,0
204	Đường số 3C	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bông Lau	Ngã ba đường số 7	6,0		3,0 x 2	12,0
205	Đường số 3D	<i>nt</i>	Ngã ba đường số 6	Ngã ba đường số 3C	6,0		3,0 x 2	12,0
206	Đường số 4	<i>nt</i>	Ngã tư đường Bông Lau	Ngã tư đường số 8	7,5		4,5 x 2	16,5
207	Đường phụ số 4	<i>nt</i>						
	Đoạn 1	<i>nt</i>	Ranh giới quy hoạch (gần ngã tư đường Bông Lau)	Ngã ba đường phụ số 2	6,0		3,0 x 2	12,0
	Đoạn 2	<i>nt</i>	Ngã ba đường số 7A	Ngã ba đường số 8	6,0		3,0 x 2	12,0
208	Đường số 6	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 37	Ngã ba đường Bà Triệu	7,5		3,0 x 2	13,5
209	Đường số 6 *	<i>nt</i>	Ngã tư đường phụ số 1	Ngã tư đường số 37	7,5		4,5 x 2	16,5
210	Đường số 6A	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 3	Ngã ba đường số 37	6,0		3,0 - 1,5	10,5
211	Đường số 6B	<i>nt</i>	Ngã ba đường số 3C	Ngã ba đường số 3D	6,0		3,0 x 2	12,0
212	Đường số 6C	<i>nt</i>	Ngã ba đường số 3C	Ngã ba đường số 3D (gần bãi đỗ xe)	6,0		3,0 x 2	12,0
213	Đường số 7	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bà Triệu	Ngã tư đường số 37	11,0		3,0 x 2	17,0
214	Đường số 7A	<i>nt</i>	Ngã tư đường số 37	Cuối đường	11,0		4,5 x 2	20,0
215	Đường số 8	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bà Triệu	Ngã ba đường số 2	11,0		4,5 x 2	20,0
216	Đường 37	<i>nt</i>	Ngã ba đường Bông Lau	Ngã tư đường số 8	11,75 x 2	1,5	6,0 x 2	37,0

**BẢNG BIỂU SỐ 03:**  
**QUY ĐỊNH CHI TIẾT SỬ DỤNG TẠM HÈ PHỐ, LÒNG ĐƯỜNG, QUẢNG TRƯỜNG TRÊN MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG**  
**PHỐ NỘI THỊ VÀ VÙNG PHỤ CẬN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

TT	TÊN ĐƯỜNG	Quy định quản lý			
		Chỉ giới đường Hè+đường+giải phân cách+đường+hè (m)	Mục đích sử dụng hè phố, lòng đường, bãi xe	Chiều giao thông	Cấm giao thông
I	<b>Đường nội thị</b>				
A	<b>Phường Tam Thanh</b>				
1	Trần Đăng Ninh				
	Đoạn 1	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

2	Lê Hồng Phong	4,5 + 10,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
3	Tam Thanh	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
4	Nhị Thanh				
	Đoạn 1	5,0 + 10,5 + 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	3,5 + 10,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 3	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe</li> </ul>	2 chiều	

			<p>máy, ô tô.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
5	Yết Kiêu	3,5 + 10,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
6	Đường Lý Thường Kiệt cũ				
	Đoạn 1	2,5 + 3,75 + 2,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 3	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
7	Phố Muối				
	Đoạn 1	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
8	Bến Bắc	4,5 + 10,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
9	Hoà Bình	1,5 + 6,0 + 1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

10	Ngô Thị Nhậm	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
11	Ngô Thị Sỹ	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
12	Tô Thị	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
13	Lê Quý Đôn	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
14	Ba Sơn	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
15	Nguyễn Nghiễm	0 + 6,0 + 0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
16	Nà Trang A	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
17	Nà Trang B	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
18	Ngô Thị Vị	3 + 8,0 + 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
19	Mai Toàn Xuân	3,0 + 3,75 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
<b>B</b>	<b>Phường Hoàng Văn Thụ</b>				
20	Bắc Sơn				
	Đoạn 1	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	5,0 + 10,5 + 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
21	Lê Lai	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
22	Minh Khai				
	Đoạn 1	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.		
	Đoạn 2	2,0 + 6,0 + 2,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
23	Kỳ Lừa				
	Đoạn 1	3,0 + 6,0 + 0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	3,0 + 4,0 + 0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 3	3.0 + 6,0 + 0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
24	Lương Văn Chi	3,0 + 8,0 + 3,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
25	Phan Đình Phùng				
	Đoạn 1	2,5 + 8,0 + 2,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.	2 chiều	Kinh doanh

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		buôn bán
	Đoạn 2	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	1,5 + 5,0 + 1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
26	Trần Quốc Toàn	2,0 + 6,0 + 2,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
27	Phan Chu Trinh				
	Đoạn 1	1,5 + 5,0 + 1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	1,5 + 6,0 + 1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
28	Thân Công Tài	0+ 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
29	Ngô Văn Sở	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
30	Thân Cảnh Phúc				
	Đoạn 1	2,0 + 7,0 + 2,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	2,0 + 6,0 + 2,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
31	Trần Khánh Dư	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

32	Trần Phú				
	Đoạn 1	4,0 + 10,5 + 4,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	5,0 + 10,5 + 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
33	Bà Triệu	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
34	Bông Lau	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
35	Tây Sơn	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

			dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.		
36	Cao Thắng	2,25 + 6,0 + 2,25	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
37	Tô Hiến Thành	0 + 5,5 + 0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
38	Mạc Đình Chi	5,0 + 7,5 + 5,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
39	Tông Đản	1,5 + 8,0 + 1,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
40	Vi Đức Thắng	2,0 + 6,0 + 2,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
41	Nguyễn Thế Lộc	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
<b>C</b>	<b>Phường Vĩnh Trại</b>				
42	Lê Lợi	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
43	Ngô Quyền				
	Đoạn 1	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
	Đoạn 2	5,0 + 7,5 + 2,0 + 7,5 + 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
44	Lê Đại Hành				
	Đoạn 1	4,5 + 11,25 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
45	Nguyễn Tri Phương	3,0 - 5,0 + 11,5 + 3,0 - 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
46	17 tháng 10	3,0 - 6,0 + 10,5 + 3,0 - 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

47	Phai vệ				
	Đoạn 1	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	4,0 + 11,25 + 4,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
48	Mỹ Sơn	4,5 + 11,25 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
49	Nguyễn Du	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
50	Chu Văn An	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
51	Kéo Tào	3,0 + 7,5 - 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
52	Đường Bắc Sơn	5,0 + 10,5 + 5,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
53	Thân Thừa Quý	1,5 + 8,0 + 1,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
54	Đường Bà Triệu	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

55	Quốc Lộ 1A mới	6,0+3,0+1,0+11,0+3,0+11,0+1,0+3,0+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
56	Đường Lý Thường Kiệt	6,0 + 11,75 + 1,5 + 11,75 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
57	Đường Trần Đại Nghĩa	6,0 + 8,75 + 1,5 + 8,75 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
58	Đường Nhánh Đông	4,5 + 10,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

59	Phố Kim Đồng	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
60	Đường Lương Thế Vinh	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
61	Đường Bùi Thị Xuân	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
62	Đường Đặng Văn Ngữ	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
63	Đường Đinh Công Tráng	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<p>dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
64	Đường Đinh Lễ				
	Đoạn 1	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
65	Đường Lê Hữu Trác	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
66	Đường Lương Đình Của	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

67	Đường Đặng Dung	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>D</b>	<b>Tái định cư Tinh Dầu (Dân cư Cơ Khí)</b>				
68	Phố Tinh Dầu 1	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
69	Phố Tinh Dầu 2	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
70	Phố Tinh Dầu 3	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
71	Phố Tinh Dầu 4	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe</li> </ul>	2 chiều	

			<p>máy, ô tô.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
<b>E</b>	<b>Tái định cư Mỹ Sơn</b>				
72	Phố Mỹ Sơn 1	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
73	Phố Mỹ Sơn 2	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
74	Phố Mỹ Sơn 3	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa..</li> </ul>	2 chiều	
75	Phố Mỹ Sơn 4	3,0 + 6,0+ 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
76	Phố Mỹ Sơn 5	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
77	Phố Mỹ Sơn 6	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>F</b>	<b>Phường Đông Kinh</b>				
78	Quốc lộ 1A (tuyến số 1)	6,0+3,0+1,0+11,0+3,0+11,0+1,0+3,0+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
79	Lý Thái Tổ (Tuyến số 2)	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
80	Đường Bà Triệu (Tuyến số 3)				
	Đoạn 1	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	9,0 + 15,0 + 9,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
81	Đường Phai Vệ (Tuyến số 4)	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

82	Đường Ngô Quyền (Tuyến số 5)	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
83	Đường Lê Đại Hành (Tuyến số 6)	4,5 + 11,25 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
84	Nguyễn Du (Tuyến số 7)	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
85	Nguyễn Đình Chiểu (Tuyến số 8)	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
86	Ngô Gia Tự (Tuyến số 9)	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
87	Chu Văn An (Tuyển số 10)	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
88	Tuyển số 11 – CN1	6,0 + 7,5 + 6,0 + 7,5 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
89	Tuyển số 12	4,5 + 7,5 + 2,0 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
90	Tuyển số 13	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
91	Tuyển số 14	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
92	Tuyển số 15	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
93	Tuyển số 16	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
94	Tuyển số 17	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

95	Tuyển số 18	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
96	Tuyển số 19	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
97	Tuyển số 20	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
98	Tuyển số 21	3,0 + 7,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
99	Tuyển số 22	4,5 + 5,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
100	Tuyển số 23	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
101	Tuyển số 24	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
102	Tuyển số 25	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
103	Tuyển số 26	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

104	Tuyển số 27	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
105	Tuyển số 28	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
106	Tuyển số 29	4,5 + 7,5 + 8,0 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
107	Tuyển số 30	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
108	Tuyển số 31	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
109	Tuyển số 32	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
110	Tuyển số 33	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
111	Tuyển số 34	3,0 + 5,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
112	Tuyển số 35	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
113	Tuyển số 36	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe</li> </ul>	2 chiều	

			<p>máy, ô tô.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
114	Tuyển số 37	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
115	Tuyển số 38	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
116	Tuyển số 39	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
117	Tuyển số 40	3,75 + 7,5 + 3,75	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
118	Tuyển số 41	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
119	Tuyển số 42	4,25 + 7,0 + 4,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
120	Tuyển số 43	3,75 + 6,0 + 3,75	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
121	Tuyển số 44	6,5 + 10,5 + 6,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
122	Tuyển số 45	3,75 + 6,0 + 3,75	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
123	Tuyển số 46	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
124	Tuyển số 47	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
125	Tuyển số 48	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
126	Tuyển số 49	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> </ul>	2 chiều	

			- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.		
127	Tuyển số 50	3,5 + 7,5 + 3,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
128	Tuyển số 51	3,5 + 7,5 + 3,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
129	Tuyển số 52	3,5 + 7,5 + 3,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
130	Tuyển số 53	3,5 + 7,5 + 3,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
131	Tuyển số 54	3,5 + 7,5 + 3,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán.	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
132	Tuyển số 55	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
133	Tuyển số 56	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
134	Tuyển số 57	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
135	Tuyển số 58	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

136	Tuyển số 59	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
137	Tuyển số 60	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
138	Tuyển số 61	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
139	Tuyển số 62	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
140	Tuyển số 63	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
141	Tuyển số 64	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
142	Tuyển số 65	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
143	Tuyển số 66	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
144	Tuyển số 67	3,5 + 7,5 + 3,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

145	Tuyển số 68	$3,5 + 5,5 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
146	Tuyển số 69	$3,5 + 7,5 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
147	Tuyển số 70	$3,5 + 7,5 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
148	Tuyển số 71	$3,5 + 7,5 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
149	Tuyển số 72	$3,0 + 7,5 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<p>dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
150	Tuyến số 73	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>H</b>	<b>Phường Chi Lăng</b>				
151	Hùng Vương				
	Đoạn 1	6,0 + 8,0 + 11,25 + 11,0 + 8,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	8,0 + 46,0 + 8,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 3	8,0+24,0+3,5+6,0+3,5+8,0+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	1 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
	Đoạn 4	8,0+24,0+3,5+6,0+3,5+8,0+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
	Đoạn 5	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
152	Trần Hưng Đạo	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
153	Hoàng Văn Thụ				
	Đoạn 1	7,0 + 9,5 + 7,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

	Đoạn 2	$6,0 + 9,5 + 6,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
154	Trần Quang Khải				
	Đoạn 1	$3,5 + 10,5 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	$3,5 + 8,0 + 3,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
155	Đình Tiên Hoàng	$6,0 + 15,0 + 6,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
156	Xứ Nhu	$3,0 + 7,0 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
157	Nguyễn Thái Học				
	Đoạn 1	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
158	Quang Trung				
	Đoạn 1	11,5 + 10,5 + 10,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	11,5 + 10,5 + 15,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
159	Trần Nhật Duật	3,0 + 8,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
160	Trung Trắc	1,0 + 6,0 + 1,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
161	Hoàng Diệu	1,0 + 6,0 + 1,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
162	Phạm Ngũ Lão	0 + 6,0 + 0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
163	Trung Nhị	0 + 6,0 + 0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
164	Lý Tự Trọng	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
165	Đường Thành	4,0 + 8,0 + 4,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyên vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	

			- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.		
166	Mai Thế Chuẩn	2,0 + 6,0 + 2,0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
167	Dã Tượng				
	Đoạn 1	6,0 + 15,0 + 6,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
	Đoạn 2	2,0 + 8,0 + 2,0	- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
168	Văn Cao	2,0 + 8,0 + 2,0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
169	Đại Huệ	1,0 + 6,0 + 1,0	- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
170	Cửa Nam				
	Đoạn 1	4,5 + 14,0 + 1,5	- Sử dụng tạm thời để ô tô. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
	Đoạn 2	4,5 + 8,0 + 4,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
171	Văn Miếu	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
172	Tổ Sơn	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
173	Chùa Tiên	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
174	Phai Luông				
	Đoạn 1	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
	Đoạn 2	0 + 7,5 + 0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
175	Đèo Giang	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
176	Phan Huy Chú	4,5 + 8,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
177	Phan Bội Châu	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
178	Tuệ Tĩnh	2,25 + 6,0 + 2,25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

179	Hoàng Hoa Thám	$2,25 + 6,0 + 2,25$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán
180	Văn Vi	$4,5 + 8,0 + 4,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>I</b>	<b>Tái định cư Phai Luông</b>				
181	Phai Luông số 1	$3,0 + 10,5 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
182	Phai Luông số 2	$3,0 + 5,5 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	

183	Phai Luông số 3	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
184	Phai Luông số 4	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
185	Phai Luông số 5	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
186	Phai Luông số 6	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
187	Phai Luông số 7	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
188	Phai Luông số 8	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
189	Phai Luông số 9	3,0 + 5,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>II</b>	<b>Khu vực phụ cận</b>				
<b>K</b>	<b>Xã Mai Pha</b>				
190	Phai Vệ	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
191	Hùng Vương	6,0 + 7,0 + 1,0 + 7,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	1 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
192	Quốc Lộ 1A mới	6,0+7,5+4,0+8,0+2,0+8,0+4,0+7,5+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Lắp đặt cửa hàng, ki ốt</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	
193	Lê Đại Hành	6,0 + 15,0 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
194	Pò Đưa	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
<b>L</b>	<b>Xã Hoàng Đồng</b>				
195	Trần Đăng Ninh	6,0 + 11,25 + 6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> </ul>	2 chiều	

			- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.		
196	Quốc Lộ 1A cũ	4,5 + 10,5 + 4,5	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
197	Quốc Lộ 1A mới	6,0+7,5+4,0+8,0+2,0+8,0+4,0+7,5+6,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh, buôn bán. - Lắp đặt cửa hàng, ki ốt. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn, biển quảng cáo. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	1 chiều	
<b>III</b>	<b>Các khu đô thị mới</b>				
<b>M</b>	<b>Phú Lộc 123</b>				
198	Đường phụ số 1				
	Đoạn 1	3,0 + 6,0 + 3,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình. - Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn. - Sử dụng vào hoạt động văn hóa.	2 chiều	
	Đoạn 2	3,0 + 6,0 + 3,0	- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô. - Kinh doanh buôn bán. - Trung chuyển vật liệu thi công xây	2 chiều	

			<p>dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
199	Đường số 2	6,0 + 11,5 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
200	Đường phụ số 2	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
201	Đường số 3	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
202	Đường số 3A	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
203	Đường số 3B	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
204	Đường số 3C	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
205	Đường số 3D	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
206	Đường số 4	4,5 + 7,5 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
207	Đường phụ số 4				

	Đoạn 1	$3,0 + 6,0 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
	Đoạn 2	$3,0 + 6,0 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
208	Đường số 6	$3,0 + 7,5 + 3,0$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
209	Đường số 6*	$4,5 + 7,5 + 4,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
210	Đường số 6A	$3,0 + 6,0 + 1,5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> </ul>	2 chiều	Kinh doanh buôn bán

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
211	Đường số 6B	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
212	Đường số 6C	3,0 + 6,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
213	Đường số 7	3,0 + 11,0 + 3,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
214	Đường số 7A	4,5 + 11,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	2 chiều	
215	Đường số 8	4,5 + 11,0 + 4,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy.</li> </ul>	2 chiều	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh, buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>		
216	Đường 37	6,0+11,75+1,5+11,75+6,0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tạm thời để xe đạp, xe máy, ô tô.</li> <li>- Kinh doanh buôn bán.</li> <li>- Trung chuyển vật liệu thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn.</li> <li>- Sử dụng vào hoạt động văn hóa.</li> </ul>	1 chiều	

**I. CẤP PHÉP XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ.****Phụ lục số 1**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tương đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)*

Kính gửi: .....

**1. Thông tin về chủ đầu tư:**

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ (nếu có): .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường/phố ..... Phường/xã .....
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: .....
- Số điện thoại: .....

**2. Thông tin công trình:**

- Địa điểm xây dựng: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại số nhà: ..... Đường/phố ..... Quận/huyện .....
- Phường/xã .....
- Tỉnh, thành phố: .....

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:****3.1. Đối với công trình không theo tuyến:**

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng: ..... m<sup>2</sup>.
- Cốt xây dựng: ..... m
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### 3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình: ..... m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt cửa công trình: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)

- Chiều cao tính không của tuyến: ..... m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

### 3.3. Đối với công trình tương đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m

- Chiều cao công trình: .....m

### 3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m

- Chiều cao công trình: .....m

- Nội dung quảng cáo: .....

### 3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### 3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### 3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

+ Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>

+ Cốt xây dựng: .....m

+ Chiều sâu công trình: .....m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### 3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: .....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: .....m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

### 3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: .....

+ Đã được: ..... phê duyệt, theo Quyết định số: ..... ngày .....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

### 3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>

- Chiều cao công trình: .....m<sup>2</sup>

- 
- 
- Địa điểm công trình di dời đến: .....
  - Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>
  - Tại: ..... Đường: .....
  - Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....
  - Tỉnh, thành phố: .....
  - Số tầng: .....
- 4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:** .....
- Tên đơn vị thiết kế: .....
  - Chúng chi năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ..... Cấp ngày .....
  - Tên chủ nhiệm thiết kế: .....
  - Chúng chi hành nghề cá nhân số: ..... do ..... Cấp ngày: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....
  - Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
- 5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:** ..... tháng.
- 6. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

- 1 -
- 2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn/Dại diện chủ đầu tư**  
*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*

**Phụ lục số 2**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): .....

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã) .....

..... Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng: .....

- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>

- Tại: ..... Đường: .....

- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (Số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....

- Tên đơn vị thiết kế: .....

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ..... Cấp ngày .....

.....

- Tên chủ nhiệm thiết kế: .....

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ..... do ..... Cấp ngày: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ..... tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

- 1 -
- 2 -

..... ngày..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư**

*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*

**Phụ lục số 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế: .....
  - 1.1. Tên: .....
  - 1.2. Địa chỉ: .....
  - 1.3. Số điện thoại: .....
  - 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: .....
  2. Kinh nghiệm thiết kế: .....
  - 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
    - a) .....
    - b) .....
  - 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
    - a) Số lượng: .....
    - Trong đó:
      - Kiến trúc sư: .....
      - Kỹ sư các loại: .....
    - b) Chủ nhiệm thiết kế:
      - Họ và tên: .....
      - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ): .....
      - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ): .....
  - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
    - Họ và tên: .....
    - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ): .....
    - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ): .....
- .....
- ....., Ngày ..... tháng..... năm .....
- Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế**  
(Ký ghi rõ họ tên)



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

*Nơi nhận:*

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4 (mẫu 2)**

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cho công trình ngầm)*

1. Cấp cho: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã): ..... Quận (huyện).... Tỉnh, thành phố: ...
  2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau: .....
  - Theo thiết kế: .....
  - Do: (tên tổ chức tư vấn) ..... lập
  - Đơn vị thẩm định, thẩm tra *(nếu có)*: .....
  - Gồm các nội dung sau:
    - Tên công trình: .....
    - Vị trí xây dựng: .....
    - + Điểm đầu công trình (Đối với công trình theo tuyến): .....
    - + Điểm cuối công trình (Đối với công trình theo tuyến): .....
  - Quy mô công trình: .....
  - Tổng chiều dài công trình: .....m.
  - Chiều rộng công trình: ..... từ: ..... m, đến: ..... m.
  - Chiều sâu công trình: ..... từ: ..... m, đến: ..... m.
  - Khoảng cách nhỏ nhất đến công trình lân cận: .....
3. Giấy tờ về đất đai: .....
  4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4 (mẫu 3)**

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cho công trình theo tuyến trong đô thị)*

- Cấp cho: .....  
- Địa chỉ: .....  
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã):..... Quận (huyện)..... Tỉnh, thành phố: .....  
*(Sử dụng cho công trình theo tuyến trong đô thị)*
- Được phép xây dựng công trình: (tên công trình) .....  
- Theo thiết kế: ..... lập  
- Do: *(tên tổ chức tư vấn)* .....  
- Đơn vị thẩm định, thẩm tra *(nếu có)*: .....  
- Gồm các nội dung sau:  
+ Vị trí xây dựng *(ghi rõ vị trí, địa chỉ)*: .....  
+ Hướng tuyến công trình: .....  
+ Cốt nền xây dựng công trình: .....  
+ Chiều sâu công trình *(đối với công trình ngầm theo tuyến)*: .....  
3. Giấy tờ về đất đai: .....  
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4 (mẫu 4)**

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cấp theo giai đoạn của công trình không theo tuyến)*

- Cấp cho: .....
- Địa chỉ: .....
- Số nhà: ..... Đường ..... Phường (xã): ..... Quận (huyện)..... Tỉnh, thành phố: .....
- Được phép xây dựng hạng mục công trình: *(tên hạng mục công trình)* .....
- Theo thiết kế: .....
- Do: *(tên tổ chức tư vấn)* ..... lập
- Đơn vị thẩm định, thẩm tra (nếu có): .....
- Gồm các nội dung sau:
  - \* *Giai đoạn 1:*
    - Vị trí xây dựng *(ghi rõ lô đất, địa chỉ)*: .....
    - Cốt nền xây dựng công trình: .....
    - Mật độ xây dựng: ....., hệ số sử dụng đất: .....
    - Chỉ giới đường đỏ: ....., chỉ giới xây dựng: .....
    - Diện tích xây dựng: ..... m<sup>2</sup>
    - \* *Giai đoạn 2:*
      - Tổng diện tích sàn xây dựng: ..... m<sup>2</sup>
      - Chiều cao công trình: .....m
      - Số tầng *(ghi rõ số tầng hầm, tầng lửng)*: ..... tầng
      - Màu sắc công trình: .....
- Đối với khu vực đã có thiết kế đô thị được duyệt thì bổ sung những nội dung theo quy định của Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.
- Giấy tờ về đất đai: .....
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*



(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4 (mẫu 6)**

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cấp cho dự án)*

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ: .....

Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã): ..... Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: .....

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: .....

- Tổng số công trình: (n) công trình

- Công trình số (1-n): .....

*(Ghi theo nội dung tại các Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 .... phù hợp với từng loại công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng)*

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: .....

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

- Công trình: .....

- Công trình: .....

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;

- Lưu VT, .....

(Trang 2)

**Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4** (mẫu 7)

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: ..... /GPXD

*(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ)*

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ: .....

- Số nhà: ..... Đường..... Phường (xã): ..... Quận (huyện)..... Tỉnh, thành phố: .....

2. Được phép xây dựng công trình: (tên công trình) .....

- Theo thiết kế: .....

- Do: .....lập

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng (ghi rõ lô đất, địa chỉ): .....

+ Cốt nền xây dựng công trình: .....

+ Mật độ xây dựng: ....., hệ số sử dụng đất: .....

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: .....

+ Màu sắc công trình (nếu có): .....

+ Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>+ Tổng diện tích sàn (bao gồm cả tầng hầm và tầng lửng) .....m<sup>2</sup>

+ Chiều cao công trình: .....m; số tầng: .....

Đổi với khu vực đã có thiết kế đô thị được duyệt thì bổ sung những nội dung theo quy định của Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: .....

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;

- Lưu VT, .....

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4** (mẫu 8)

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP SỬA CHỮA, CẢI TẠO CÔNG TRÌNH/NHÀ Ở**

Số: /GPSC (GPCT)

1. Cấp cho: .....
- Địa chỉ: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã) .....
- Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: .....
- Số điện thoại: .....
2. Hiện trạng công trình: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: .....
- Phường (xã) ..... Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
3. Được phép sửa chữa, cải tạo với nội dung sau: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích cải tạo: .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)
4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất và sở hữu công trình: .....

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4 (mẫu 9)**

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)***Cơ quan cấp GPXD...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP DI DỜI CÔNG TRÌNH**

Số: /GPDDCT

1. Cấp cho: .....
- Địa chỉ: .....
- Số nhà: ..... Đường (phố): .....
- Phường (xã): ..... Quận (huyện) .....
- Tỉnh, thành phố: .....
2. Được phép di dời công trình:
  - Tên công trình: .....
  - Từ địa điểm: *(ghi rõ lô đất, địa chỉ)*
  - Quy mô công trình: *(diện tích mặt bằng, chiều cao công trình)*
  - Tới địa điểm: .....: *(ghi rõ lô đất, địa chỉ)*
  - Lô đất di dời đến: *(diện tích, ranh giới)*
  - Cốt nền công trình di dời đến: .....
  - Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: .....
3. Thời gian di dời: Từ ..... đến .....
4. Nếu quá thời hạn quy định tại giấy phép này phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục số 4** (mẫu 10)

(Trang 1)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

Cơ quan cấp GPXD...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cho công trình, nhà ở riêng lẻ)*

1. Nội dung tương ứng với nội dung của giấy phép xây dựng đối với các loại công trình và nhà ở riêng lẻ.
2. Công trình được tồn tại đến: .....
3. Chủ đầu tư phải tự dỡ bỏ công trình, không được đòi hỏi bồi thường phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời hạn ghi trong giấy phép được cấp.
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng***(Ký tên, đóng dấu)*

*Phụ lục số 5*

Mẫu bản kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Số điện thoại:

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:

2. Kinh nghiệm thiết kế:

2.1. Kê 3 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a)

b)

c)

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

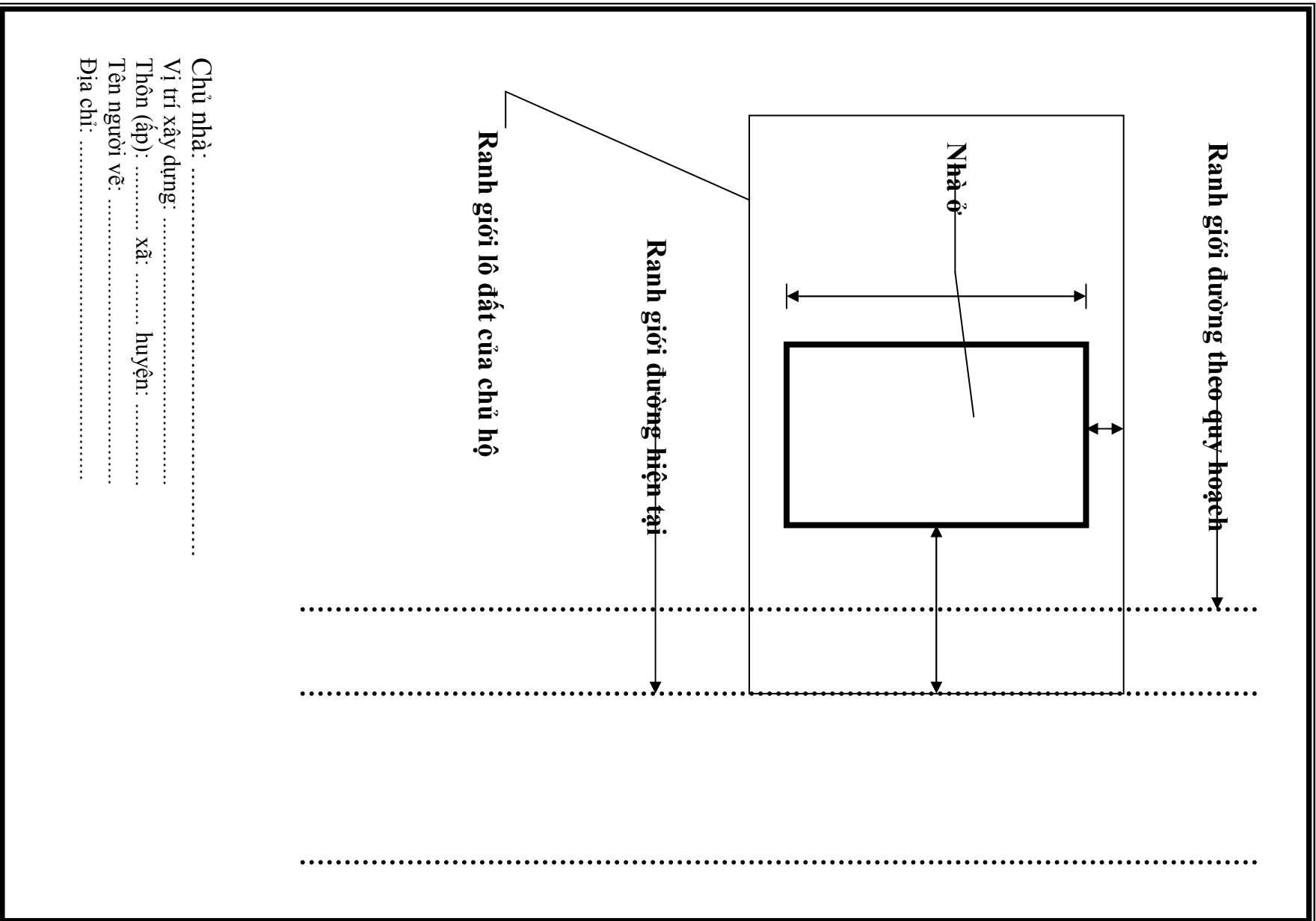
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện đơn vị thiết kế

*Phụ lục số 6*

Mẫu sơ đồ mặt bằng



Chủ nhà: .....  
Vị trí xây dựng: .....  
Thôn (ấp): ..... xã: ..... huyện: .....  
Tên người vẽ: .....  
Địa chỉ: .....

a) Số lượng:

Trong đó:

- KTS:

- KS các loại:

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., ngày.....tháng.....năm.....  
Đại diện đơn vị thiết kế

### Mẫu Hồ sơ Cấp giấy phép sử dụng đào hè, lòng đường phố

Gồm:

1. Đơn đề nghị sử dụng đào hè, lòng đường phố (theo mẫu).
2. Các bản vẽ thiết kế thể hiện mặt bằng, vị trí đào, kích thước đào, kết cấu tái lập.
3. Các văn bản thống nhất về phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và tiến độ thi công giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.
4. Hồ sơ thiết kế tái lập mặt hè, lòng đường phố (nếu không có thiết kế định hình) được cơ quan quản lý hè, lòng đường phố đó phê duyệt;
5. Hợp đồng tái lập mặt hè, lòng đường phố với đơn vị có chức năng thực hiện theo quy định.
6. Hợp đồng giám sát công tác tái lập mặt hè, lòng đường phố.

7. Đối với các công trình đào hè, lòng đường phố cần hạn chế giao thông phải có phương án phân luồng giao thông. Phương án phân luồng giao thông phải được Sở Giao thông vận tải thông qua.

8. Đối với những tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ đi qua đô thị do Trung ương hoặc Tỉnh quản lý các tổ chức, cá nhân có đào hè, lòng đường đó phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan trực tiếp quản lý tuyến đường đó.

9. Giấy phép việc sử dụng đào hè, lòng đường phố được ký kết giữa Chủ tịch UBND thành phố với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đào hè, lòng đường phố. Chủ tịch UBND thành phố có thể uỷ quyền cho Phòng Quản lý đô thị ký bản cam kết việc sử dụng đào hè, lòng đường phố thuộc địa giới hành chính mình quản lý.

**Phụ lục số 7**  
**Mẫu đơn đề nghị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN HỀ PHỒ, LÒNG  
ĐƯỜNG ĐỒ THỊ NGOÀI MỤC ĐÍCH GIAO THÔNG

Kính gửi: .....

-Tên tôi:..... Chức vụ.....

- Đại diện:..... (cơ quan hoặc hộ gia đình).....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....

Xin được sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường tại địa chỉ:.....

....(*Ghi rõ vị trí, tên đường, thuộc phường, xã, thị trấn*).....

Từ số nhà ..... đến số nhà.....

Diện tích:..... Trong đó:

+ Diện tích vỉa hè (dài x rộng = ...m<sup>2</sup>):.....(*ghi rõ dài x rộng = ...m<sup>2</sup>*).....

+ Diện tích lòng đường (dài x rộng = ...m<sup>2</sup>):.....(*ghi rõ dài x rộng = ...m<sup>2</sup>*)....

Mục đích sử dụng: .....

.....  
.....

Thời gian sử dụng: Từ ..... giờ ngày..... tháng ..... năm ..... đến ..... giờ ngày..... tháng ..... năm.....

Nếu được cho phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường ngoài mục đích giao thông tại vị trí nêu trên, Tôi xin cam kết chấp hành đúng các quy định của nhà nước.

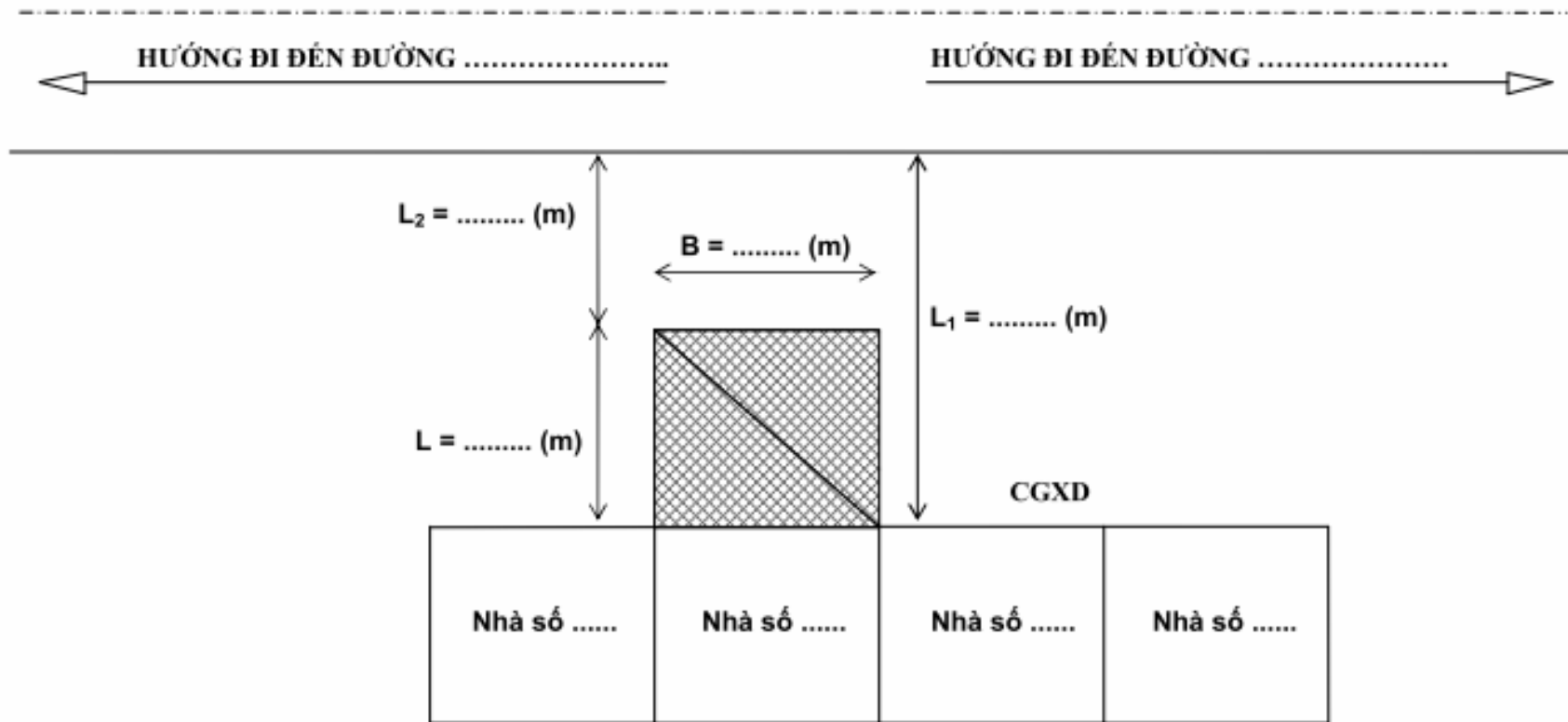
..... ngày..... tháng..... năm.....  
**Người làm đơn**

*(Ký ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức phải đóng dấu)*

*Phụ lục số 8*

**VỊ TRÍ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI HÈ PHỐ, LÒNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ NGOÀI MỤC ĐÍCH GIAO THÔNG**

(Địa chỉ: ..... )



**GHI CHÚ:**



**Vị trí sử dụng:**

Diện tích:  $L(m) \times B(m) = \dots\dots\dots(m^2)$

*Phụ lục số 9*

## **QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY PHÉP**

1. Sử dụng đúng mục đích ghi trong giấy phép.
  2. Không được sang nhượng và tự ý sửa đổi nội dung đã ghi trong giấy phép, nếu cần thay đổi thì phải xin phép.
  3. Khi giấy phép hết hạn, nếu còn nhu cầu sử dụng thì phải làm đơn xin gia hạn.
  4. Trường hợp mất giấy phép, phải có đơn cơ mật để xét cấp lại.
  5. Xuất trình giấy phép cho các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi có yêu cầu.
  6. Phải chấp hành các quy định của Nhà nước về trật tự an toàn, vệ sinh công cộng và quy định sử dụng vỉa hè, lòng đường.
- Nếu vi phạm quy định sẽ bị thu hồi giấy phép và bị xử lý theo quy định.

(Cơ quan cấp phép) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

## **GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI VỈA HÈ, LÒNG ĐƯỜNG NGOÀI MỤC ĐÍCH GIAO THÔNG**

(Cơ quan cấp phép) .....

Cho phép: .....

Địa chỉ: ..... Đường .....

Phường (xã) ..... Huyện (thị xã, thành phố).....

Được phép tạm thời sử dụng một phần vỉa hè, lòng đường

Vào mục đích: .....

Kích thước, diện tích: (Ghi rõ kích thước, diện tích cấp phép) ....

Tính chất sử dụng: .....

Giờ sử dụng trong ngày: ..... giờ đến .....giờ

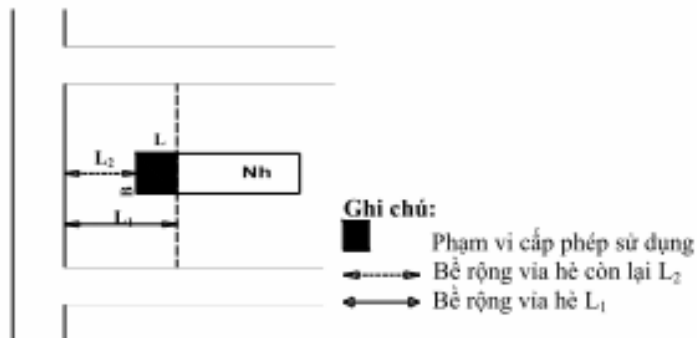
Giấy phép có giá trị từ ngày: ..... đến .....

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

(Cơ quan cấp phép ký tên, đóng dấu)

#### MẶT BẰNG CẤP PHÉP SỬ DỤNG

(Thể hiện rõ mặt bằng cấp phép sử dụng)



#### GIA HẠN GIẤY PHÉP

Gia hạn lần 1: Đến ngày: .....

....., ngày ..... tháng .... năm ...

(Cơ quan cấp phép ký tên, đóng dấu)

Gia hạn lần 2: Đến ngày: .....

....., ngày ..... tháng .... năm ...

(Cơ quan cấp phép ký tên, đóng dấu)

Gia hạn lần 3: Đến ngày: .....

....., ngày ..... tháng .... năm ...

(Cơ quan cấp phép ký tên, đóng dấu)

Gia hạn lần 4: Đến ngày: .....

....., ngày ..... tháng .... năm ...

(Cơ quan cấp phép ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 10**  
**Mẫu văn bản chấp thuận**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

(Tên cấp có thẩm quyền)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../UBND-.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v chấp thuận cho phép sử dụng  
tạm thời một phần hệ phố, lòng  
đường ngoài mục đích giao thông  
cho hoạt động ....(ghi rõ hoạt  
động sử dụng).....

Kính gửi:

(Địa chỉ: .....

..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... đã nhận được đơn đề nghị cho phép sử dụng tạm thời một phần hệ phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông của ..... (ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... đề ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi kiểm tra thực tế hiện trường, đối chiếu với các quy định tại Quyết định số ...../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh quy định về sử dụng tạm thời một phần hệ phố, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. .... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho ....(ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... được phép sử dụng .....(ghi rõ hệ phố hoặc lòng đường hoặc cả lòng đường hệ phố)..... vào mục đích.....(ghi rõ hoạt động sử dụng)..... trên đường ....(ghi rõ tên đường)..... thuộc phường (xã, thị trấn)....., thành phố (huyện)..... từ số nhà (hoặc lý trình)..... đến số nhà (hoặc lý trình)..... cụ thể như sau:

- Hệ phố: Chiều rộng được phép sử dụng tạm thời là: ..... m tính từ.....(ghi rõ tính từ mép tiếp giáp nhà bên trong vỉa hè trở ra hoặc từ mép bó vỉa trở vào)..... Chiều rộng còn lại là: .....m.

- Lòng đường: Chiều rộng được phép sử dụng tạm thời là: ..... m. Chiều rộng còn lại dành cho giao thông là: .....m.

- Tổng diện tích sử dụng tạm thời:..... Trong đó:

+ Diện tích vỉa hè:.....(ghi rõ dài x rộng = ...m<sup>2</sup>).....

+ Diện tích lòng đường:.....(ghi rõ dài x rộng=...m<sup>2</sup>).....

- Thời gian sử dụng: .....(ghi rõ thời gian được phép sử dụng phù hợp với mục đích được phép sử dụng).....

2. ....(ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... có trách nhiệm .....  
.....(ghi rõ trách nhiệm về đảm bảo giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, nộp phí sử dụng nếu có, chấp hành sự kiểm tra của các cơ quan,.....).....

3. UBND phường (xã, thị trấn)..... có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, thu phí sử dụng (nếu có) và xử lý vi phạm hành chính đối với ....(ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... khi vi phạm các nội dung tại mục 1, 2 nêu trên và thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền.

..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... thông báo cho cho ....(ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... biết và thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Sở GTVT (b/c);
- Sở liên quan (nếu có);
- UBND huyện, TP;
- Công an huyện;
- Chi cục thuế huyện (TP);
- Phòng liên quan;
- UBND phường (thị trấn, xã).....;
- Đơn vị quản lý, SCTX (ghi rõ tên công ty);
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI  
KÝ**

*(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục số 11****Mẫu đơn đề nghị gia hạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHO PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN HỀ PHỐ,  
LÒNG ĐƯỜNG ĐỒ THỊ NGOÀI MỤC ĐÍCH GIAO THÔNG

Kính gửi: .....

-Tên tôi:..... Chức vụ.....

- Đại diện:..... (cơ quan hoặc hộ gia đình).....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....

Đã được ..... (*ghi rõ tên cấp có thẩm quyền*)..... chấp thuận cho phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông cho hoạt động.....(*ghi rõ hoạt động sử dụng*)..... tại văn bản số ...../..... ngày..... tháng ..... năm..... trên đường .....(*ghi rõ tên đường*)..... thuộc phường (xã, thị trấn)....., thành phố (huyện)..... từ số nhà (hoặc lý trình)..... đến số nhà (hoặc lý trình)..... với thời gian sử dụng:.....(*ghi rõ thời gian đã được chấp thuận*).....

Nay do nhu cầu.....(*ghi rõ lý do*)..... Tôi đề nghị ..... (*ghi rõ tên cấp có thẩm quyền*)..... gia hạn thời gian sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông tại văn bản số ...../..... của ..... (*ghi rõ tên cấp có thẩm quyền*).... ngày.....tháng ..... năm..... đến ngày ..... tháng ..... năm.....

Nếu được gia hạn, Tôi xin cam kết chấp hành đúng các quy định của nhà nước.

.....ngày.....tháng..... năm.....

**Người làm đơn**

(Ký ghi rõ họ tên, nêu là tổ chức phải đóng dấu)

**Phụ lục số 12****Mẫu văn bản gia hạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

(Tên cấp có thẩm quyền)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../UBND-.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

V/v chấp thuận gia hạn cho phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông cho hoạt động ..... (ghi rõ hoạt động sử dụng).....

Kính gửi:

(Địa chỉ: .....

..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... đã nhận được đơn đề nghị gia hạn cho phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông của ..... (ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... đề ngày..... tháng..... năm.....

Sau khi kiểm tra thực tế hiện trường, đối chiếu với các quy định tại Quyết định số ...../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh quy định về sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường đó thì ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. .... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận gia hạn thời gian sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông tại văn bản số ...../.....-..... của ..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền).... ngày...tháng...năm..... đến ngày ..... tháng ..... năm.....

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo văn bản số ...../.....-..... của ..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... ngày...tháng...năm.....

..... (ghi rõ tên cấp có thẩm quyền)..... thông báo cho cho .... (ghi rõ tên cá nhân hoặc tổ chức)..... biết và thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Sở GTVT (b/c);
- Sở liên quan (nếu có);
- UBND huyện, TP;
- Công an huyện, tp;
- Chi cục thuế huyện (TP);
- Phòng liên quan;
- UBND phường (thị trấn, xã).....
- Đơn vị quản lý, SCTX (ghi rõ tên công ty);
- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI**

**KÝ**

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)